VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 10/2018/TT-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2018 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Cà Mau

(Tiếp theo Công báo số 993 + 994)

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH CÀ MAU
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH CÀ MAU

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Cái Đôi Vàm	DC	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân	08° 51' 39"	104° 49' 18"					C-48-78-B-c
ấp Tân Hải	DC	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân	08° 53' 04"	104° 48' 05"					C-48-78-B-a
ấp Thanh Đạm A	DC	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân	08° 52' 04"	104° 50' 28"					C-48-78-B-c
ấp Thanh Đạm B	DC	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân	08° 53' 07"	104° 49' 05"					C-48-78-B-a
Khóm 1	DC	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân	08° 51' 31"	104° 48' 59"					C-48-78-B-c
Khóm 2	DC	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân	08° 51' 16"	104° 48' 21"					C-48-78-B-c
Khóm 3	DC	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân	08° 51' 31"	104° 48' 19"					C-48-78-B-c
Khóm 4	DC	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân	08° 51' 38"	104° 47' 44"					C-48-78-B-c
Khóm 5	DC	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân	08° 51' 46"	104° 47' 53"					C-48-78-B-c
Khóm 6	DC	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân	08° 51' 38"	104° 48' 28"					C-48-78-B-c
Khóm 7	DC	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân	08° 51' 38"	104° 49' 02"					C-48-78-B-c
Lăng Ông	KX	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân	08° 51' 47"	104° 47' 41"					C-48-78-B-c
thánh thất Nguyệt Cảnh	KX	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân	08° 51' 49"	104° 49' 54"					C-48-78-B-c
Kênh 90	TV	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân			08° 48' 50"	104° 54' 02"	08° 52' 22"	104° 50' 46"	C-48-78-B-c
kênh Bảy Sử	TV	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân			08° 51' 49"	104° 47' 45"	08° 52' 09"	104° 48' 21"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-c
kênh Cái Đôi Nhỏ	TV	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân			08° 51' 32"	104° 47' 17"	08° 51' 15"	104° 51' 46"	C-48-78-B-c
kênh Công Nghiệp	TV	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân			08° 53' 58"	104° 47' 53"	08° 53' 58"	104° 51' 35"	C-48-78-B-a
kênh Cơi 5	TV	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân			08° 51' 46"	104° 47' 48"	08° 50' 04"	104° 47' 50"	C-48-78-B-c
kênh Cựa Gà	TV	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân			08° 51' 47"	104° 49' 17"	08° 52' 34"	104° 49' 08"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Đê Biển Tây	TV	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân			09° 32' 00"	104° 50' 07"	08° 51' 47"	104° 48' 38"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-c
kênh Kiểm Lâm	TV	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân			08° 51' 37"	104° 49' 10"	08° 49' 12"	104° 49' 11"	C-48-78-B-c
kênh Làng Cá	TV	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân			08° 51' 35"	104° 48' 22"	08° 50' 12"	104° 48' 25"	C-48-78-B-c
kênh Lô 1	TV	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân			08° 51' 39"	104° 49' 10"	08° 53' 54"	104° 48' 58"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-c
kênh Lô 2	TV	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân			08° 51' 36"	104° 48' 37"	08° 58' 33"	104° 48' 53"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-c
kênh Lô 3	TV	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân			08° 53' 57"	104° 48' 09"	08° 52' 03"	104° 48' 03"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-c
kênh Lộ Xe Cái Nước - Cái Đôi Vàm	TV	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân			08° 51' 22"	104° 49' 10"	08° 54' 37"	104° 56' 03"	C-48-78-B-c
kênh Mỹ Hưng	TV	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân			08° 52' 25"	104° 50' 38"	08° 52' 52"	104° 49' 08"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-c
kênh Năm Nhung	TV	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân			08° 51' 50"	104° 49' 41"	08° 51' 09"	104° 49' 44"	C-48-78-B-c
kênh Phòng Hộ	TV	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân			08° 49' 28"	104° 46' 52"	08° 58' 42"	104° 48' 11"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-c
sông Cái Đôi Vàm	TV	TT. Cái Đôi Vàm	H. Phú Tân			08° 52' 24"	104° 50' 44"	08° 51' 52"	104° 47' 32"	C-48-78-B-c
ấp Cái Đôi Nhỏ	DC	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân	08° 51' 08"	104° 49' 50"					C-48-78-B-c
ấp Cái Đôi Nhỏ A	DC	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân	08° 51' 13"	104° 50' 46"					C-48-78-B-c
ấp Cái Đôi Nhỏ B	DC	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân	08° 50' 14"	104° 48' 44"					C-48-78-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Cơi 6	DC	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân	08° 50' 39"	104° 47' 27"					C-48-78-B-c
ấp Gò Công	DC	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân	08° 46' 53"	104° 49' 12"					C-48-78-B-c
ấp Gò Công Đông	DC	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân	08° 46' 43"	104° 49' 19"					C-48-78-B-c
ấp Sào Lưới	DC	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân	08° 48' 03"	104° 48' 20"					C-48-78-B-c
ấp Sào Lưới Đông	DC	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân	08° 48' 30"	104° 51' 07"					C-48-78-B-c
ấp Sào Lưới Tây	DC	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân	08° 49' 36"	104° 47' 42"					C-48-78-B-c
ấp Tân Quảng A	DC	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân	08° 49' 07"	104° 51' 45"					C-48-78-B-c
ấp Tân Quảng B	DC	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân	08° 49' 28"	104° 50' 35"					C-48-78-B-c
ấp Tân Quảng Đông	DC	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân	08° 49' 34"	104° 53' 07"					C-48-78-B-d
ấp Tân Quảng Tây	DC	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân	08° 49' 45"	104° 49' 32"					C-48-78-B-c
ấp Xẻo Sâu	DC	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân	08° 48' 23"	104° 52' 40"					C-48-78-B-d
Ban quản lý Rừng Phòng hộ Sào Lưới	KX	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân	08° 49' 06"	104° 47' 57"					C-48-78-B-c
cửa Bảy Háp	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân	08° 46' 27"	104° 51' 18"					C-48-78-B-c
Kênh 50	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 48' 48"	104° 50' 54"	08° 50' 05"	104° 50' 25"	C-48-78-B-c
Kênh 90	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 48' 50"	104° 54' 02"	08° 52' 22"	104° 50' 46"	C-48-78-B-c, C-48-78-B-d
kênh Bào Thùng	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 51' 12"	104° 53' 49"	08° 49' 35"	104° 52' 09"	C-48-78-B-c
kênh Bà Quản	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 48' 48"	104° 50' 49"	08° 48' 34"	104° 49' 44"	C-48-78-B-c
kênh Bến Mã	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 47' 35"	104° 52' 23"	08° 48' 47"	104° 50' 53"	C-48-78-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Biên Phòng	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 49' 27"	104° 46' 48"	08° 49' 47"	104° 49' 12"	C-48-78-B-c
kênh Cái Đôi Nhỏ	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 51' 32"	104° 47' 17"	08° 51' 15"	104° 51' 46"	C-48-78-B-c
kênh Chà Là	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 51' 04"	104° 49' 41"	08° 50' 23"	104° 49' 54"	C-48-78-B-c
kênh Cơi 5	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 51' 46"	104° 47' 48"	08° 50' 04"	104° 47' 50"	C-48-78-B-c
kênh Cơi 6	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 51' 19"	104° 47' 47"	08° 49' 56"	104° 47' 14"	C-48-78-B-c
kênh Cờ Trắng	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 51' 19"	104° 50' 15"	08° 50' 30"	104° 50' 33"	C-48-78-B-c
Kênh Cùng	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 49' 09"	104° 51' 45"	08° 49' 57"	104° 50' 54"	C-48-78-B-c
kênh Cựa Gà	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 49' 33"	104° 50' 17"	08° 50' 20"	104° 50' 11"	C-48-78-B-c
kênh Đê Tây	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 48' 30"	104° 51' 28"	08° 49' 18"	104° 49' 32"	C-48-78-B-c
kênh Đòn Dong Cũ	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 49' 33"	104° 52' 05"	08° 50' 00"	104° 50' 47"	C-48-78-B-c
kênh Đòn Dong Mới	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 49' 01"	104° 53' 08"	08° 49' 35"	104° 52' 09"	C-48-78-B-c, C-48-78-B-d
kênh Già Tư	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 48' 16"	104° 49' 30"	08° 49' 12"	104° 49' 11"	C-48-78-B-c
kênh Khai Long	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 48' 13"	104° 47' 47"	08° 48' 57"	104° 49' 16"	C-48-78-B-c
kênh Kiểm Lâm	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 51' 37"	104° 49' 10"	08° 49' 12"	104° 49' 11"	C-48-78-B-c
kênh Làng Cá	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 51' 35"	104° 48' 22"	08° 50' 12"	104° 48' 25"	C-48-78-B-c
kênh Lộ Xe Cái Nước - Cái Đôi Vàm	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 51' 22"	104° 49' 10"	08° 54' 37"	104° 56' 03"	C-48-78-B-c
kênh Năm Nhung	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 51' 50"	104° 49' 41"	08° 51' 09"	104° 49' 44"	C-48-78-B-c
Kênh Ngang	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 50' 46"	104° 52' 11"	08° 50' 39"	104° 51' 16"	C-48-78-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Ngã Tư	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 48' 26"	104° 51' 23"	08° 49' 35"	104° 52' 09"	C-48-78-B-c, C-48-78-B-d
kênh Nguyễn Việt Khái	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 48' 17"	104° 47' 28"	08° 49' 12"	104° 49' 11"	C-48-78-B-c
kênh Pháp Chế	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 49' 27"	104° 48' 28"	08° 49' 08"	104° 47' 11"	C-48-78-B-c
kênh Phòng Hộ	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 49' 28"	104° 46' 52"	08° 58' 42"	104° 48' 11"	C-48-78-B-c
kênh Rạch Dơi	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 50' 16"	104° 49' 12"	08° 51' 04"	104° 50' 54"	C-48-78-B-c
kênh Rạch Thùng	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 48' 36"	104° 53' 50"	08° 49' 01"	104° 53' 08"	C-48-78-B-d
kênh Sào Lưới	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 48' 01"	104° 49' 06"	08° 48' 12"	104° 47' 04"	C-48-78-B-c
kênh Sào Lưới Nhỏ	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 48' 41"	104° 47' 22"	08° 49' 20"	104° 46' 52"	C-48-78-B-c
kênh Tân Lập	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 49' 45"	104° 49' 13"	08° 49' 29"	104° 50' 04"	C-48-78-B-c
kênh Tân Tiến	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 49' 11"	104° 49' 12"	08° 49' 38"	104° 50' 36"	C-48-78-B-c
kênh Thí Điểm	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 47' 20"	104° 51' 29"	08° 48' 17"	104° 51' 21"	C-48-78-B-c
kênh Thủy Sản	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 47' 11"	104° 47' 37"	08° 47' 32"	104° 48' 55"	C-48-78-B-c
kênh Ủy Ban	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 50' 01"	104° 46' 53"	08° 49' 48"	104° 48' 43"	C-48-78-B-c
Kênh xáng Ngoài	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 48' 34"	104° 49' 44"	08° 48' 35"	104° 49' 24"	C-48-78-B-c
Kênh xáng Cùng	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 46' 49"	104° 49' 13"	08° 49' 28"	104° 46' 52"	C-48-78-B-c
mũi Bà Quan	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân	08° 48' 41"	104° 46' 46"					C-48-78-B-c
Rạch Lạc	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 47' 52"	104° 50' 26"	08° 48' 15"	104° 51' 35"	C-48-78-B-c
rạch Xẻo Sâu	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 48' 35"	104° 51' 44"	08° 47' 49"	104° 53' 02"	C-48-78-B-c, C-48-78-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Bảy Háp	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			09° 06' 06"	105° 09' 21"	08° 46' 27"	104° 51' 18"	C-48-78-B-d
sông Gò Công	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 48' 34"	104° 49' 44"	08° 46' 32"	104° 49' 19"	C-48-78-B-c
Xẻo Rô	TV	xã Nguyễn Việt Khái	H. Phú Tân			08° 49' 07"	104° 49' 50"	08° 48' 34"	104° 49' 44"	C-48-78-B-c
ấp Ba Tiệm	DC	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân	08° 57' 37"	104° 52' 57"					C-48-78-B-b
ấp Lung Môn	DC	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân	08° 56' 27"	104° 55' 10"					C-48-78-B-b
ấp Phú Thành	DC	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân	08° 57' 41"	104° 54' 24"					C-48-78-B-b
ấp Thọ Mai	DC	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân	08° 59' 42"	104° 53' 11"					C-48-78-B-b
ấp Vàm Xáng	DC	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân	08° 59' 16"	104° 53' 10"					C-48-78-B-b
ấp Xẻo Đước	DC	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân	08° 59' 23"	104° 55' 27"					C-48-78-B-b
chùa Mỹ Linh	KX	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân	08° 59' 01"	104° 53' 21"					C-48-78-B-b
Di tích lịch sử Căn cứ Tỉnh ủy tại Xẻo Đước	KX	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân	08° 59' 58"	104° 55' 37"					C-48-78-B-b
đầm Thị Tường	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân	08° 59' 47"	104° 56' 10"					C-48-78-B-b
kênh Bà Ký	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân			09° 00' 28"	104° 55' 25"	08° 57' 51"	104° 54' 15"	C-48-78-B-b, C-48-66-D-d
kênh Bà Ký Nghĩa	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân			08° 57' 48"	104° 54' 14"	08° 56' 36"	104° 53' 43"	C-48-78-B-b
kênh Chòm Mã	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân			08° 56' 20"	104° 54' 09"	08° 57' 19"	104° 54' 34"	C-48-78-B-b
kênh Đòn Dong	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân			08° 59' 46"	104° 55' 39"	08° 58' 07"	104° 54' 55"	C-48-78-B-b
kênh Mỹ Thành	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân			08° 59' 38"	104° 55' 43"	08° 58' 00"	104° 55' 01"	C-48-78-B-b
kênh Năm Luôn	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân			08° 57' 16"	104° 54' 40"	08° 58' 00"	104° 55' 01"	C-48-78-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Nội Đồng	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân			08° 58' 54"	104° 53' 23"	08° 58' 07"	104° 52' 28"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-b
kênh Nước Mặn	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân			08° 59' 00"	104° 53' 23"	08° 58' 13"	104° 53' 26"	C-48-78-B-b
kênh Phủ Thạch	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân			08° 56' 53"	104° 54' 56"	08° 59' 06"	104° 55' 52"	C-48-78-B-b
kênh Số 1	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân			08° 57' 29"	104° 52' 49"	08° 58' 53"	104° 51' 28"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-b
kênh Số 5	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân			08° 59' 04"	104° 54' 06"	08° 57' 47"	104° 55' 19"	C-48-78-B-b
kênh Sư Đậu	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân			08° 55' 31"	104° 53' 10"	08° 56' 56"	104° 53' 32"	C-48-78-B-b
kênh Thầy Ba	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân			08° 58' 13"	104° 53' 26"	08° 57' 16"	104° 53' 24"	C-48-78-B-b
kênh Trâm Bầu	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân			08° 57' 35"	104° 56' 46"	08° 57' 47"	104° 55' 19"	C-48-78-B-b
kênh Ven Đầm	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân			08° 59' 37"	104° 57' 16"	09° 00' 21"	104° 55' 23"	C-48-78-B-b, C-48-66-D-d
kênh xáng Cầu Sắt	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân			08° 54' 57"	104° 52' 11"	08° 56' 07"	104° 55' 26"	C-48-78-B-b
kênh xáng Thọ Mai	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân			08° 59' 31"	104° 53' 03"	08° 55' 11"	104° 56' 07"	C-48-78-B-b
lung Cần Thơ	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân			08° 58' 13"	104° 53' 26"	08° 57' 27"	104° 52' 50"	C-48-78-B-b
rạch Lung Chim	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân			08° 57' 01"	104° 53' 51"	08° 56' 21"	104° 55' 15"	C-48-78-B-b
rạch Lung Môn	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân			08° 56' 59"	104° 53' 53"	08° 57' 27"	104° 52' 50"	C-48-78-B-b
rạch Thọ Mai	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân			08° 59' 30"	104° 53' 52"	08° 59' 54"	104° 53' 10"	C-48-78-B-b
sông Mỹ Bình	TV	xã Phú Mỹ	H. Phú Tân			09° 00' 21"	104° 53' 43"	08° 58' 52"	104° 48' 10"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-b, C-48-66-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Cái Đôi	DC	xã Phú Tân	H. Phú Tân	08° 54' 54"	104° 52' 08"					C-48-78-B-a
ấp Cái Nước	DC	xã Phú Tân	H. Phú Tân	08° 56' 40"	104° 50' 19"					C-48-78-B-a
ấp Cái Nước Biển	DC	xã Phú Tân	H. Phú Tân	08° 57' 00"	104° 49' 21"					C-48-78-B-a
ấp Cống Đá	DC	xã Phú Tân	H. Phú Tân	08° 55' 42"	104° 53' 09"					C-48-78-B-b
ấp Đường Cày	DC	xã Phú Tân	H. Phú Tân	08° 56' 23"	104° 52' 19"					C-48-78-B-a
ấp Láng Cháo	DC	xã Phú Tân	H. Phú Tân	08° 59' 05"	104° 50' 24"					C-48-78-B-a
ấp Mỹ Bình	DC	xã Phú Tân	H. Phú Tân	08° 58' 12"	104° 48' 48"					C-48-78-B-a
ấp Tân Điền A	DC	xã Phú Tân	H. Phú Tân	08° 55' 20"	104° 51' 05"					C-48-78-B-a
ấp Tân Phú	DC	xã Phú Tân	H. Phú Tân	08° 56' 47"	104° 51' 29"					C-48-78-B-a
ấp Tân Thành	DC	xã Phú Tân	H. Phú Tân	08° 57' 34"	104° 50' 36"					C-48-78-B-a
chùa Pháp Hoa	KX	xã Phú Tân	H. Phú Tân	08° 54' 46"	104° 51' 50"					C-48-78-B-a
Di tích lịch sử Các Địa điểm thuộc Xứ ủy Nam Bộ - Trung ương Cục miền Nam (giai đoạn từ cuối năm 1949 đến đầu năm 1955) tỉnh Cà Mau	KX	xã Phú Tân	H. Phú Tân	08° 58' 43"	104° 49' 50"					C-48-78-B-a
kênh Ba Thùa	TV	xã Phú Tân	H. Phú Tân			08° 57' 17"	104° 49' 45"	08° 58' 21"	104° 50' 21"	C-48-78-B-a
kênh Bờ Cảng - Minh Điền	TV	xã Phú Tân	H. Phú Tân			08° 55' 18"	104° 52' 43"	08° 56' 56"	104° 53' 32"	C-48-78-B-b
kênh Cái Bát	TV	xã Phú Tân	H. Phú Tân			08° 57' 17"	104° 49' 44"	08° 55' 57"	104° 49' 28"	C-48-78-B-a
kênh Chồi Mồi	TV	xã Phú Tân	H. Phú Tân			08° 57' 06"	104° 50' 54"	08° 57' 58"	104° 51' 27"	C-48-78-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Đầu Sấu	TV	xã Phú Tân	H. Phú Tân			08° 54' 54"	104° 53' 18"	08° 54' 36"	104° 51' 45"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-b
Kênh Đứng	TV	xã Phú Tân	H. Phú Tân			08° 55' 40"	104° 52' 06"	08° 55' 59"	104° 51' 07"	C-48-78-B-a
kênh Đê Biển Tây	TV	xã Phú Tân	H. Phú Tân			09° 32' 00"	104° 50' 07"	08° 51' 47"	104° 48' 38"	C-48-78-B-a
kênh Lô 2	TV	xã Phú Tân	H. Phú Tân			08° 51' 36"	104° 48' 37"	08° 58' 33"	104° 48' 53"	C-48-78-B-a
kênh Phòng Hộ	TV	xã Phú Tân	H. Phú Tân			08° 49' 28"	104° 46' 52"	08° 58' 42"	104° 48' 11"	C-48-78-B-a
kênh Rạch Vộp	TV	xã Phú Tân	H. Phú Tân			08° 58' 55"	104° 50' 13"	08° 58' 11"	104° 51' 52"	C-48-78-B-a
kênh Số 1	TV	xã Phú Tân	H. Phú Tân			08° 57' 29"	104° 52' 49"	08° 58' 53"	104° 51' 28"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-b
kênh Sư Đậu	TV	xã Phú Tân	H. Phú Tân			08° 55' 31"	104° 53' 10"	08° 56' 56"	104° 53' 32"	C-48-78-B-b
kênh Tân Điền	TV	xã Phú Tân	H. Phú Tân			08° 54' 53"	104° 51' 51"	08° 56' 01"	104° 49' 11"	C-48-78-B-a
kênh Tân Phú	TV	xã Phú Tân	H. Phú Tân			08° 56' 58"	104° 51' 32"	08° 55' 59"	104° 51' 07"	C-48-78-B-a
kênh xáng Cầu Sắt	TV	xã Phú Tân	H. Phú Tân			08° 54' 57"	104° 52' 11"	08° 56' 07"	104° 55' 26"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-b
kênh Xóm Mới	TV	xã Phú Tân	H. Phú Tân			08° 59' 01"	104° 51' 11"	08° 58' 09"	104° 50' 38"	C-48-78-B-a
rạch Cống Đá Nhỏ	TV	xã Phú Tân	H. Phú Tân			08° 55' 31"	104° 53' 10"	08° 55' 03"	104° 53' 32"	C-48-78-B-b
rạch Lung Lá	TV	xã Phú Tân	H. Phú Tân			08° 57' 39"	104° 52' 17"	08° 57' 07"	104° 52' 05"	C-48-78-B-a
rạch Lung Môn	TV	xã Phú Tân	H. Phú Tân			08° 56' 59"	104° 53' 53"	08° 57' 27"	104° 52' 50"	C-48-78-B-b
sông Cái Đôi	TV	xã Phú Tân	H. Phú Tân			08° 55' 01"	104° 51' 58"	08° 52' 24"	104° 50' 44"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-b
sông Cái Nước	TV	xã Phú Tân	H. Phú Tân			08° 56' 50"	104° 52' 28"	08° 58' 28"	104° 49' 19"	C-48-78-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cống Đá Lớn	TV	xã Phú Tân	H. Phú Tân			08° 55' 03"	104° 53' 32"	08° 55' 01"	104° 51' 58"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-b
sông Đường Cày	TV	xã Phú Tân	H. Phú Tân			08° 57' 27"	104° 52' 50"	08° 55' 01"	104° 51' 58"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-b
sông Mỹ Bình	TV	xã Phú Tân	H. Phú Tân			09° 00' 21"	104° 53' 43"	08° 58' 52"	104° 48' 10"	C-48-78-B-a
ấp Chà Là	DC	xã Phú Thuận	H. Phú Tân	08° 59' 16"	104° 56' 36"					C-48-78-B-b
ấp Đất Sét	DC	xã Phú Thuận	H. Phú Tân	08° 56' 22"	104° 56' 49"					C-48-78-B-b
ấp Giáp Nước	DC	xã Phú Thuận	H. Phú Tân	08° 58' 23"	104° 57' 44"					C-48-78-B-b
ấp Rạch Láng	DC	xã Phú Thuận	H. Phú Tân	08° 57' 59"	104° 55' 45"					C-48-78-B-b
ấp Trống Vàm	DC	xã Phú Thuận	H. Phú Tân	08° 56' 51"	104° 56' 31"					C-48-78-B-b
ấp Vàm Đình	DC	xã Phú Thuận	H. Phú Tân	08° 55' 08"	104° 56' 11"					C-48-78-B-b
Di tích lịch sử Các Địa điểm thuộc Xứ ủy Nam Bộ - Trung ương Cục miền Nam (giai đoạn từ cuối năm 1949 đến đầu năm 1955) tỉnh Cà Mau	KX	xã Phú Thuận	H. Phú Tân	08° 56' 54"	104° 56' 30"					C-48-78-B-b
đình thần Phú Mỹ	KX	xã Phú Thuận	H. Phú Tân	08° 55' 06"	104° 56' 07"					C-48-78-B-b
miếu Thần Hoàng	KX	xã Phú Thuận	H. Phú Tân	08° 57' 53"	104° 57' 02"					C-48-78-B-b
đầm Thị Tường	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Tân	08° 59' 47"	104° 56' 10"					C-48-78-B-b
kênh Ao Sen	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Tân			08° 57' 01"	104° 56' 49"	08° 57' 47"	104° 57' 31"	C-48-78-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bến Đìa	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Tân			08° 57' 59"	104° 57' 15"	08° 59' 48"	104° 58' 06"	C-48-78-B-b
kênh Cầu Ván	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Tân			08° 57' 59"	104° 57' 24"	08° 57' 26"	104° 57' 49"	C-48-78-B-b
kênh Chống Mỹ	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Tân			08° 59' 08"	104° 57' 34"	08° 59' 28"	105° 05' 14"	C-48-78-B-b
kênh Đất Sét	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Tân			08° 55' 15"	104° 56' 48"	08° 57' 22"	104° 56' 45"	C-48-78-B-b
kênh Điền Cò	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Tân			08° 57' 12"	104° 55' 42"	08° 56' 22"	104° 55' 18"	C-48-78-B-b
Kênh Hai	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Tân			08° 58' 40"	104° 57' 25"	08° 58' 29"	104° 58' 16"	C-48-78-B-b
kênh Lung Âm - Cái Chim	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Tân			08° 55' 28"	104° 58' 06"	08° 54' 41"	104° 58' 17"	C-48-78-B-b
kênh Mà Ca	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Tân			08° 58' 31"	104° 56' 32"	08° 57' 56"	104° 56' 51"	C-48-78-B-b
kênh Phủ Thạch	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Tân			08° 56' 53"	104° 54' 56"	08° 59' 06"	104° 55' 52"	C-48-78-B-b
kênh Thứ Vải	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Tân			08° 54' 56"	104° 54' 38"	08° 55' 04"	104° 55' 24"	C-48-78-B-b
kênh Trâm Bầu	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Tân			08° 57' 35"	104° 56' 46"	08° 57' 47"	104° 55' 19"	C-48-78-B-b
kênh Ven Đầm	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Tân			08° 59' 37"	104° 57' 16"	09° 00' 21"	104° 55' 23"	C-48-78-B-b
kênh xáng Cầu Sắt	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Tân			08° 54' 57"	104° 52' 11"	08° 56' 07"	104° 55' 26"	C-48-78-B-b
kênh xáng Thọ Mai	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Tân			08° 59' 31"	104° 53' 03"	08° 55' 11"	104° 56' 07"	C-48-78-B-b
kênh xáng Vàm Đình - Cái Nước	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Tân			08° 55' 11"	104° 56' 08"	08° 55' 24"	104° 58' 07"	C-48-78-B-b
kênh Xã Chiếu	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Tân			08° 55' 46"	104° 57' 38"	08° 57' 01"	104° 57' 17"	C-48-78-B-b
Lung Lá	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Tân			08° 57' 46"	104° 55' 24"	08° 58' 00"	104° 57' 14"	C-48-78-B-b
sông Bào Chấu	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Tân			08° 55' 03"	104° 56' 10"	08° 51' 17"	105° 00' 40"	C-48-78-B-b
sông Giáp Nước	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Tân			08° 57' 35"	104° 56' 46"	08° 59' 40"	104° 57' 14"	C-48-78-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Quảng Phú	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Tân			08° 55' 03"	104° 53' 32"	08° 55' 03"	104° 56' 10"	C-48-78-B-b
sông Trống Vàm	TV	xã Phú Thuận	H. Phú Tân			08° 55' 11"	104° 56' 07"	08° 57' 35"	104° 56' 46"	C-48-78-B-b
ấp Bào Thùng	DC	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân	08° 50' 26"	104° 53' 54"					C-48-78-B-d
ấp Lê Năm	DC	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân	08° 50' 28"	104° 54' 52"					C-48-78-B-d
ấp Rạch Chèo	DC	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân	08° 49' 45"	104° 54' 50"					C-48-78-B-d
ấp Tân Nghĩa	DC	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân	08° 51' 42"	104° 52' 57"					C-48-78-B-d
ấp Tân Thành Mới	DC	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân	08° 51' 26"	104° 56' 13"					C-48-78-B-d
chùa Vạn Phước	KX	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân	08° 51' 24"	104° 54' 37"					C-48-78-B-d
dinh Bà Thủy	KX	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân	08° 49' 47"	104° 53' 54"					C-48-78-B-d
Kênh 5	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 49' 05"	104° 54' 42"	08° 51' 35"	104° 55' 03"	C-48-78-B-d
Kênh 90	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 48' 50"	104° 54' 02"	08° 52' 22"	104° 50' 46"	C-48-78-B-c, C-48-78-B-d
Kênh Ba	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 49' 43"	104° 57' 00"	08° 50' 58"	104° 57' 00"	C-48-78-B-d
kênh Bào Láng	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 53' 25"	104° 51' 27"	08° 51' 48"	104° 54' 26"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-d
kênh Bào Thùng	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 51' 12"	104° 53' 49"	08° 49' 35"	104° 52' 09"	C-48-78-B-d, C-48-78-B-c
Kênh Chèo	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 49' 01"	104° 54' 25"	08° 49' 34"	104° 54' 13"	C-48-78-B-d
kênh Chữ T	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 50' 16"	104° 54' 52"	08° 50' 49"	104° 56' 33"	C-48-78-B-d
kênh Đê Tây	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 49' 12"	104° 53' 37"	08° 50' 12"	104° 54' 51"	C-48-78-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Đồng Tháp	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 50' 37"	104° 54' 55"	08° 50' 42"	104° 54' 23"	C-48-78-B-d
kênh Đường Ven	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 51' 25"	104° 54' 01"	08° 52' 00"	104° 51' 06"	C-48-78-B-c, C-48-78-B-d
kênh Giáo Bảy	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 51' 32"	104° 55' 40"	08° 51' 10"	104° 56' 34"	C-48-78-B-d
kênh Già Rông	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 50' 23"	104° 55' 12"	08° 51' 28"	104° 55' 32"	C-48-78-B-d
kênh Lộ Xe Cái Nước - Cái Đôi Vàm	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 51' 22"	104° 49' 10"	08° 54' 37"	104° 56' 03"	C-48-78-B-a
kênh Lung Chùa	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 51' 15"	104° 51' 46"	08° 51' 13"	104° 53' 10"	C-48-78-B-c, C-48-78-B-d
Kênh Mỵ	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 52' 53"	104° 51' 30"	08° 52' 11"	104° 52' 39"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-c, C-48-78-B-d
kênh Rạch Chèo Ngọn	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 49' 34"	104° 54' 13"	08° 51' 25"	104° 54' 02"	C-48-78-B-d
kênh Tư Gà	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 49' 33"	104° 55' 51"	08° 51' 09"	104° 56' 11"	C-48-78-B-d
kênh Tư Thọ	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 49' 39"	104° 56' 25"	08° 50' 49"	104° 56' 33"	C-48-78-B-d
kênh Xẻo Dinh	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 51' 01"	104° 57' 27"	08° 50' 49"	104° 56' 33"	C-48-78-B-d
Kênh xáng Hậu	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 49' 58"	104° 52' 54"	08° 50' 48"	104° 53' 24"	C-48-78-B-d
lung Lão Trưởng	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 50' 15"	104° 54' 39"	08° 51' 27"	104° 54' 16"	C-48-78-B-d
rạch Cả Cại	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 51' 40"	104° 54' 23"	08° 51' 35"	104° 54' 52"	C-48-78-B-d
rạch Chàng Bè	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 50' 34"	104° 55' 45"	08° 51' 33"	104° 55' 39"	C-48-78-B-d
rạch Ngọn Bát Ngoài	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 49' 46"	104° 53' 55"	08° 50' 11"	104° 54' 20"	C-48-78-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Bảy Háp	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			09° 06' 06"	105° 09' 21"	08° 46' 27"	104° 51' 18"	C-48-78-B-d
sông Cái Bát	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 51' 26"	104° 54' 08"	08° 51' 48"	104° 54' 26"	C-48-78-B-d
sông Mang Rổ	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 51' 28"	104° 55' 32"	08° 50' 14"	104° 57' 31"	C-48-78-B-d
sông Vàm Nhỏ	TV	xã Rạch Chèo	H. Phú Tân			08° 51' 47"	104° 55' 02"	08° 51' 28"	104° 55' 32"	C-48-78-B-d
ấp Cái Cám	DC	xã Tân Hải	H. Phú Tân	08° 55' 34"	104° 49' 24"					C-48-78-B-a
ấp Công Nghiệp	DC	xã Tân Hải	H. Phú Tân	08° 53' 56"	104° 49' 48"					C-48-78-B-a
ấp Đầu Sấu	DC	xã Tân Hải	H. Phú Tân	08° 54' 01"	104° 51' 37"					C-48-78-B-a
ấp Kết Nghĩa	DC	xã Tân Hải	H. Phú Tân	08° 53' 57"	104° 51' 15"					C-48-78-B-a
ấp Tân Điền	DC	xã Tân Hải	H. Phú Tân	08° 55' 51"	104° 49' 45"					C-48-78-B-a
ấp Tân Phong	DC	xã Tân Hải	H. Phú Tân	08° 55' 03"	104° 50' 19"					C-48-78-B-a
ấp Thanh Bình	DC	xã Tân Hải	H. Phú Tân	08° 54' 33"	104° 49' 44"					C-48-78-B-a
ấp Thanh Đạm	DC	xã Tân Hải	H. Phú Tân	08° 53' 18"	104° 51' 22"					C-48-78-B-a
chùa Kim Cương	KX	xã Tân Hải	H. Phú Tân	08° 54' 17"	104° 51' 46"					C-48-78-B-a
Di tích lịch sử Địa điểm chứng tích tội ác Mỹ - Ngụy ở Biệt khu Hải Yến - Bình Hưng	KX	xã Tân Hải	H. Phú Tân	08° 53' 06"	104° 51' 16"					C-48-78-B-a
Kênh 90	TV	xã Tân Hải	H. Phú Tân			08° 48' 50"	104° 54' 02"	08° 52' 22"	104° 50' 46"	C-48-78-B-c
kênh Bào Láng	TV	xã Tân Hải	H. Phú Tân			08° 53' 25"	104° 51' 27"	08° 51' 48"	104° 54' 26"	C-48-78-B-a
kênh Cái Cám	TV	xã Tân Hải	H. Phú Tân			08° 54' 41"	104° 51' 44"	08° 55' 34"	104° 48' 01"	C-48-78-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Công Nghiệp	TV	xã Tân Hải	H. Phú Tân			08° 53' 58"	104° 47' 53"	08° 53' 58"	104° 51' 35"	C-48-78-B-a
kênh Đầu Sấu	TV	xã Tân Hải	H. Phú Tân			08° 54' 54"	104° 53' 18"	08° 54' 36"	104° 51' 45"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-b
kênh Đê Biển Tây	TV	xã Tân Hải	H. Phú Tân			09° 32' 00"	104° 50' 07"	08° 51' 47"	104° 48' 38"	C-48-78-B-a
kênh Kết Nghĩa	TV	xã Tân Hải	H. Phú Tân			08° 53' 04"	104° 51' 06"	08° 53' 21"	104° 49' 04"	C-48-78-B-a
kênh Lô 1	TV	xã Tân Hải	H. Phú Tân			08° 51' 39"	104° 49' 10"	08° 53' 54"	104° 48' 58"	C-48-78-B-a
kênh Lô 2	TV	xã Tân Hải	H. Phú Tân			08° 51' 36"	104° 48' 37"	08° 58' 33"	104° 48' 53"	C-48-78-B-a
kênh Lộ Xe Cái Nước - Cái Đôi Vàm	TV	xã Tân Hải	H. Phú Tân			08° 51' 22"	104° 49' 10"	08° 54' 37"	104° 56' 03"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-c
Kênh Mới	TV	xã Tân Hải	H. Phú Tân			08° 51' 59"	104° 54' 26"	08° 53' 56"	104° 51' 36"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-b
kênh Mỹ Hưng	TV	xã Tân Hải	H. Phú Tân			08° 52' 25"	104° 50' 38"	08° 52' 52"	104° 49' 08"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-c
Kênh Mỵ	TV	xã Tân Hải	H. Phú Tân			08° 52' 53"	104° 51' 30"	08° 52' 11"	104° 52' 39"	C-48-78-B-a
kênh Ông Di	TV	xã Tân Hải	H. Phú Tân			08° 55' 06"	104° 48' 35"	08° 55' 01"	104° 49' 16"	C-48-78-B-a
kênh Phòng Hộ	TV	xã Tân Hải	H. Phú Tân			08° 49' 28"	104° 46' 52"	08° 58' 42"	104° 48' 11"	C-48-78-B-a
kênh Tân Điền	TV	xã Tân Hải	H. Phú Tân			08° 54' 53"	104° 51' 51"	08° 56' 01"	104° 49' 11"	C-48-78-B-a
kênh Thanh Bình	TV	xã Tân Hải	H. Phú Tân			08° 54' 11"	104° 51' 35"	08° 54' 32"	104° 48' 31"	C-48-78-B-a
Kênh Tư	TV	xã Tân Hải	H. Phú Tân			08° 54' 12"	104° 52' 51"	08° 53' 16"	104° 52' 34"	C-48-78-B-b
rạch Nhà Cũ	TV	xã Tân Hải	H. Phú Tân			08° 52' 50"	104° 50' 12"	08° 52' 24"	104° 50' 44"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cái Đôi	TV	xã Tân Hải	H. Phú Tân			08° 55' 01"	104° 51' 58"	08° 52' 24"	104° 50' 44"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-c
ấp Cái Bát	DC	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân	08° 51' 56"	104° 54' 49"					C-48-78-B-d
ấp Hưng Hiệp	DC	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân	08° 52' 32"	104° 53' 40"					C-48-78-B-b
ấp Kiến Vàng	DC	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân	08° 53' 14"	104° 55' 50"					C-48-78-B-b
ấp Quảng Phú	DC	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân	08° 54' 51"	104° 54' 03"					C-48-78-B-b
ấp Tân Phú Thành	DC	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân	08° 53' 35"	104° 54' 00"					C-48-78-B-b
ấp Thứ Vải A	DC	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân	08° 54' 06"	104° 55' 34"					C-48-78-B-b
ấp Thứ Vải B	DC	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân	08° 55' 34"	104° 54' 49"					C-48-78-B-b
cầu Cái Tính	KX	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân	08° 54' 00"	104° 54' 34"					C-48-78-B-b
cầu Ngò Om	KX	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân	08° 54' 17"	104° 55' 40"					C-48-78-B-b
thánh thất Ngọc Linh	KX	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân	08° 55' 00"	104° 54' 15"					C-48-78-B-b
kênh Bào Đôi	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 53' 35"	104° 54' 03"	08° 52' 49"	104° 53' 53"	C-48-78-B-b
kênh Bào Láng	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 53' 25"	104° 51' 27"	08° 51' 48"	104° 54' 26"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-d
kênh Bàu Cừ	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 53' 00"	104° 53' 41"	08° 53' 15"	104° 53' 04"	C-48-78-B-b
kênh Bồ Đề	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 53' 30"	104° 54' 29"	08° 54' 16"	104° 54' 29"	C-48-78-B-b
kênh Cái Tính	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 53' 43"	104° 53' 50"	08° 54' 11"	104° 53' 35"	C-48-78-B-b
Kênh Cũ	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 52' 20"	104° 54' 27"	08° 53' 02"	104° 52' 56"	C-48-78-B-b, C-48-78-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Cựa Gà	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 52' 32"	104° 53' 03"	08° 52' 44"	104° 52' 31"	C-48-78-B-b
kênh Đập Điền	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 54' 44"	104° 54' 14"	08° 54' 22"	104° 54' 09"	C-48-78-B-b
kênh Đầu Sấu	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 54' 54"	104° 53' 18"	08° 54' 36"	104° 51' 45"	C-48-78-B-b
Kênh Đứng	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 54' 22"	104° 56' 39"	08° 53' 55"	104° 57' 01"	C-48-78-B-b
kênh Kiểm Lâm	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 54' 27"	104° 57' 10"	08° 53' 32"	104° 56' 21"	C-48-78-B-b
kênh Lộ Xe Cái Nước - Cái Đôi Vàm	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 51' 22"	104° 49' 10"	08° 54' 37"	104° 56' 03"	C-48-78-B-a, C-48-78-B-b
kênh Lung Bổn	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 52' 29"	104° 55' 01"	08° 52' 22"	104° 55' 47"	C-48-78-B-b, C-48-78-B-d
kênh Lung Lá	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 53' 12"	104° 56' 03"	08° 53' 55"	104° 55' 32"	C-48-78-B-b
kênh Lung Sình	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 53' 59"	104° 56' 27"	08° 54' 53"	104° 55' 22"	C-48-78-B-b
kênh Lung Tràm	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 52' 59"	104° 54' 35"	08° 51' 48"	104° 54' 26"	C-48-78-B-b, C-48-78-B-d
kênh Lung Vinh	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 52' 47"	104° 55' 52"	08° 53' 04"	104° 54' 42"	C-48-78-B-b
Kênh Mới	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 51' 59"	104° 54' 26"	08° 53' 56"	104° 51' 36"	C-48-78-B-b, C-48-78-B-d
Kênh Ngang	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 54' 26"	104° 56' 39"	08° 54' 38"	104° 55' 46"	C-48-78-B-b
kênh Thứ Vải	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 54' 56"	104° 54' 38"	08° 55' 04"	104° 55' 24"	C-48-78-B-b
Kênh Tư	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 54' 12"	104° 52' 51"	08° 53' 16"	104° 52' 34"	C-48-78-B-b
kênh xáng Cầu Sắt	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 54' 57"	104° 52' 11"	08° 56' 07"	104° 55' 26"	C-48-78-B-b
Lung Dựa	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 53' 54"	104° 54' 30"	08° 53' 42"	104° 53' 51"	C-48-78-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Lung Ráng	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 52' 49"	104° 53' 53"	08° 52' 18"	104° 54' 34"	C-48-78-B-b, C-48-78-B-d
rạch Bào Lớn	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 54' 09"	104° 53' 46"	08° 54' 16"	104° 54' 29"	C-48-78-B-b
rạch Cống Đá Nhỏ	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 55' 31"	104° 53' 10"	08° 55' 03"	104° 53' 32"	C-48-78-B-b
rạch Đầu Dừa	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 53' 04"	104° 54' 42"	08° 54' 11"	104° 53' 29"	C-48-78-B-b
Rạch Mới	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 54' 38"	104° 53' 34"	08° 54' 46"	104° 54' 00"	C-48-78-B-b
rạch Ngò Ôm	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 53' 55"	104° 55' 32"	08° 54' 25"	104° 55' 45"	C-48-78-B-b
rạch Xẻo Xay	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 53' 04"	104° 54' 42"	08° 53' 55"	104° 55' 32"	C-48-78-B-b
sông Bào Chấu	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 55' 03"	104° 56' 10"	08° 51' 17"	105° 00' 40"	C-48-78-B-b
sông Cống Đá Lớn	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 55' 03"	104° 53' 32"	08° 55' 01"	104° 51' 58"	C-48-78-B-b
sông Kiến Vàng	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 53' 32"	104° 56' 21"	08° 52' 08"	104° 56' 24"	C-48-78-B-b, C-48-78-B-d
sông Mang Rổ	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 51' 28"	104° 55' 32"	08° 50' 14"	104° 57' 31"	C-48-78-B-d
sông Quảng Phú	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 55' 03"	104° 53' 32"	08° 55' 03"	104° 56' 10"	C-48-78-B-b
sông Vàm Nhỏ	TV	xã Tân Hưng Tây	H. Phú Tân			08° 51' 47"	104° 55' 02"	08° 51' 28"	104° 55' 32"	C-48-78-B-d
ấp Bào Chấu	DC	xã Việt Thắng	H. Phú Tân	08° 52' 04"	105° 00' 15"					C-48-79-A-c
ấp Dân Quân	DC	xã Việt Thắng	H. Phú Tân	08° 54' 36"	104° 58' 13"					C-48-78-B-b
ấp Hiệp Thành	DC	xã Việt Thắng	H. Phú Tân	08° 52' 44"	104° 58' 42"					C-48-78-B-b
ấp Kiến Vàng A	DC	xã Việt Thắng	H. Phú Tân	08° 52' 21"	104° 56' 11"					C-48-78-B-d
ấp Kiến Vàng B	DC	xã Việt Thắng	H. Phú Tân	08° 51' 31"	104° 58' 37"					C-48-78-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Má Tám	DC	xã Việt Thắng	H. Phú Tân	08° 50' 50"	104° 58' 10"					C-48-78-B-d
ấp So Đũa	DC	xã Việt Thắng	H. Phú Tân	08° 51' 38"	104° 57' 29"					C-48-78-B-d
ấp Tân Thành	DC	xã Việt Thắng	H. Phú Tân	08° 53' 22"	104° 57' 24"					C-48-78-B-b
hội quán Hưng Thành Tự	KX	xã Việt Thắng	H. Phú Tân	08° 52' 11"	104° 56' 28"					C-48-78-B-d
Kênh Ba	TV	xã Việt Thắng	H. Phú Tân			08° 51' 29"	104° 58' 31"	08° 51' 58"	104° 59' 01"	C-48-78-B-d
kênh Bào Tròn	TV	xã Việt Thắng	H. Phú Tân			08° 54' 07"	104° 57' 09"	08° 53' 48"	104° 58' 01"	C-48-78-B-b
kênh Dân Quân	TV	xã Việt Thắng	H. Phú Tân			08° 53' 04"	104° 58' 36"	08° 51' 59"	104° 56' 43"	C-48-78-B-b, C-48-78-B-d
kênh Đìa Đôi	TV	xã Việt Thắng	H. Phú Tân			08° 52' 48"	104° 57' 59"	08° 53' 07"	104° 57' 19"	C-48-78-B-b
kênh Đìa Sậy	TV	xã Việt Thắng	H. Phú Tân			08° 53' 27"	104° 58' 35"	08° 53' 31"	104° 57' 23"	C-48-78-B-b
kênh Kiểm Lâm	TV	xã Việt Thắng	H. Phú Tân			08° 54' 27"	104° 57' 10"	08° 53' 32"	104° 56' 21"	C-48-78-B-b
kênh Má Tám	TV	xã Việt Thắng	H. Phú Tân			08° 50' 16"	104° 58' 37"	08° 51' 29"	104° 58' 31"	C-48-78-B-d
kênh Mười Hổ	TV	xã Việt Thắng	H. Phú Tân			08° 50' 12"	104° 58' 11"	08° 51' 21"	104° 58' 07"	C-48-78-B-d
Kênh Ngang	TV	xã Việt Thắng	H. Phú Tân			08° 53' 07"	104° 57' 19"	08° 53' 31"	104° 57' 23"	C-48-78-B-b
kênh So Đũa Lớn	TV	xã Việt Thắng	H. Phú Tân			08° 51' 29"	104° 57' 41"	08° 52' 43"	104° 57' 47"	C-48-78-B-b, C-48-78-B-d
kênh So Đũa Nhỏ	TV	xã Việt Thắng	H. Phú Tân			08° 51' 26"	104° 57' 43"	08° 51' 29"	104° 58' 31"	C-48-78-B-d
lung Cây Giá	TV	xã Việt Thắng	H. Phú Tân			08° 53' 51"	104° 56' 56"	08° 53' 31"	104° 57' 23"	C-48-78-B-b
sông Bào Chấu	TV	xã Việt Thắng	H. Phú Tân			08° 55' 03"	104° 56' 10"	08° 51' 17"	105° 00' 40"	C-48-78-B-b, C-48-79-A-a, C-48-79-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Bảy Háp	TV	xã Việt Thắng	H. Phú Tân			09° 06' 06"	105° 09' 21"	08° 46' 27"	104° 51' 18"	C-48-78-B-d, C-48-79-A-c
sông Kiến Vàng	TV	xã Việt Thắng	H. Phú Tân			08° 53' 32"	104° 56' 21"	08° 52' 08"	104° 56' 24"	C-48-78-B-b, C-48-78-B-d
sông Mang Rổ	TV	xã Việt Thắng	H. Phú Tân			08° 51' 28"	104° 55' 32"	08° 50' 14"	104° 57' 31"	C-48-78-B-d
Khóm 1	DC	TT. Thới Bình	H. Thới Bình	09° 20' 59"	105° 05' 36"					C-48-67-A-c
Khóm 2	DC	TT. Thới Bình	H. Thới Bình	09° 21' 05"	105° 05' 16"					C-48-67-A-c
Khóm 3	DC	TT. Thới Bình	H. Thới Bình	09° 20' 08"	105° 06' 04"					C-48-67-A-c
Khóm 4	DC	TT. Thới Bình	H. Thới Bình	09° 20' 33"	105° 04' 38"					C-48-67-A-c
Khóm 5	DC	TT. Thới Bình	H. Thới Bình	09° 21' 13"	105° 04' 30"					C-48-67-A-c
Khóm 6	DC	TT. Thới Bình	H. Thới Bình	09° 21' 46"	105° 04' 57"					C-48-67-A-c
Khóm 7	DC	TT. Thới Bình	H. Thới Bình	09° 21' 08"	105° 06' 00"					C-48-67-A-c
Khóm 8	DC	TT. Thới Bình	H. Thới Bình	09° 20' 43"	105° 05' 14"					C-48-67-A-c
Khóm 9	DC	TT. Thới Bình	H. Thới Bình	09° 20' 15"	105° 04' 41"					C-48-67-A-c
Bệnh viện Thới Bình	KX	TT. Thới Bình	H. Thới Bình	09° 21' 26"	105° 05' 51"					C-48-67-A-c
đình thần Thới Bình	KX	TT. Thới Bình	H. Thới Bình	09° 21' 05"	105° 05' 12"					C-48-67-A-c
kênh Bờ Bao	TV	TT. Thới Bình	H. Thới Bình			09° 20' 14"	105° 04' 02"	09° 33' 09"	104° 57' 29"	C-48-67-A-c, C-48-67-A-a
kênh Ông Chín	TV	TT. Thới Bình	H. Thới Bình			09° 20' 21"	105° 04' 20"	09° 22' 08"	105° 03' 33"	C-48-67-A-c
kênh Số 1	TV	TT. Thới Bình	H. Thới Bình			09° 21' 22"	105° 05' 03"	09° 20' 00"	105° 01' 51"	C-48-67-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Số 2	TV	TT. Thới Bình	H. Thới Bình			09° 21' 57"	105° 04' 43"	09° 20' 33"	105° 01' 43"	C-48-67-A-c
kênh Số 3	TV	TT. Thới Bình	H. Thới Bình			09° 22' 30"	105° 04' 16"	09° 21' 06"	105° 01' 35"	C-48-67-A-c, C-48-67-A-a
kênh Tám Thước	TV	TT. Thới Bình	H. Thới Bình			09° 20' 36"	105° 05' 19"	09° 20' 13"	105° 11' 06"	C-48-67-A-c
kênh xáng Chắc Băng	TV	TT. Thới Bình	H. Thới Bình			09° 20' 53"	105° 05' 12"	09° 26' 45"	105° 11' 17"	C-48-67-A-c
kênh xáng Láng Trâm	TV	TT. Thới Bình	H. Thới Bình			09° 20' 37"	105° 05' 12"	09° 14' 38"	105° 15' 12"	C-48-67-A-c
kênh xáng Lộ Xe	TV	TT. Thới Bình	H. Thới Bình			09° 32' 44"	104° 59' 48"	09° 21' 17"	105° 05' 32"	C-48-67-A-c, C-48-67-A-a
kênh Zê Rô	TV	TT. Thới Bình	H. Thới Bình			09° 20' 40"	105° 05' 09"	09° 19' 02"	105° 01' 00"	C-48-67-A-c
rạch Bà Đặng	TV	TT. Thới Bình	H. Thới Bình			09° 23' 03"	105° 08' 02"	09° 21' 04"	105° 05' 11"	C-48-67-A-c
rạch Bà Hội	TV	TT. Thới Bình	H. Thới Bình			09° 20' 07"	105° 06' 15"	09° 20' 12"	105° 05' 12"	C-48-67-A-c
rạch Cựa Gà	TV	TT. Thới Bình	H. Thới Bình			09° 20' 53"	105° 04' 37"	09° 21' 46"	105° 04' 18"	C-48-67-A-c
Rạch Ông	TV	TT. Thới Bình	H. Thới Bình			09° 22' 30"	105° 06' 02"	09° 21' 38"	105° 04' 59"	C-48-67-A-c, C-48-67-A-a
Sông Trẹm	TV	TT. Thới Bình	H. Thới Bình			09° 33' 25"	104° 57' 41"	09° 14' 26"	105° 04' 06"	C-48-67-A-c
Ấp 11	DC	xã Biển Bạch	H. Thới Bình	09° 30' 03"	105° 02' 28"					C-48-55-C-c
Ấp 18	DC	xã Biển Bạch	H. Thới Bình	09° 31' 16"	105° 00' 37"					C-48-55-C-c
ấp Hà Phú Ứng	DC	xã Biển Bạch	H. Thới Bình	09° 30' 24"	105° 01' 58"					C-48-55-C-c
ấp Thanh Tùng	DC	xã Biển Bạch	H. Thới Bình	09° 31' 56"	104° 59' 45"					C-48-54-D-d
ấp Trương Thoại	DC	xã Biển Bạch	H. Thới Bình	09° 31' 46"	105° 01' 49"					C-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 10	TV	xã Biển Bạch	H. Thới Bình			09° 29' 13"	105° 01' 36"	09° 31' 19"	105° 03' 46"	C-48-67-A-a, C-48-55-C-c
Kênh 11	TV	xã Biển Bạch	H. Thới Bình			09° 29' 43"	105° 01' 20"	09° 31' 38"	105° 03' 18"	C-48-67-A-a, C-48-55-C-c
Kênh 12	TV	xã Biển Bạch	H. Thới Bình			09° 30' 08"	105° 01' 05"	09° 31' 52"	105° 02' 53"	C-48-55-C-c
Kênh 13	TV	xã Biển Bạch	H. Thới Bình			09° 30' 40"	105° 00' 45"	09° 32' 13"	105° 02' 19"	C-48-55-C-c
Kênh 14	TV	xã Biển Bạch	H. Thới Bình			09° 31' 06"	105° 00' 25"	09° 32' 30"	105° 01' 50"	C-48-55-C-c
Kênh 15	TV	xã Biển Bạch	H. Thới Bình			09° 29' 26"	105° 01' 26"	09° 26' 04"	104° 57' 39"	C-48-67-A-a
Kênh 16	TV	xã Biển Bạch	H. Thới Bình			09° 29' 52"	105° 01' 13"	09° 25' 57"	104° 56' 54"	C-48-67-A-a
Kênh 17	TV	xã Biển Bạch	H. Thới Bình			09° 30' 16"	105° 00' 59"	09° 26' 09"	104° 56' 38"	C-48-55-C-c
Kênh 18	TV	xã Biển Bạch	H. Thới Bình			09° 30' 40"	105° 00' 43"	09° 26' 21"	104° 56' 04"	C-48-55-C-c
Kênh 20	TV	xã Biển Bạch	H. Thới Bình			09° 31' 35"	104° 59' 59"	09° 27' 03"	104° 55' 43"	C-48-54-D-d
Kênh 21	TV	xã Biển Bạch	H. Thới Bình			09° 32' 02"	104° 59' 36"	09° 27' 01"	104° 55' 06"	C-48-54-D-d
Kênh 22	TV	xã Biển Bạch	H. Thới Bình			09° 32' 28"	104° 59' 11"	09° 27' 39"	104° 55' 11"	C-48-54-D-d
Kênh 23	TV	xã Biển Bạch	H. Thới Bình			09° 32' 40"	104° 58' 34"	09° 28' 02"	104° 54' 50"	C-48-54-D-d
Kênh 24	TV	xã Biển Bạch	H. Thới Bình			09° 32' 57"	104° 58' 03"	09° 28' 20"	104° 54' 34"	C-48-54-D-d
Kênh 25	TV	xã Biển Bạch	H. Thới Bình			09° 33' 24"	104° 57' 40"	09° 28' 42"	104° 54' 14"	C-48-54-D-d
kênh Bờ Bao	TV	xã Biển Bạch	H. Thới Bình			09° 20' 14"	105° 04' 02"	09° 33' 09"	104° 57' 29"	C-48-67-A-a, C-48-55-C-c, C-48-54-D-d
kênh Cái Bát	TV	xã Biển Bạch	H. Thới Bình			09° 32' 24"	104° 59' 28"	09° 33' 35"	105° 00' 04"	C-48-54-D-d, C-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Kiểm Lâm	TV	xã Biển Bạch	H. Thới Bình			09° 24' 29"	105° 08' 55"	09° 31' 22"	105° 02' 22"	C-48-55-C-c
Kênh xáng Cùng	TV	xã Biển Bạch	H. Thới Bình			09° 33' 34"	105° 00' 04"	09° 31' 38"	105° 03' 18"	C-48-55-C-c
kênh xáng Lộ Xe	TV	xã Biển Bạch	H. Thới Bình			09° 32' 44"	104° 59' 48"	09° 21' 17"	105° 05' 32"	C-48-54-D-d, C-48-55-C-c, C-48-67-A-a
Sông Trẹm	TV	xã Biển Bạch	H. Thới Bình			09° 33' 25"	104° 57' 41"	09° 14' 26"	105° 04' 06"	C-48-55-C-c, C-48-54-D-d
ấp Bình Minh	DC	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình	09° 28' 18"	105° 05' 35"					C-48-67-A-a
ấp Cái Sắn Ngọn	DC	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình	09° 25' 19"	105° 06' 40"					C-48-67-A-a
ấp Cái Sắn Vàm	DC	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình	09° 23' 55"	105° 04' 34"					C-48-67-A-a
ấp Huỳnh Nuôi	DC	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình	09° 23' 29"	105° 03' 25"					C-48-67-A-a
ấp Hữu Thời	DC	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình	09° 27' 13"	105° 05' 03"					C-48-67-A-a
ấp La Cua	DC	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình	09° 27' 38"	105° 06' 56"					C-48-67-A-a
ấp Lê Giáo	DC	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình	09° 26' 10"	105° 03' 45"					C-48-67-A-a
ấp Nguyễn Tòng	DC	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình	09° 27' 09"	105° 05' 21"					C-48-67-A-a
ấp Phước Hòa	DC	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình	09° 24' 19"	105° 05' 19"					C-48-67-A-a
ấp Quyền Thiện	DC	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình	09° 26' 41"	105° 05' 15"					C-48-67-A-a
ấp Sông Cái	DC	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình	09° 25' 46"	105° 02' 58"					C-48-67-A-a
ấp Xóm Mới	DC	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình	09° 24' 29"	105° 03' 42"					C-48-67-A-a
Di tích lịch sử Địa điểm Trận thảm sát của thực dân Pháp tại kênh Cái Sắn	KX	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình	09° 23' 54"	105° 04' 31"					C-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 1	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 29' 01"	105° 07' 37"	09° 25' 24"	105° 03' 54"	C-48-67-A-a,
Kênh 2	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 25' 32"	105° 03' 09"	09° 29' 19"	105° 07' 07"	C-48-67-A-a
Kênh 3	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 29' 36"	105° 06' 37"	09° 26' 34"	105° 03' 34"	C-48-67-A-a
kênh 6 La Cua	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 24' 25"	105° 03' 42"	09° 26' 23"	105° 05' 42"	C-48-67-A-a
Kênh 8000	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 26' 23"	105° 05' 42"	09° 28' 44"	105° 08' 06"	C-48-67-A-a, C-48-67-A-b
kênh Bảy Hóa	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 23' 32"	105° 07' 56"	09° 24' 38"	105° 06' 25"	C-48-67-A-a
kênh Bảy Muôn	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 24' 24"	105° 05' 38"	09° 23' 38"	105° 06' 20"	C-48-67-A-a
kênh Bảy Ngãi	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 25' 02"	105° 06' 32"	09° 26' 05"	105° 05' 43"	C-48-67-A-a
kênh Bảy Thọ	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 24' 38"	105° 06' 25"	09° 24' 52"	105° 06' 04"	C-48-67-A-a
kênh Bờ Bao	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 20' 14"	105° 04' 02"	09° 33' 09"	104° 57' 29"	C-48-67-A-a, C-48-67-A-c
kênh Bùng Binh	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 23' 50"	105° 04' 28"	09° 24' 42"	105° 03' 59"	C-48-67-A-a
kênh Cái Sắn	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 25' 40"	105° 06' 52"	09° 24' 52"	105° 06' 04"	C-48-67-A-a
Kênh Đào	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 25' 16"	105° 06' 37"	09° 25' 56"	105° 06' 08"	C-48-67-A-a
kênh Đường Đào	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 29' 24"	105° 06' 57"	09° 28' 20"	105° 05' 59"	C-48-67-A-a
kênh Hai Rưỡi	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 27' 29"	105° 04' 54"	09° 26' 18"	105° 03' 40"	C-48-67-A-a
kênh Hai Tảo	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 24' 17"	105° 05' 24"	09° 25' 27"	105° 04' 45"	C-48-67-A-a
kênh Kiểm Lâm	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 24' 29"	105° 08' 55"	09° 31' 22"	105° 02' 22"	C-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Một Rưỡi	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 25' 23"	105° 03' 11"	09° 27' 58"	105° 05' 47"	C-48-67-A-a
kênh Ranh Hạc	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 23' 16"	105° 17' 42"	09° 30' 28"	105° 05' 12"	C-48-67-A-a, C-48-67-A-b
kênh Số 3	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 22' 30"	105° 04' 16"	09° 21' 06"	105° 01' 35"	C-48-67-A-c, C-48-67-A-a
kênh Số 3 Chùa	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 22' 39"	105° 04' 15"	09° 23' 08"	105° 05' 23"	C-48-67-A-a
kênh Số 4	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 23' 07"	105° 04' 01"	09° 21' 40"	105° 01' 26"	C-48-67-A-a
kênh Số 5	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 23' 49"	105° 03' 55"	09° 22' 14"	105° 01' 18"	C-48-67-A-a
kênh Số 6	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 24' 24"	105° 03' 37"	09° 22' 49"	105° 01' 09"	C-48-67-A-a
kênh Số 7	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 24' 58"	105° 03' 18"	09° 23' 16"	105° 00' 49"	C-48-67-A-a
kênh Số 8	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 25' 36"	105° 03' 05"	09° 23' 13"	104° 59' 46"	C-48-67-A-a
kênh Số 9	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 26' 17"	105° 02' 57"	09° 24' 01"	104° 59' 59"	C-48-67-A-a
kênh Tú Tài	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 24' 54"	105° 06' 08"	09° 25' 49"	105° 05' 43"	C-48-67-A-a
kênh Tư Phường	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 24' 57"	105° 06' 21"	09° 26' 09"	105° 05' 28"	C-48-67-A-a
kênh Út Bảo	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 22' 18"	105° 06' 39"	09° 24' 09"	105° 05' 01"	C-48-67-A-a
kênh xáng Hợp Tác Xã	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 24' 41"	105° 03' 58"	09° 26' 33"	105° 03' 12"	C-48-67-A-a
kênh xáng Lộ Xe	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 32' 44"	104° 59' 48"	09° 21' 17"	105° 05' 32"	C-48-67-A-a
lung Bầy Hầy	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 28' 15"	105° 05' 32"	09° 30' 05"	105° 05' 50"	C-48-67-A-a
rạch Cái Sắn	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 24' 52"	105° 06' 04"	09° 23' 23"	105° 04' 04"	C-48-67-A-a
Sông Trẹm	TV	xã Biển Bạch Đông	H. Thới Bình			09° 33' 25"	104° 57' 41"	09° 14' 26"	105° 04' 06"	C-48-67-A-a, C-48-67-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 1	DC	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình	09° 17' 14"	105° 04' 47"					C-48-67-A-c
Ấp 2	DC	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình	09° 16' 32"	105° 05' 00"					C-48-67-A-c
ấp Bào Nhàn	DC	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình	09° 14' 52"	105° 07' 36"					C-48-67-C-b
ấp Bến Gỗ	DC	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình	09° 13' 11"	105° 05' 02"					C-48-67-C-a
ấp Cái Bát	DC	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình	09° 15' 52"	105° 07' 55"					C-48-67-A-d
ấp Cây Khô	DC	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình	09° 17' 40"	105° 08' 08"					C-48-67-A-d
ấp Cây Sộp	DC	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình	09° 17' 33"	105° 09' 42"					C-48-67-A-d
ấp Đường Đào	DC	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình	09° 15' 47"	105° 06' 43"					C-48-67-A-c
ấp Tắc Thủ	DC	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình	09° 12' 16"	105° 05' 31"					C-48-67-C-a
ấp Xóm Lá	DC	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình	09° 14' 49"	105° 08' 27"					C-48-67-C-b
ấp Xóm Sở	DC	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình	09° 14' 34"	105° 04' 23"					C-48-67-C-a
cầu Bạch Ngưu	KX	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình	09° 12' 38"	105° 07' 06"					C-48-67-C-a
cầu Khánh An	KX	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình	09° 12' 39"	105° 04' 58"					C-48-67-C-a
cầu Rạch Bần	KX	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình	09° 12' 34"	105° 06' 09"					C-48-67-C-a
Di tích lịch sử Tòa Thánh Ngọc Sắc	KX	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình	09° 15' 21"	105° 05' 42"					C-48-67-A-c
kênh Cả Giữa	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 15' 58"	105° 09' 23"	09° 15' 54"	105° 10' 07"	C-48-67-A-d
kênh Cây Khô	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 17' 13"	105° 07' 34"	09° 16' 34"	105° 07' 12"	C-48-67-A-c, C-48-67-A-d
kênh Đường Đào	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 16' 33"	105° 07' 10"	09° 14' 30"	105° 06' 34"	C-48-67-A-c, C-48-67-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Ông Bường	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 17' 57"	105° 05' 08"	09° 17' 49"	105° 03' 18"	C-48-67-A-c
kênh Ông Hương	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 17' 48"	105° 05' 40"	09° 16' 33"	105° 07' 10"	C-48-67-A-c
kênh Tám Thước	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 18' 19"	105° 05' 09"	09° 18' 06"	105° 10' 51"	C-48-67-A-d
kênh Thị Phụng	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 15' 27"	105° 04' 56"	09° 15' 27"	105° 06' 31"	C-48-67-A-c
kênh xáng Bình Minh	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 15' 10"	105° 04' 45"	09° 19' 41"	105° 02' 38"	C-48-67-A-c
kênh xáng Đường Xuồng	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 20' 27"	105° 09' 56"	09° 17' 13"	105° 07' 34"	C-48-67-A-d
kênh xáng Láng Trâm	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 20' 37"	105° 05' 12"	09° 14' 38"	105° 15' 12"	C-48-67-A-d
ngã ba Cái Tàu	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình	09° 14' 26"	105° 04' 06"					C-48-67-C-a
rạch Bà Chùm	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 17' 15"	105° 06' 20"	09° 17' 27"	105° 05' 12"	C-48-67-A-c
rạch Bến Gỗ	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 17' 08"	105° 03' 36"	09° 17' 17"	105° 05' 09"	C-48-67-A-c
rạch Cái Bát	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 17' 48"	105° 08' 56"	09° 15' 36"	105° 08' 19"	C-48-67-A-d
rạch Cái Đĩa Lớn	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 17' 37"	105° 10' 32"	09° 16' 18"	105° 10' 36"	C-48-67-A-d
rạch Cả Đĩa Nhỏ	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 15' 22"	105° 09' 11"	09° 15' 25"	105° 09' 46"	C-48-67-A-d
rạch Cây Khô	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 17' 44"	105° 08' 05"	09° 17' 53"	105° 09' 38"	C-48-67-A-d
rạch Cây Phú	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 16' 12"	105° 04' 23"	09° 16' 12"	105° 05' 04"	C-48-67-A-c
rạch Nổng Kè	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 13' 41"	105° 05' 12"	09° 13' 44"	105° 04' 37"	C-48-67-C-a
rạch Nổng Kè Lớn	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 14' 45"	105° 06' 31"	09° 14' 00"	105° 04' 24"	C-48-67-C-a
rạch Ông Hương	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 17' 50"	105° 06' 32"	09° 17' 55"	105° 05' 12"	C-48-67-A-c
rạch Vườn Cò	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 15' 58"	105° 06' 12"	09° 15' 39"	105° 05' 00"	C-48-67-A-c
Rạch Bần	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 12' 34"	105° 06' 06"	09° 14' 06"	105° 06' 45"	C-48-67-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Rạch Giồng	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 16' 33"	105° 07' 12"	09° 14' 16"	105° 08' 34"	C-48-67-A-d, C-48-67-C-b
sông Bạch Ngưu	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 24' 01"	105° 15' 38"	09° 12' 33"	105° 07' 03"	C-48-67-A-d, C-48-67-C-b, C-48-67-C-a
sông Ông Đốc	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 14' 26"	105° 04' 06"	09° 02' 00"	104° 48' 49"	C-48-67-C-a
sông Tắc Thủ	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 12' 21"	105° 07' 19"	09° 12' 09"	105° 05' 08"	C-48-67-C-a
Sông Trẹm	TV	xã Hồ Thị Kỷ	H. Thới Bình			09° 33' 25"	104° 57' 41"	09° 14' 26"	105° 04' 06"	C-48-67-A-c, C-48-67-C-a
ấp Kênh 6	DC	xã Tân Bằng	H. Thới Bình	09° 28' 01"	105° 03' 26"					C-48-67-A-a
ấp Kênh 8	DC	xã Tân Bằng	H. Thới Bình	09° 28' 52"	105° 02' 46"					C-48-67-A-a
ấp Kênh 9	DC	xã Tân Bằng	H. Thới Bình	09° 29' 06"	105° 02' 17"					C-48-67-A-a
ấp Lê Hoàng Thá	DC	xã Tân Bằng	H. Thới Bình	09° 26' 52"	105° 03' 21"					C-48-67-A-a
ấp Nguyễn Huế	DC	xã Tân Bằng	H. Thới Bình	09° 27' 12"	105° 03' 14"					C-48-67-A-a
ấp Tân Bằng	DC	xã Tân Bằng	H. Thới Bình	09° 28' 09"	105° 02' 17"					C-48-67-A-a
ấp Tấn Công	DC	xã Tân Bằng	H. Thới Bình	09° 27' 47"	105° 02' 38"					C-48-67-A-a
Kênh 4	TV	xã Tân Bằng	H. Thới Bình			09° 29' 43"	105° 06' 26"	09° 26' 51"	105° 03' 28"	C-48-67-A-a
Kênh 5	TV	xã Tân Bằng	H. Thới Bình			09° 29' 53"	105° 06' 11"	09° 27' 26"	105° 03' 40"	C-48-67-A-a
Kênh 6	TV	xã Tân Bằng	H. Thới Bình			09° 30' 10"	105° 05' 40"	09° 27' 57"	105° 03' 24"	C-48-67-A-a, C-48-55-C-c
Kênh 7	TV	xã Tân Bằng	H. Thới Bình			09° 27' 52"	105° 02' 30"	09° 30' 28"	105° 05' 12"	C-48-67-A-a, C-48-55-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 8	TV	xã Tân Bằng	H. Thới Bình			09° 28' 19"	105° 02' 13"	09° 30' 45"	105° 04' 43"	C-48-67-A-a, C-48-55-C-c
Kênh 9	TV	xã Tân Bằng	H. Thới Bình			09° 28' 45"	105° 01' 54"	09° 31' 02"	105° 04' 14"	C-48-67-A-a, C-48-55-C-c
kênh 11 Lớn	TV	xã Tân Bằng	H. Thới Bình			09° 27' 38"	105° 02' 35"	09° 27' 03"	105° 01' 55"	C-48-67-A-a
kênh 11 Nhỏ	TV	xã Tân Bằng	H. Thới Bình			09° 27' 34"	105° 02' 37"	09° 27' 01"	105° 01' 56"	C-48-67-A-a
Kênh 12	TV	xã Tân Bằng	H. Thới Bình			09° 28' 07"	105° 02' 20"	09° 24' 40"	104° 58' 02"	C-48-67-A-a
Kênh 13	TV	xã Tân Bằng	H. Thới Bình			09° 28' 33"	105° 02' 01"	09° 25' 54"	104° 58' 53"	C-48-67-A-a
kênh Bờ Bao	TV	xã Tân Bằng	H. Thới Bình			09° 20' 14"	105° 04' 02"	09° 33' 09"	104° 57' 29"	C-48-67-A-a
kênh Kiểm Lâm	TV	xã Tân Bằng	H. Thới Bình			09° 24' 29"	105° 08' 55"	09° 31' 22"	105° 02' 22"	C-48-67-A-a, C-48-55-C-c
kênh Ranh Hạc	TV	xã Tân Bằng	H. Thới Bình			09° 23' 16"	105° 17' 42"	09° 30' 28"	105° 05' 12"	C-48-55-C-c, C-48-67-A-a
kênh Số 9	TV	xã Tân Bằng	H. Thới Bình			09° 26' 17"	105° 02' 57"	09° 24' 01"	104° 59' 59"	C-48-67-A-a
kênh Số 10	TV	xã Tân Bằng	H. Thới Bình			09° 26' 59"	105° 02' 51"	09° 24' 24"	104° 59' 33"	C-48-67-A-a
kênh xáng Lộ Xe	TV	xã Tân Bằng	H. Thới Bình			09° 32' 44"	104° 59' 48"	09° 21' 17"	105° 05' 32"	C-48-67-A-a
lung Bầy Hầy	TV	xã Tân Bằng	H. Thới Bình			09° 28' 15"	105° 05' 32"	09° 30' 05"	105° 05' 50"	C-48-67-A-a, C-48-55-C-c
Sông Trẹm	TV	xã Tân Bằng	H. Thới Bình			09° 33' 25"	104° 57' 41"	09° 14' 26"	105° 04' 06"	C-48-67-A-a
Ấp 1	DC	xã Tân Lộc	H. Thới Bình	09° 15' 51"	105° 12' 06"					C-48-67-A-d
Ấp 2	DC	xã Tân Lộc	H. Thới Bình	09° 16' 08"	105° 11' 50"					C-48-67-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 3	DC	xã Tân Lộc	H. Thới Bình	09° 16' 40"	105° 12' 27"					C-48-67-A-d
Ấp 4	DC	xã Tân Lộc	H. Thới Bình	09° 16' 43"	105° 11' 34"					C-48-67-A-d
Ấp 5	DC	xã Tân Lộc	H. Thới Bình	09° 17' 12"	105° 11' 57"					C-48-67-A-d
Ấp 6	DC	xã Tân Lộc	H. Thới Bình	09° 15' 46"	105° 13' 34"					C-48-67-A-d
Ấp 7	DC	xã Tân Lộc	H. Thới Bình	09° 17' 33"	105° 12' 10"					C-48-67-A-d
Ấp 8	DC	xã Tân Lộc	H. Thới Bình	09° 16' 25"	105° 12' 33"					C-48-67-A-d
Ấp 9	DC	xã Tân Lộc	H. Thới Bình	09° 17' 26"	105° 11' 00"					C-48-67-A-d
cầu Số 3	KX	xã Tân Lộc	H. Thới Bình	09° 16' 05"	105° 12' 01"					C-48-67-A-d
cầu Số 5	KX	xã Tân Lộc	H. Thới Bình	09° 17' 06"	105° 12' 07"					C-48-67-A-d
cầu Tân Lộc	KX	xã Tân Lộc	H. Thới Bình	09° 16' 48"	105° 12' 03"					C-48-67-A-d
chùa Cao Dân	KX	xã Tân Lộc	H. Thới Bình	09° 18' 00"	105° 12' 13"					C-48-67-A-d
miếu Bà Đệ	KX	xã Tân Lộc	H. Thới Bình	09° 16' 05"	105° 10' 37"					C-48-67-A-d
Quốc lộ 63	KX	xã Tân Lộc	H. Thới Bình			09° 26' 44"	105° 11' 18"	09° 11' 03"	105° 08' 40"	C-48-67-A-d
kênh C4	TV	xã Tân Lộc	H. Thới Bình			09° 20' 41"	105° 15' 03"	09° 16' 25"	105° 12' 46"	C-48-67-A-d
kênh Hải Quân	TV	xã Tân Lộc	H. Thới Bình			09° 19' 04"	105° 12' 36"	09° 18' 05"	105° 12' 47"	C-48-67-A-d
kênh Tân Phong	TV	xã Tân Lộc	H. Thới Bình			09° 19' 02"	105° 11' 57"	09° 16' 06"	105° 16' 44"	C-48-67-A-d
kênh Trâu Trắng	TV	xã Tân Lộc	H. Thới Bình			09° 18' 03"	105° 12' 42"	09° 18' 35"	105° 13' 25"	C-48-67-A-d
kênh Tư Ngươn	TV	xã Tân Lộc	H. Thới Bình			09° 17' 38"	105° 10' 32"	09° 20' 01"	105° 10' 36"	C-48-67-A-d
kênh xáng Láng Trâm	TV	xã Tân Lộc	H. Thới Bình			09° 20' 37"	105° 05' 12"	09° 14' 38"	105° 15' 12"	C-48-67-A-d
ngã ba Bà Đệ	TV	xã Tân Lộc	H. Thới Bình	09° 16' 04"	105° 10' 35"					C-48-67-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cái Đĩa Lớn	TV	xã Tân Lộc	H. Thới Bình			09° 17' 37"	105° 10' 32"	09° 16' 18"	105° 10' 36"	C-48-67-A-d
rạch Cây Dứa	TV	xã Tân Lộc	H. Thới Bình			09° 14' 45"	105° 12' 25"	09° 13' 36"	105° 14' 13"	C-48-67-C-b
rạch Lão Thứ	TV	xã Tân Lộc	H. Thới Bình			09° 17' 20"	105° 12' 50"	09° 16' 34"	105° 12' 30"	C-48-67-A-d
rạch Ngọn Cái	TV	xã Tân Lộc	H. Thới Bình			09° 17' 26"	105° 13' 00"	09° 17' 06"	105° 12' 05"	C-48-67-A-d
sông Bạch Ngưu	TV	xã Tân Lộc	H. Thới Bình			09° 24' 01"	105° 15' 38"	09° 12' 33"	105° 07' 03"	C-48-67-A-d
sông Bà Đệ	TV	xã Tân Lộc	H. Thới Bình			09° 16' 15"	105° 12' 59"	09° 16' 04"	105° 10' 35"	C-48-67-A-d
sông Ô Rô	TV	xã Tân Lộc	H. Thới Bình			09° 13' 04"	105° 12' 49"	09° 15' 56"	105° 12' 05"	C-48-67-A-d, C-48-67-C-b
Ấp 1	DC	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình	09° 19' 48"	105° 12' 01"					C-48-67-A-d
Ấp 2	DC	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình	09° 20' 24"	105° 11' 07"					C-48-67-A-d
Ấp 3	DC	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình	09° 20' 12"	105° 12' 25"					C-48-67-A-d
Ấp 4	DC	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình	09° 19' 34"	105° 11' 40"					C-48-67-A-d
Ấp 5	DC	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình	09° 19' 04"	105° 12' 00"					C-48-67-A-d
Ấp 6	DC	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình	09° 19' 11"	105° 11' 32"					C-48-67-A-d
Ấp 7	DC	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình	09° 18' 38"	105° 11' 30"					C-48-67-A-d
Ấp 8	DC	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình	09° 18' 37"	105° 11' 11"					C-48-67-A-d
Ấp 9	DC	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình	09° 17' 54"	105° 12' 07"					C-48-67-A-d
chùa Đầu Nai	KX	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình	09° 20' 33"	105° 12' 08"					C-48-67-A-d
nhà thờ Tân Lộc	KX	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình	09° 19' 49"	105° 12' 10"					C-48-67-A-d
Quốc lộ 63	KX	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình			09° 26' 44"	105° 11' 18"	09° 11' 03"	105° 08' 40"	C-48-67-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh 3 Thước	TV	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình			09° 21' 01"	105° 10' 30"	09° 20' 02"	105° 10' 36"	C-48-67-A-d
kênh Bang Lỳ	TV	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình			09° 20' 25"	105° 12' 32"	09° 19' 51"	105° 14' 08"	C-48-67-A-d
kênh Bào Chà	TV	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình			09° 19' 35"	105° 11' 18"	09° 21' 08"	105° 09' 16"	C-48-67-A-d
kênh C4	TV	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình			09° 20' 41"	105° 15' 03"	09° 16' 25"	105° 12' 46"	C-48-67-A-d
kênh Đầu Nai	TV	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình			09° 20' 26"	105° 12' 31"	09° 21' 01"	105° 10' 30"	C-48-67-A-d
kênh Hải Quân	TV	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình			09° 19' 04"	105° 12' 36"	09° 18' 05"	105° 12' 47"	C-48-67-A-d
Kênh Miếu	TV	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình			09° 19' 08"	105° 11' 58"	09° 19' 18"	105° 07' 50"	C-48-67-A-d
Kênh Mớp	TV	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình			09° 18' 52"	105° 10' 26"	09° 18' 36"	105° 11' 54"	C-48-67-A-d
kênh Ngang Dưới	TV	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình			09° 19' 53"	105° 10' 50"	09° 21' 00"	105° 10' 47"	C-48-67-A-d
kênh Ngang Trên	TV	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình			09° 19' 36"	105° 11' 21"	09° 20' 48"	105° 11' 04"	C-48-67-A-d
kênh Nhà Thờ	TV	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình			09° 19' 44"	105° 12' 53"	09° 19' 52"	105° 12' 09"	C-48-67-A-d
kênh Tám Thước	TV	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình			09° 20' 36"	105° 05' 19"	09° 20' 13"	105° 11' 06"	C-48-67-A-d
kênh Tân Phong	TV	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình			09° 19' 02"	105° 11' 57"	09° 16' 06"	105° 16' 44"	C-48-67-A-d
kênh Trâu Trắng	TV	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình			09° 18' 03"	105° 12' 42"	09° 18' 35"	105° 13' 25"	C-48-67-A-d
kênh Tư Ngươn	TV	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình			09° 17' 38"	105° 10' 32"	09° 20' 01"	105° 10' 36"	C-48-67-A-d
rạch Bào Chà	TV	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình			09° 19' 38"	105° 10' 34"	09° 19' 33"	105° 11' 59"	C-48-67-A-d
sông Bạch Ngưu	TV	xã Tân Lộc Bắc	H. Thới Bình			09° 24' 01"	105° 15' 38"	09° 12' 33"	105° 07' 03"	C-48-67-A-d
Ấp 1	DC	xã Tân Lộc Đông	H. Thới Bình	09° 16' 52"	105° 13' 42"					C-48-67-A-d
Ấp 2	DC	xã Tân Lộc Đông	H. Thới Bình	09° 15' 09"	105° 15' 21"					C-48-67-B-c
Ấp 3	DC	xã Tân Lộc Đông	H. Thới Bình	09° 15' 43"	105° 16' 04"					C-48-67-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 4	DC	xã Tân Lộc Đông	H. Thới Bình	09° 16' 40"	105° 17' 16"					C-48-67-B-c
Ấp 5	DC	xã Tân Lộc Đông	H. Thới Bình	09° 16' 10"	105° 16' 45"					C-48-67-B-c
Ấp 6	DC	xã Tân Lộc Đông	H. Thới Bình	09° 18' 24"	105° 14' 59"					C-48-67-A-d
Ấp 7	DC	xã Tân Lộc Đông	H. Thới Bình	09° 18' 59"	105° 14' 52"					C-48-67-A-d
kênh C3	TV	xã Tân Lộc Đông	H. Thới Bình			09° 15' 38"	105° 13' 52"	09° 17' 17"	105° 15' 16"	C-48-67-A-d, C-48-67-B-c
kênh C4	TV	xã Tân Lộc Đông	H. Thới Bình			09° 20' 41"	105° 15' 03"	09° 16' 25"	105° 12' 46"	C-48-67-A-d
kênh Nhà Thờ	TV	xã Tân Lộc Đông	H. Thới Bình			09° 16' 51"	105° 17' 31"	09° 17' 48"	105° 16' 40"	C-48-67-B-c
kênh Tân Phong	TV	xã Tân Lộc Đông	H. Thới Bình			09° 19' 02"	105° 11' 57"	09° 16' 06"	105° 16' 44"	C-48-67-A-d, C-48-67-B-c
kênh xáng Láng Trâm	TV	xã Tân Lộc Đông	H. Thới Bình			09° 20' 37"	105° 05' 12"	09° 14' 38"	105° 15' 12"	C-48-67-A-d
lung Cây Bàng	TV	xã Tân Lộc Đông	H. Thới Bình			09° 18' 51"	105° 14' 50"	09° 20' 39"	105° 15' 05"	C-48-67-A-d, C-48-67-B-c
sông Quản Lộ - Phụng Hiệp	TV	xã Tân Lộc Đông	H. Thới Bình			09° 16' 50"	105° 17' 32"	09° 10' 41"	105° 08' 40"	C-48-67-B-c, C-48-67-D-a
ấp Đầu Nai	DC	xã Tân Phú	H. Thới Bình	09° 20' 51"	105° 11' 31"					C-48-67-A-d
ấp Giao Khẩu	DC	xã Tân Phú	H. Thới Bình	09° 21' 09"	105° 13' 15"					C-48-67-A-d
ấp Kinh 5A	DC	xã Tân Phú	H. Thới Bình	09° 22' 59"	105° 11' 28"					C-48-67-A-b
ấp Kinh 5B	DC	xã Tân Phú	H. Thới Bình	09° 22' 54"	105° 11' 19"					C-48-67-A-b
ấp Nhà Máy A	DC	xã Tân Phú	H. Thới Bình	09° 21' 52"	105° 13' 15"					C-48-67-A-d
ấp Nhà Máy B	DC	xã Tân Phú	H. Thới Bình	09° 21' 53"	105° 12' 57"					C-48-67-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tapasa 1	DC	xã Tân Phú	H. Thới Bình	09° 23' 21"	105° 12' 23"					C-48-67-A-b
ấp Tapasa 2	DC	xã Tân Phú	H. Thới Bình	09° 24' 31"	105° 12' 13"					C-48-67-A-b
ấp Tapasa 3	DC	xã Tân Phú	H. Thới Bình	09° 25' 51"	105° 12' 17"					C-48-67-A-b
ấp Tràm Thẻ	DC	xã Tân Phú	H. Thới Bình	09° 23' 48"	105° 15' 30"					C-48-67-B-a
ấp Tràm Thẻ Đông	DC	xã Tân Phú	H. Thới Bình	09° 22' 58"	105° 15' 51"					C-48-67-B-a
ấp Trời Mọc	DC	xã Tân Phú	H. Thới Bình	09° 21' 36"	105° 13' 41"					C-48-67-A-d
cầu Chợ Hội	KX	xã Tân Phú	H. Thới Bình	09° 21' 29"	105° 13' 31"					C-48-67-A-d
đền thờ Vua Hùng	KX	xã Tân Phú	H. Thới Bình	09° 21' 07"	105° 13' 09"					C-48-67-A-d
Quốc lộ 63	KX	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 26' 44"	105° 11' 18"	09° 11' 03"	105° 08' 40"	C-48-67-A-d
Kênh 4	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 23' 11"	105° 10' 58"	09° 22' 35"	105° 10' 27"	C-48-67-A-b
Kênh 5	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 23' 04"	105° 11' 09"	09° 22' 03"	105° 10' 16"	C-48-67-A-b, C-48-67-A-d
Kênh 6	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 22' 50"	105° 11' 32"	09° 22' 00"	105° 10' 49"	C-48-67-A-b, C-48-67-A-d
Kênh 7	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 21' 55"	105° 11' 13"	09° 22' 40"	105° 11' 46"	C-48-67-A-b, C-48-67-A-d
Kênh 10	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 23' 52"	105° 16' 43"	09° 21' 14"	105° 14' 11"	C-48-67-B-a, C-48-67-A-d, C-48-67-B-c
Kênh 40	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 22' 56"	105° 11' 25"	09° 23' 41"	105° 11' 40"	C-48-67-A-b
Kênh 8000	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 23' 16"	105° 17' 41"	09° 20' 38"	105° 15' 09"	C-48-67-B-c, C-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bang Lỳ	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 20' 25"	105° 12' 32"	09° 19' 51"	105° 14' 08"	C-48-67-A-d
kênh Ba Hiển	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 23' 10"	105° 11' 03"	09° 23' 51"	105° 11' 22"	C-48-67-A-b
kênh Ba Huệ	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 21' 46"	105° 11' 27"	09° 22' 28"	105° 11' 56"	C-48-67-A-d
kênh Ba Nhỏ	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 20' 47"	105° 11' 46"	09° 21' 32"	105° 11' 49"	C-48-67-A-d
kênh Ba Thanh	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 20' 48"	105° 11' 41"	09° 21' 37"	105° 11' 41"	C-48-67-A-d
kênh Bốn Thước	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 25' 35"	105° 10' 05"	09° 21' 51"	105° 16' 19"	C-48-67-A-b
kênh C4	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 20' 41"	105° 15' 03"	09° 16' 25"	105° 12' 46"	C-48-67-A-d, C-48-67-B-c
kênh Cây Bùi	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 23' 24"	105° 15' 13"	09° 25' 24"	105° 12' 06"	C-48-67-A-b, C-48-67-B-a
kênh Cây Gừa	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 23' 32"	105° 10' 25"	09° 20' 31"	105° 07' 25"	C-48-67-A-b
kênh Chòi Mòi	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 23' 18"	105° 10' 47"	09° 22' 41"	105° 10' 11"	C-48-67-A-b
kênh Đầu Nai	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 20' 26"	105° 12' 31"	09° 21' 01"	105° 10' 30"	C-48-67-A-d
kênh Đường Xê	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 22' 46"	105° 11' 47"	09° 23' 33"	105° 11' 52"	C-48-67-A-b
kênh Hai An	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 20' 47"	105° 11' 25"	09° 21' 49"	105° 11' 23"	C-48-67-A-d
kênh Khuông Cá	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 21' 17"	105° 15' 46"	09° 24' 11"	105° 10' 50"	C-48-67-A-b, C-48-67-A-d
kênh Miếu Ông Tà	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 20' 38"	105° 12' 08"	09° 21' 19"	105° 12' 10"	C-48-67-A-d
kênh Mười Phùng	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 21' 37"	105° 11' 41"	09° 22' 24"	105° 12' 11"	C-48-67-A-d
kênh Năm Mão	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 22' 35"	105° 11' 58"	09° 23' 13"	105° 12' 22"	C-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Nước Chua	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 23' 23"	105° 10' 42"	09° 24' 01"	105° 11' 06"	C-48-67-A-b
Kênh Phèn	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 22' 44"	105° 11' 45"	09° 23' 22"	105° 12' 10"	C-48-67-A-b
kênh Ranh Hạc	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 23' 16"	105° 17' 42"	09° 30' 28"	105° 05' 12"	C-48-67-B-a
kênh Sừ Pho	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 20' 49"	105° 11' 09"	09° 22' 00"	105° 11' 06"	C-48-67-A-d
kênh Tapasa	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 22' 26"	105° 12' 34"	09° 25' 40"	105° 12' 04"	C-48-67-A-b, C-48-67-A-d
kênh Thầy Cai	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 22' 37"	105° 08' 01"	09° 22' 03"	105° 10' 16"	C-48-67-A-d
kênh Tràm Tròn	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 22' 14"	105° 12' 32"	09° 24' 54"	105° 14' 13"	C-48-67-A-b, C-48-67-A-d
Kênh Xáng	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 22' 03"	105° 10' 16"	09° 20' 52"	105° 12' 52"	C-48-67-A-d
kênh xáng Huyện Sử - Hộ Phòng	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 20' 39"	105° 15' 05"	09° 24' 28"	105° 08' 56"	C-48-67-A-d, C-48-67-B-c, C-48-67-A-b
lung Cây Bàng	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 18' 51"	105° 14' 50"	09° 20' 39"	105° 15' 05"	C-48-67-A-d, C-48-67-B-c
lung Chín Cối	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 22' 03"	105° 10' 16"	09° 21' 01"	105° 10' 30"	C-48-67-A-d
lung Chùm Tre	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 21' 08"	105° 15' 38"	09° 20' 44"	105° 15' 15"	C-48-67-B-c
lung Gộc Dài	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 24' 52"	105° 13' 51"	09° 25' 35"	105° 13' 08"	C-48-67-A-b
lung Nhà Máy	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 20' 59"	105° 12' 55"	09° 22' 16"	105° 12' 27"	C-48-67-A-d
sông Bạch Ngưu	TV	xã Tân Phú	H. Thới Bình			09° 24' 01"	105° 15' 38"	09° 12' 33"	105° 07' 03"	C-48-67-A-b, C-48-67-A-d, C-48-67-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 1	DC	xã Thới Bình	H. Thới Bình	09° 21' 07"	105° 09' 11"					C-48-67-A-d
Ấp 2	DC	xã Thới Bình	H. Thới Bình	09° 22' 02"	105° 07' 33"					C-48-67-A-d
Ấp 3	DC	xã Thới Bình	H. Thới Bình	09° 21' 31"	105° 06' 56"					C-48-67-A-c
Ấp 4	DC	xã Thới Bình	H. Thới Bình	09° 21' 50"	105° 06' 16"					C-48-67-A-c
Ấp 5	DC	xã Thới Bình	H. Thới Bình	09° 22' 48"	105° 07' 16"					C-48-67-A-a
Ấp 6	DC	xã Thới Bình	H. Thới Bình	09° 19' 47"	105° 05' 15"					C-48-67-A-c
Ấp 7	DC	xã Thới Bình	H. Thới Bình	09° 18' 35"	105° 05' 10"					C-48-67-A-c
Ấp 8	DC	xã Thới Bình	H. Thới Bình	09° 19' 03"	105° 08' 10"					C-48-67-A-d
Ấp 9	DC	xã Thới Bình	H. Thới Bình	09° 18' 30"	105° 04' 43"					C-48-67-A-c
Ấp 10	DC	xã Thới Bình	H. Thới Bình	09° 19' 17"	105° 04' 57"					C-48-67-A-c
Ấp 11	DC	xã Thới Bình	H. Thới Bình	09° 18' 26"	105° 09' 09"					C-48-67-A-d
kênh 3 Thước	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 21' 01"	105° 10' 30"	09° 20' 02"	105° 10' 36"	C-48-67-A-d
kênh Bào Chà	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 19' 35"	105° 11' 18"	09° 21' 08"	105° 09' 16"	C-48-67-A-d
kênh Bảy Hóa	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 23' 32"	105° 07' 56"	09° 24' 38"	105° 06' 25"	C-48-67-A-a, C-48-67-A-b
kênh Bờ Bao	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 20' 14"	105° 04' 02"	09° 33' 09"	104° 57' 29"	C-48-67-A-c
kênh Cây Gừa	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 23' 32"	105° 10' 25"	09° 20' 31"	105° 07' 25"	C-48-67-A-d, C-48-67-A-c
kênh Hai Ngó	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 22' 57"	105° 07' 22"	09° 21' 08"	105° 09' 16"	C-48-67-A-d, C-48-67-A-a, C-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Huế Giữa	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 22' 45"	105° 07' 07"	09° 23' 38"	105° 06' 20"	C-48-67-A-a
Kênh Miếu	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 19' 08"	105° 11' 58"	09° 19' 18"	105° 07' 50"	C-48-67-A-d
kênh Nhà Nước	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 21' 36"	105° 06' 59"	09° 21' 08"	105° 09' 16"	C-48-67-A-d, C-48-67-A-c
kênh Ông Bường	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 17' 57"	105° 05' 08"	09° 17' 49"	105° 03' 18"	C-48-67-A-c
kênh Tám Thước	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 20' 36"	105° 05' 19"	09° 20' 13"	105° 11' 06"	C-48-67-A-d, C-48-67-A-c
kênh Thầy Ba Vinh	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 23' 03"	105° 08' 02"	09° 22' 45"	105° 09' 33"	C-48-67-A-b
kênh Thầy Cai	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 22' 37"	105° 08' 01"	09° 22' 03"	105° 10' 16"	C-48-67-A-d, C-48-67-A-b
kênh Trại Trú	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 19' 08"	105° 05' 00"	09° 18' 42"	105° 02' 57"	C-48-67-A-c
kênh Tư Hòa	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 23' 32"	105° 07' 57"	09° 22' 52"	105° 08' 39"	C-48-67-A-b
kênh Tư Ngươn	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 17' 38"	105° 10' 32"	09° 20' 01"	105° 10' 36"	C-48-67-A-d
kênh Út Bảo	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 22' 18"	105° 06' 39"	09° 24' 09"	105° 05' 01"	C-48-67-A-a, C-48-67-A-c
kênh xáng Bình Minh	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 15' 10"	105° 04' 45"	09° 19' 41"	105° 02' 38"	C-48-67-A-c
kênh xáng Chắc Băng	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 20' 53"	105° 05' 12"	09° 26' 45"	105° 11' 17"	C-48-67-A-c, C-48-67-A-a, C-48-67-A-b
kênh xáng Đường Xuồng	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 20' 27"	105° 09' 56"	09° 17' 13"	105° 07' 34"	C-48-67-A-d
kênh xáng Láng Trâm	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 20' 37"	105° 05' 12"	09° 14' 38"	105° 15' 12"	C-48-67-A-c, C-48-67-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Zê Rô	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 20' 40"	105° 05' 09"	09° 19' 02"	105° 01' 00"	C-48-67-A-c
lung Bình Bát	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 21' 09"	105° 09' 03"	09° 18' 09"	105° 09' 35"	C-48-67-A-d
lung Chín Cối	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 22' 03"	105° 10' 16"	09° 21' 01"	105° 10' 30"	C-48-67-A-d
rạch Bào Mốp	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 19' 20"	105° 07' 20"	09° 19' 15"	105° 05' 05"	C-48-67-A-c
rạch Bà Đặng	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 23' 03"	105° 08' 02"	09° 21' 04"	105° 05' 11"	C-48-67-A-b, C-48-67-A-c, C-48-67-A-d
rạch Bà Hội	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 20' 07"	105° 06' 15"	09° 20' 12"	105° 05' 12"	C-48-67-A-c
rạch Cây Điều	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 19' 47"	105° 09' 18"	09° 19' 44"	105° 10' 34"	C-48-67-A-d
rạch Ông Hương	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 17' 50"	105° 06' 32"	09° 17' 55"	105° 05' 12"	C-48-67-A-c
Sông Trẹm	TV	xã Thới Bình	H. Thới Bình			09° 33' 25"	104° 57' 41"	09° 14' 26"	105° 04' 06"	C-48-67-A-c
Ấp 5	DC	xã Trí Lực	H. Thới Bình	09° 27' 05"	105° 09' 43"					C-48-67-A-b
Ấp 7	DC	xã Trí Lực	H. Thới Bình	09° 25' 08"	105° 08' 48"					C-48-67-A-b
Ấp 8	DC	xã Trí Lực	H. Thới Bình	09° 26' 14"	105° 07' 47"					C-48-67-A-b
Ấp 9	DC	xã Trí Lực	H. Thới Bình	09° 27' 57"	105° 08' 51"					C-48-67-A-b
ấp Phủ Thờ	DC	xã Trí Lực	H. Thới Bình	09° 26' 34"	105° 09' 01"					C-48-67-A-b
Di tích lịch sử Các Địa điểm thuộc Xứ ủy Nam Bộ - Trung ương Cục miền Nam (giai đoạn từ cuối năm 1949 đến đầu năm 1955) tỉnh Cà Mau	KX	xã Trí Lực	H. Thới Bình	09° 25' 39"	105° 09' 11"					C-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh	KX	xã Trí Lực	H. Thới Bình	09° 26' 52"	105° 08' 31"					C-48-67-A-b
Kênh 1	TV	xã Trí Lực	H. Thới Bình			09° 26' 34"	105° 05' 54"	09° 24' 54"	105° 08' 38"	C-48-67-A-b, C-48-67-A-a
Kênh 2	TV	xã Trí Lực	H. Thới Bình			09° 26' 46"	105° 06' 06"	09° 25' 06"	105° 08' 50"	C-48-67-A-b, C-48-67-A-a
Kênh 3	TV	xã Trí Lực	H. Thới Bình			09° 26' 58"	105° 06' 18"	09° 25' 17"	105° 09' 02"	C-48-67-A-b, C-48-67-A-a
Kênh 4	TV	xã Trí Lực	H. Thới Bình			09° 27' 09"	105° 06' 30"	09° 25' 29"	105° 09' 14"	C-48-67-A-b, C-48-67-A-a
Kênh 5	TV	xã Trí Lực	H. Thới Bình			09° 27' 21"	105° 06' 42"	09° 25' 42"	105° 09' 27"	C-48-67-A-b, C-48-67-A-a
Kênh 6	TV	xã Trí Lực	H. Thới Bình			09° 27' 33"	105° 06' 54"	09° 25' 53"	105° 09' 39"	C-48-67-A-b, C-48-67-A-a
Kênh 7	TV	xã Trí Lực	H. Thới Bình			09° 27' 45"	105° 07' 06"	09° 26' 05"	105° 09' 51"	C-48-67-A-b, C-48-67-A-a
Kênh 8	TV	xã Trí Lực	H. Thới Bình			09° 27' 56"	105° 07' 17"	09° 26' 14"	105° 10' 02"	C-48-67-A-b, C-48-67-A-a
Kênh 9	TV	xã Trí Lực	H. Thới Bình			09° 26' 12"	105° 10' 41"	09° 28' 10"	105° 07' 31"	C-48-67-A-b
Kênh 10	TV	xã Trí Lực	H. Thới Bình			09° 26' 23"	105° 10' 53"	09° 28' 21"	105° 07' 43"	C-48-67-A-b
Kênh 11	TV	xã Trí Lực	H. Thới Bình			09° 26' 35"	105° 11' 05"	09° 28' 33"	105° 07' 55"	C-48-67-A-b
Kênh 30	TV	xã Trí Lực	H. Thới Bình			09° 25' 32"	105° 07' 06"	09° 27' 51"	105° 09' 31"	C-48-67-A-b, C-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 1000	TV	xã Trí Lực	H. Thới Bình			09° 24' 43"	105° 08' 27"	09° 27' 02"	105° 10' 50"	C-48-67-A-b
Kênh 8000	TV	xã Trí Lực	H. Thới Bình			09° 26' 23"	105° 05' 42"	09° 28' 44"	105° 08' 06"	C-48-67-A-b, C-48-67-A-a
kênh Kiểm Lâm	TV	xã Trí Lực	H. Thới Bình			09° 24' 29"	105° 08' 55"	09° 31' 22"	105° 02' 22"	C-48-67-A-b, C-48-67-A-a
kênh Ranh Hạc	TV	xã Trí Lực	H. Thới Bình			09° 23' 16"	105° 17' 42"	09° 30' 28"	105° 05' 12"	C-48-67-A-b
kênh Thủy Lợi	TV	xã Trí Lực	H. Thới Bình			09° 25' 06"	105° 07' 48"	09° 27' 26"	105° 10' 11"	C-48-67-A-b
lung Cái Sắn	TV	xã Trí Lực	H. Thới Bình			09° 28' 28"	105° 08' 32"	09° 25' 40"	105° 06' 52"	C-48-67-A-b, C-48-67-A-a
Ấp 1	DC	xã Trí Phải	H. Thới Bình	09° 23' 52"	105° 08' 24"					C-48-67-A-b
Ấp 2	DC	xã Trí Phải	H. Thới Bình	09° 23' 59"	105° 09' 49"					C-48-67-A-b
Ấp 3	DC	xã Trí Phải	H. Thới Bình	09° 25' 10"	105° 09' 35"					C-48-67-A-b
Ấp 4	DC	xã Trí Phải	H. Thới Bình	09° 24' 53"	105° 11' 11"					C-48-67-A-b
Ấp 5	DC	xã Trí Phải	H. Thới Bình	09° 24' 57"	105° 07' 54"					C-48-67-A-b
Ấp 6	DC	xã Trí Phải	H. Thới Bình	09° 25' 52"	105° 10' 17"					C-48-67-A-b
Ấp 10	DC	xã Trí Phải	H. Thới Bình	09° 25' 34"	105° 11' 49"					C-48-67-A-b
cầu Trí Phải	KX	xã Trí Phải	H. Thới Bình	09° 24' 26"	105° 08' 59"					C-48-67-A-b
Di tích lịch sử Các Địa điểm thuộc Xứ ủy Nam Bộ - Trung ương Cục miền Nam (giai đoạn từ cuối năm 1949 đến đầu năm 1955) tỉnh Cà Mau	KX	xã Trí Phải	H. Thới Bình	09° 25' 47"	105° 10' 14"					C-48-67-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Di tích lịch sử Địa điểm trận thảm sát của Mỹ - Ngụy tại kênh Máng Diệc	KX	xã Trí Phải	H. Thới Bình	09° 24' 47"	105° 10' 21"					C-48-67-A-b
Miếu Bà	KX	xã Trí Phải	H. Thới Bình	09° 26' 44"	105° 11' 17"					C-48-67-A-b
Quốc lộ 63	KX	xã Trí Phải	H. Thới Bình			09° 26' 44"	105° 11' 18"	09° 11' 03"	105° 08' 40"	C-48-67-A-b
Kênh 9	TV	xã Trí Phải	H. Thới Bình			09° 26' 12"	105° 10' 41"	09° 28' 10"	105° 07' 31"	C-48-67-A-b
Kênh 10	TV	xã Trí Phải	H. Thới Bình			09° 26' 23"	105° 10' 53"	09° 28' 21"	105° 07' 43"	C-48-67-A-b
Kênh 11	TV	xã Trí Phải	H. Thới Bình			09° 26' 35"	105° 11' 05"	09° 28' 33"	105° 07' 55"	C-48-67-A-b
Kênh 500	TV	xã Trí Phải	H. Thới Bình			09° 26' 36"	105° 11' 32"	09° 25' 51"	105° 10' 47"	C-48-67-A-b
Kênh 1000	TV	xã Trí Phải	H. Thới Bình			09° 24' 43"	105° 08' 27"	09° 27' 02"	105° 10' 50"	C-48-67-A-b
Kênh 7000	TV	xã Trí Phải	H. Thới Bình			09° 26' 03"	105° 12' 24"	09° 23' 36"	105° 10' 21"	C-48-67-A-b
kênh Bảy Hóa	TV	xã Trí Phải	H. Thới Bình			09° 23' 32"	105° 07' 56"	09° 24' 38"	105° 06' 25"	C-48-67-A-a, C-48-67-A-b
kênh Ba Cược	TV	xã Trí Phải	H. Thới Bình			09° 23' 43"	105° 08' 09"	09° 22' 48"	105° 09' 07"	C-48-67-A-b
kênh Bốn Thước	TV	xã Trí Phải	H. Thới Bình			09° 25' 35"	105° 10' 05"	09° 21' 51"	105° 16' 19"	C-48-67-A-b
kênh Cây Gừa	TV	xã Trí Phải	H. Thới Bình			09° 23' 32"	105° 10' 25"	09° 20' 31"	105° 07' 25"	C-48-67-A-b
kênh Công Nghiệp	TV	xã Trí Phải	H. Thới Bình			09° 26' 22"	105° 10' 54"	09° 25' 27"	105° 11' 54"	C-48-67-A-b
Kênh Lầu	TV	xã Trí Phải	H. Thới Bình			09° 23' 56"	105° 08' 23"	09° 22' 45"	105° 09' 33"	C-48-67-A-b
kênh Khạo Ngọt	TV	xã Trí Phải	H. Thới Bình			09° 24' 09"	105° 08' 35"	09° 22' 56"	105° 09' 45"	C-48-67-A-b
kênh Kiểm Lâm	TV	xã Trí Phải	H. Thới Bình			09° 24' 29"	105° 08' 55"	09° 31' 22"	105° 02' 22"	C-48-67-A-b, C-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Năm Đông	TV	xã Trí Phải	H. Thới Bình			09° 25' 14"	105° 09' 43"	09° 24' 01"	105° 10' 42"	C-48-67-A-b
Kênh Miễu	TV	xã Trí Phải	H. Thới Bình			09° 24' 10"	105° 09' 27"	09° 24' 45"	105° 10' 04"	C-48-67-A-b
kênh Ranh Hạc	TV	xã Trí Phải	H. Thới Bình			09° 23' 16"	105° 17' 42"	09° 30' 28"	105° 05' 12"	C-48-67-A-b
kênh Si Đo	TV	xã Trí Phải	H. Thới Bình			09° 25' 09"	105° 10' 47"	09° 25' 50"	105° 11' 30"	C-48-67-A-b
kênh Thầy Ba Vinh	TV	xã Trí Phải	H. Thới Bình			09° 23' 03"	105° 08' 02"	09° 22' 45"	105° 09' 33"	C-48-67-A-b
kênh Tư Hòa	TV	xã Trí Phải	H. Thới Bình			09° 23' 32"	105° 07' 57"	09° 22' 52"	105° 08' 39"	C-48-67-A-b
kênh Tư Vở	TV	xã Trí Phải	H. Thới Bình			09° 25' 46"	105° 10' 16"	09° 25' 01"	105° 11' 32"	C-48-67-A-b
kênh xáng Chắc Băng	TV	xã Trí Phải	H. Thới Bình			09° 20' 53"	105° 05' 12"	09° 26' 45"	105° 11' 17"	C-48-67-A-b
kênh xáng Huyện Sử - Hộ Phòng	TV	xã Trí Phải	H. Thới Bình			09° 20' 39"	105° 15' 05"	09° 24' 28"	105° 08' 56"	C-48-67-A-b
Khóm 1	DC	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời	09° 02' 11"	104° 48' 57"					C-48-66-D-c
Khóm 2	DC	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời	09° 02' 27"	104° 49' 18"					C-48-66-D-c
Khóm 3	DC	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời	09° 02' 30"	104° 49' 36"					C-48-66-D-c
Khóm 4	DC	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời	09° 01' 48"	104° 49' 45"					C-48-66-D-c
Khóm 5	DC	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời	09° 02' 24"	104° 50' 20"					C-48-66-D-c
khóm 6A	DC	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời	09° 01' 58"	104° 49' 07"					C-48-66-D-c
khóm 6B	DC	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời	09° 01' 51"	104° 48' 43"					C-48-66-D-c
Khóm 7	DC	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời	09° 02' 33"	104° 49' 46"					C-48-66-D-c
Khóm 8	DC	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời	09° 02' 52"	104° 48' 57"					C-48-66-D-c
Khóm 9	DC	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời	09° 03' 16"	104° 49' 16"					C-48-66-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khóm 10	DC	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời	09° 03' 08"	104° 49' 55"					C-48-66-D-c
Khóm 11	DC	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời	09° 03' 31"	104° 50' 17"					C-48-66-D-c
Khóm 12	DC	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời	09° 03' 40"	104° 50' 47"					C-48-66-D-c
Di tích lịch sử Các Địa điểm thuộc Xứ ủy Nam Bộ - Trung ương Cục miền Nam (giai đoạn từ cuối năm 1949 đến đầu năm 1955) tỉnh Cà Mau	KX	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời	09° 02' 19"	104° 48' 54"					C-48-66-D-c
Xí nghiệp Đông lạnh Sông Đốc	KX	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời	09° 02' 33"	104° 49' 40"					C-48-66-D-c
kênh Ấp Huề	TV	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời			09° 03' 36"	104° 48' 11"	09° 04' 57"	104° 51' 31"	C-48-66-D-c
kênh Cựa Gà	TV	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời			09° 02' 56"	104° 51' 11"	09° 04' 40"	104° 50' 52"	C-48-66-D-c
kênh Đê Biển Tây	TV	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời			09° 32' 00"	104° 50' 07"	08° 51' 47"	104° 48' 38"	C-48-66-D-c
kênh Huyện Ủy	TV	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời			09° 01' 14"	104° 49' 07"	09° 01' 09"	104° 48' 29"	C-48-66-D-c
kênh Lộ Xe	TV	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời			09° 02' 35"	104° 49' 50"	09° 12' 17"	105° 04' 50"	C-48-66-D-c
kênh Rạch Ruộng Nhỏ	TV	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời			09° 02' 31"	104° 49' 50"	09° 04' 16"	104° 49' 57"	C-48-66-D-c
Kênh Ranh	TV	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời			09° 02' 54"	104° 51' 25"	09° 04' 45"	104° 51' 04"	C-48-66-D-c
kênh Thầy Tư	TV	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời			09° 02' 22"	104° 49' 38"	09° 01' 29"	104° 49' 58"	C-48-66-D-c
Kênh xáng Cùng	TV	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời			09° 02' 12"	104° 49' 18"	08° 59' 58"	104° 49' 49"	C-48-66-D-c
rạch Bảy Thanh	TV	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời			09° 00' 11"	104° 50' 42"	09° 02' 40"	104° 51' 02"	C-48-66-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Dinh Lớn	TV	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời			08° 59' 32"	104° 50' 44"	09° 02' 28"	104° 50' 11"	C-48-66-D-c
rạch Xẻo Quao	TV	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời			08° 59' 01"	104° 49' 30"	09° 02' 02"	104° 49' 07"	C-48-66-D-c
sông Ông Đốc	TV	TT. Sông Đốc	H. Trần Văn Thời			09° 14' 26"	105° 04' 06"	09° 02' 00"	104° 48' 49"	C-48-66-D-c
Khóm 1	DC	TT. Trần Văn Thời	H. Trần Văn Thời	09° 04' 26"	104° 58' 10"					C-48-66-D-d
Khóm 2	DC	TT. Trần Văn Thời	H. Trần Văn Thời	09° 06' 33"	104° 57' 36"					C-48-66-D-d
Khóm 3	DC	TT. Trần Văn Thời	H. Trần Văn Thời	09° 06' 34"	104° 58' 32"					C-48-66-D-d
Khóm 4	DC	TT. Trần Văn Thời	H. Trần Văn Thời	09° 07' 01"	104° 58' 44"					C-48-66-D-d
Khóm 5	DC	TT. Trần Văn Thời	H. Trần Văn Thời	09° 05' 11"	104° 57' 17"					C-48-66-D-d
Khóm 6	DC	TT. Trần Văn Thời	H. Trần Văn Thời	09° 06' 01"	104° 57' 06"					C-48-66-D-d
Khóm 7	DC	TT. Trần Văn Thời	H. Trần Văn Thời	09° 05' 35"	104° 58' 10"					C-48-66-D-d
Khóm 8	DC	TT. Trần Văn Thời	H. Trần Văn Thời	09° 05' 30"	104° 58' 49"					C-48-66-D-d
Khóm 9	DC	TT. Trần Văn Thời	H. Trần Văn Thời	09° 04' 26"	104° 57' 38"					C-48-66-D-d
chợ Rạch Ráng	KX	TT. Trần Văn Thời	H. Trần Văn Thời	09° 04' 24"	104° 58' 13"					C-48-66-D-d
Di tích lịch sử Các Địa điểm thuộc Xứ ủy Nam Bộ - Trung ương Cục miền Nam (giai đoạn từ cuối năm 1949 đến đầu năm 1955) tỉnh Cà Mau	KX	TT. Trần Văn Thời	H. Trần Văn Thời	09° 05' 33"	104° 58' 08"					C-48-66-D-d
Di tích lịch sử Nhà In Trần Phú	KX	TT. Trần Văn Thời	H. Trần Văn Thời	09° 06' 19"	104° 56' 56"					C-48-66-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh Chùa	TV	TT. Trần Văn Thời	H. Trần Văn Thời			09° 05' 38"	104° 58' 08"	09° 09' 04"	104° 56' 50"	C-48-66-D-d
Kênh Cũ	TV	TT. Trần Văn Thời	H. Trần Văn Thời			09° 08' 44"	104° 56' 14"	09° 05' 38"	104° 58' 08"	C-48-66-D-d
kênh Cựa Gà	TV	TT. Trần Văn Thời	H. Trần Văn Thời			09° 06' 45"	104° 59' 37"	09° 06' 36"	104° 58' 53"	C-48-66-D-d
kênh Lộ Xe	TV	TT. Trần Văn Thời	H. Trần Văn Thời			09° 02' 35"	104° 49' 50"	09° 12' 17"	105° 04' 50"	C-48-66-D-d
kênh Ông Bích	TV	TT. Trần Văn Thời	H. Trần Văn Thời			09° 04' 44"	104° 58' 59"	09° 06' 53"	104° 58' 41"	C-48-66-D-d
kênh Rạch Ráng	TV	TT. Trần Văn Thời	H. Trần Văn Thời			09° 04' 20"	104° 58' 02"	09° 05' 38"	104° 58' 08"	C-48-66-D-d
kênh Trảng Cò	TV	TT. Trần Văn Thời	H. Trần Văn Thời			09° 04' 06"	104° 57' 19"	09° 08' 08"	104° 56' 00"	C-48-66-D-d
lung Xã Tiểu	TV	TT. Trần Văn Thời	H. Trần Văn Thời			09° 08' 30"	104° 57' 52"	09° 06' 47"	104° 59' 37"	C-48-66-D-b, C-48-66-D-d
sông Ông Đốc	TV	TT. Trần Văn Thời	H. Trần Văn Thời			09° 14' 26"	105° 04' 06"	09° 02' 00"	104° 48' 49"	C-48-66-D-d
ấp 1/5	DC	xã Khánh Bình	H. Trần Văn Thời	09° 08' 57"	105° 02' 03"					C-48-67-C-a
ấp 19/5	DC	xã Khánh Bình	H. Trần Văn Thời	09° 09' 12"	105° 03' 50"					C-48-67-C-a
ấp Chống Mỹ	DC	xã Khánh Bình	H. Trần Văn Thời	09° 10' 56"	105° 02' 16"					C-48-67-C-a
ấp Kinh Hội	DC	xã Khánh Bình	H. Trần Văn Thời	09° 11' 09"	105° 04' 45"					C-48-67-C-a
ấp Ông Bích	DC	xã Khánh Bình	H. Trần Văn Thời	09° 09' 16"	105° 03' 08"					C-48-67-C-a
ấp Phạm Kiệt	DC	xã Khánh Bình	H. Trần Văn Thời	09° 08' 43"	105° 02' 34"					C-48-67-C-a
ấp Rạch Bào	DC	xã Khánh Bình	H. Trần Văn Thời	09° 09' 15"	105° 03' 36"					C-48-67-C-a
ấp Rạch Cui	DC	xã Khánh Bình	H. Trần Văn Thời	09° 08' 00"	105° 01' 58"					C-48-67-C-a
Ấp Tư	DC	xã Khánh Bình	H. Trần Văn Thời	09° 08' 21"	105° 01' 50"					C-48-67-C-a
kênh Bờ 500	TV	xã Khánh Bình	H. Trần Văn Thời			09° 10' 53"	105° 04' 52"	09° 10' 36"	105° 01' 34"	C-48-67-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Cả Giữa	TV	xã Khánh Bình	H. Trần Văn Thời			09° 10' 00"	105° 02' 47"	09° 08' 02"	105° 03' 02"	C-48-67-C-a
kênh Chống Mỹ	TV	xã Khánh Bình	H. Trần Văn Thời			09° 11' 21"	105° 02' 25"	09° 10' 14"	105° 02' 29"	C-48-67-C-a
kênh Chồn Gầm	TV	xã Khánh Bình	H. Trần Văn Thời			09° 09' 57"	105° 03' 34"	09° 09' 18"	105° 04' 16"	C-48-67-C-a
kênh Đường Ranh	TV	xã Khánh Bình	H. Trần Văn Thời			09° 09' 54"	105° 04' 50"	09° 10' 02"	105° 03' 56"	C-48-67-C-a
kênh Hội Đồng Thành	TV	xã Khánh Bình	H. Trần Văn Thời			09° 11' 09"	105° 05' 06"	09° 10' 56"	105° 00' 12"	C-48-67-C-a
kênh Lộ Xe	TV	xã Khánh Bình	H. Trần Văn Thời			09° 02' 35"	104° 49' 50"	09° 12' 17"	105° 04' 50"	C-48-67-C-a, C-48-67-C-c
Kênh Ngay	TV	xã Khánh Bình	H. Trần Văn Thời			09° 08' 09"	105° 01' 53"	09° 09' 47"	105° 02' 15"	C-48-67-C-a
kênh Ông Bích	TV	xã Khánh Bình	H. Trần Văn Thời			09° 08' 26"	105° 03' 30"	09° 10' 14"	105° 02' 29"	C-48-67-C-a
kênh Ông Kiệt	TV	xã Khánh Bình	H. Trần Văn Thời			09° 07' 53"	105° 02' 52"	09° 09' 36"	105° 02' 37"	C-48-67-C-a
kênh Rạch Bào	TV	xã Khánh Bình	H. Trần Văn Thời			09° 11' 03"	105° 03' 31"	09° 09' 01"	105° 03' 58"	C-48-67-C-a
kênh Rạch Cui	TV	xã Khánh Bình	H. Trần Văn Thời			09° 07' 10"	105° 02' 19"	09° 08' 09"	105° 01' 53"	C-48-67-C-a
Kênh Ranh	TV	xã Khánh Bình	H. Trần Văn Thời			09° 11' 14"	105° 01' 01"	09° 11' 25"	105° 03' 22"	C-48-67-C-a
kênh Tạm Cấp	TV	xã Khánh Bình	H. Trần Văn Thời			09° 08' 53"	105° 01' 01"	09° 11' 17"	105° 01' 34"	C-48-67-C-a
sông Ông Đốc	TV	xã Khánh Bình	H. Trần Văn Thời			09° 14' 26"	105° 04' 06"	09° 02' 00"	104° 48' 49"	C-48-67-C-a, C-48-67-C-c
Ấp 2	DC	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời	09° 10' 34"	105° 00' 18"					C-48-67-C-a
ấp 2B	DC	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời	09° 10' 55"	105° 00' 26"					C-48-67-C-a
Ấp 4	DC	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời	09° 08' 57"	104° 59' 34"					C-48-67-C-a
Ấp 5	DC	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời	09° 09' 25"	105° 00' 58"					C-48-67-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 6	DC	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời	09° 08' 40"	105° 00' 58"					C-48-67-C-a
Ấp 7	DC	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời	09° 07' 24"	104° 59' 33"					C-48-66-D-d
Ấp 8	DC	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời	09° 08' 05"	104° 58' 35"					C-48-66-D-b
Ấp 9	DC	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời	09° 08' 58"	104° 58' 40"					C-48-66-D-b
ấp 12A	DC	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời	09° 11' 12"	105° 00' 09"					C-48-67-C-a
ấp 12B	DC	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời	09° 10' 22"	104° 59' 15"					C-48-66-D-b
ấp Lung Bạ	DC	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời	09° 07' 12"	105° 01' 07"					C-48-67-C-c
ấp Minh Hà A	DC	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời	09° 11' 22"	104° 57' 59"					C-48-66-D-b
ấp Minh Hà B	DC	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời	09° 11' 24"	104° 59' 44"					C-48-66-D-b
ấp Rạch Nhum	DC	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời	09° 06' 45"	105° 00' 21"					C-48-67-C-c
ấp Tham Trơi	DC	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời	09° 05' 31"	104° 59' 27"					C-48-66-D-d
ấp Tham Trơi B	DC	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời	09° 06' 23"	104° 59' 31"					C-48-66-D-d
kênh 1 tháng 5	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 11' 53"	104° 57' 59"	09° 10' 35"	104° 58' 04"	C-48-66-D-b
kênh Bến Mã	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 05' 28"	104° 59' 32"	09° 06' 07"	105° 00' 27"	C-48-67-C-c, C-48-66-D-d
kênh Cái Tàu	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 08' 21"	104° 58' 07"	09° 09' 06"	104° 59' 23"	C-48-66-D-b
kênh Công Nghiệp	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 10' 15"	104° 58' 21"	09° 11' 09"	105° 00' 10"	C-48-66-D-b, C-48-67-C-a
kênh Cơi Tư	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 08' 48"	104° 57' 02"	09° 10' 47"	105° 00' 48"	C-48-66-D-b
Kênh Cùng	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 08' 16"	104° 56' 30"	09° 09' 30"	104° 59' 01"	C-48-66-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Cựa Gà	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 06' 45"	104° 59' 37"	09° 06' 36"	104° 58' 53"	C-48-66-D-d, C-48-67-C-c
kênh Dân Quân	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 08' 44"	105° 00' 57"	09° 10' 33"	104° 59' 30"	C-48-66-D-b, C-48-67-C-a
kênh Đường Cuốc	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 06' 52"	105° 00' 13"	09° 08' 18"	105° 00' 06"	C-48-67-C-a, C-48-67-C-c
kênh Già Dong	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 09' 16"	104° 59' 14"	09° 08' 23"	104° 57' 21"	C-48-66-D-b
kênh Hậu Công Nghiệp	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 10' 24"	104° 58' 13"	09° 10' 58"	104° 59' 16"	C-48-66-D-b
kênh Hội Đồng Thành	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 11' 09"	105° 05' 06"	09° 10' 56"	105° 00' 12"	C-48-67-C-a
kênh Kiểm Lâm	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 08' 42"	104° 54' 43"	09° 11' 12"	104° 59' 08"	C-48-66-D-b
kênh Kiểu Mẫu	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 10' 56"	105° 00' 12"	09° 10' 02"	104° 58' 33"	C-48-66-D-b, C-48-67-C-a
kênh Lộ Xe	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 02' 35"	104° 49' 50"	09° 12' 17"	105° 04' 50"	C-48-66-D-d, C-48-67-C-c
kênh Năm Còn	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 06' 55"	105° 00' 26"	09° 07' 07"	105° 01' 06"	C-48-67-C-c
Kênh Ngay	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 10' 35"	104° 58' 04"	09° 08' 18"	105° 00' 06"	C-48-66-D-b, C-48-67-C-a
kênh Ông Bích	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 04' 44"	104° 58' 59"	09° 06' 53"	104° 58' 41"	C-48-66-D-d
kênh Ông Thiệu	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 12' 02"	105° 00' 57"	09° 10' 49"	105° 01' 02"	C-48-67-C-a
kênh Rạch Nhum	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 08' 01"	105° 00' 31"	09° 05' 57"	105° 00' 38"	C-48-67-C-a, C-48-67-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh Ranh	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 11' 14"	105° 01' 01"	09° 11' 25"	105° 03' 22"	C-48-67-C-a
kênh So Đũa	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 11' 53"	104° 57' 27"	09° 10' 16"	104° 57' 30"	C-48-66-D-b
kênh Tạm Cấp	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 08' 53"	105° 01' 01"	09° 11' 17"	105° 01' 34"	C-48-67-C-a
kênh Tám Xưởng	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 11' 53"	104° 58' 37"	09° 10' 53"	104° 58' 35"	C-48-66-D-b
kênh Tăng Mốc	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 07' 53"	104° 58' 17"	09° 08' 42"	104° 59' 44"	C-48-66-D-b
kênh Tham Trơi	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 05' 08"	104° 59' 33"	09° 06' 47"	104° 59' 37"	C-48-66-D-d
kênh Trần Ỵ	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 06' 47"	104° 59' 37"	09° 08' 15"	105° 00' 06"	C-48-66-D-b, C-48-66-D-d, C-48-67-C-a
kênh Vườn Giữa	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 10' 17"	105° 01' 15"	09° 09' 59"	105° 00' 08"	C-48-67-C-a
kênh Vườn Xoài	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 10' 50"	105° 01' 23"	09° 09' 04"	105° 01' 07"	C-48-67-C-a
Kênh xáng Cùng	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 11' 27"	105° 00' 09"	09° 11' 12"	104° 59' 08"	C-48-66-D-b, C-48-67-C-a
Kênh xáng Lạc	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 11' 53"	104° 58' 36"	09° 11' 48"	104° 57' 43"	C-48-66-D-b
kênh xáng Minh Hà	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 12' 18"	105° 05' 02"	09° 12' 25"	104° 50' 38"	C-48-66-D-b, C-48-67-C-a
lung Xã Tiểu	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 08' 30"	104° 57' 52"	09° 06' 47"	104° 59' 37"	C-48-66-D-d
ngã tư So Le	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời	09° 10' 02"	104° 58' 32"					C-48-66-D-b
sông Ông Đốc	TV	xã Khánh Bình Đông	H. Trần Văn Thời			09° 14' 26"	105° 04' 06"	09° 02' 00"	104° 48' 49"	C-48-67-C-c, C-48-66-D-d
ấp Cơi 5A	DC	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời	09° 10' 35"	104° 53' 46"					C-48-66-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Cơi 5B	DC	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời	09° 10' 47"	104° 52' 16"					C-48-66-D-a
ấp Cơi 6A	DC	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời	09° 12' 15"	104° 54' 15"					C-48-66-D-b
ấp Cơi 6B	DC	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời	09° 12' 03"	104° 51' 03"					C-48-66-D-a
ấp Cơi Tư	DC	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời	09° 10' 11"	104° 53' 17"					C-48-66-D-b
ấp Đá Bạc	DC	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời	09° 10' 44"	104° 50' 48"					C-48-66-D-a
ấp Đá Bạc A	DC	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời	09° 10' 46"	104° 51' 19"					C-48-66-D-a
ấp Đá Bạc B	DC	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời	09° 11' 22"	104° 49' 09"					C-48-66-D-a
ấp Kinh Hòn	DC	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời	09° 10' 10"	104° 49' 00"					C-48-66-D-a
ấp Kinh Hòn Bắc	DC	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời	09° 11' 03"	104° 48' 35"					C-48-66-D-a
ấp Kinh Tám	DC	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời	09° 09' 27"	104° 50' 08"					C-48-66-D-a
ấp Thời Hưng	DC	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời	09° 09' 35"	104° 48' 50"					C-48-66-D-a
Khu căn cứ Hậu cần Khánh Hà	KX	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời	09° 11' 08"	104° 53' 58"					C-48-66-D-b
Nông trường 402	KX	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời	09° 12' 14"	104° 50' 56"					C-48-66-D-a
Kênh 84	TV	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời			09° 10' 50"	104° 51' 20"	09° 16' 32"	104° 50' 51"	C-48-66-D-a
kênh Cơi 5	TV	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời			09° 10' 46"	104° 48' 32"	09° 10' 21"	104° 54' 42"	C-48-66-D-b, C-48-66-D-a
kênh Cơi 6	TV	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời			09° 11' 12"	104° 51' 23"	09° 10' 39"	104° 54' 42"	C-48-66-D-b, C-48-66-D-a
kênh Cơi Tư	TV	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời			09° 09' 57"	104° 54' 42"	09° 10' 20"	104° 52' 07"	C-48-66-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Đê Biển Tây	TV	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời			09° 32' 00"	104° 50' 07"	08° 51' 47"	104° 48' 38"	C-48-66-D-a
Kênh Đứng	TV	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời			09° 08' 22"	104° 54' 42"	09° 14' 27"	104° 54' 46"	C-48-66-D-b
Kênh Mới	TV	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời			09° 08' 18"	104° 48' 32"	09° 09' 09"	104° 51' 28"	C-48-66-D-a
Kênh Ngang	TV	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời			09° 11' 09"	104° 50' 33"	09° 09' 32"	104° 51' 21"	C-48-66-D-a
kênh Rạch Lùm	TV	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời			09° 09' 32"	104° 51' 21"	09° 03' 12"	104° 52' 44"	C-48-66-D-a
Kênh Ranh	TV	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời			09° 12' 19"	104° 52' 59"	09° 11' 05"	104° 52' 57"	C-48-66-D-b
Kênh Tám	TV	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời			09° 10' 12"	104° 50' 58"	09° 09' 34"	104° 48' 36"	C-48-66-D-a
kênh Tám Khệnh	TV	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời			09° 09' 14"	104° 51' 56"	09° 10' 50"	104° 51' 38"	C-48-66-D-a
kênh xáng Minh Hà	TV	xã Khánh Bình Tây	H. Trần Văn Thời			09° 12' 18"	105° 05' 02"	09° 12' 25"	104° 50' 38"	C-48-66-D-b
Ấp 1	DC	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời	09° 13' 28"	104° 51' 32"					C-48-66-D-a
Ấp 2	DC	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời	09° 13' 38"	104° 53' 02"					C-48-66-D-b
Ấp 3	DC	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời	09° 13' 43"	104° 53' 47"					C-48-66-D-b
Ấp 4	DC	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời	09° 16' 06"	104° 52' 44"					C-48-66-B-d
Ấp 5	DC	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời	09° 16' 29"	104° 50' 25"					C-48-66-B-c
ấp Kinh Dớn	DC	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời	09° 14' 32"	104° 50' 56"					C-48-66-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Mũi Tràm	DC	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời	09° 13' 37"	104° 49' 18"					C-48-66-D-a
ấp Mũi Tràm A	DC	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời	09° 13' 46"	104° 50' 01"					C-48-66-D-a
ấp Mũi Tràm B	DC	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời	09° 15' 40"	104° 49' 50"					C-48-66-B-c
ấp Mũi Tràm C	DC	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời	09° 15' 22"	104° 50' 01"					C-48-66-B-c
ấp Sào Lưới	DC	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời	09° 12' 28"	104° 50' 15"					C-48-66-D-a
ấp Sào Lưới A	DC	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời	09° 11' 52"	104° 49' 36"					C-48-66-D-a
ấp Sào Lưới B	DC	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời	09° 12' 04"	104° 50' 22"					C-48-66-D-a
Kênh 25	TV	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời			09° 16' 42"	104° 55' 44"	09° 16' 31"	104° 49' 22"	C-48-66-B-c, C-48-66-B-d
Kênh 84	TV	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời			09° 10' 50"	104° 51' 20"	09° 16' 32"	104° 50' 51"	C-48-66-B-c, C-48-66-D-a
Kênh 88	TV	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời			09° 16' 36"	104° 52' 40"	09° 12' 19"	104° 53' 14"	C-48-66-B-d, C-48-66-D-b
Kênh 93	TV	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời			09° 22' 49"	104° 55' 54"	09° 14' 27"	104° 55' 43"	C-48-66-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh 1 tháng 5	TV	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời			09° 16' 31"	104° 50' 26"	09° 14' 43"	104° 50' 58"	C-48-66-B-c, C-48-66-D-a
kênh Bạch Đàn	TV	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời			09° 12' 16"	104° 54' 28"	09° 14' 27"	104° 54' 28"	C-48-66-D-b
kênh Ba Tỉnh	TV	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời			09° 15' 01"	104° 49' 15"	09° 14' 33"	104° 50' 59"	C-48-66-B-c, C-48-66-D-a
kênh Đê Biển Tây	TV	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời			09° 32' 00"	104° 50' 07"	08° 51' 47"	104° 48' 38"	C-48-66-D-a, C-48-66-B-c
kênh Giáo Bảy	TV	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời			09° 16' 28"	104° 49' 55"	09° 14' 51"	104° 49' 52"	C-48-66-B-c, C-48-66-D-a
kênh Sào Lưới	TV	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời			09° 12' 29"	104° 48' 48"	09° 12' 15"	104° 50' 20"	C-48-66-D-a
kênh Tuyến 21	TV	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời			09° 14' 25"	105° 04' 05"	09° 14' 29"	104° 49' 25"	C-48-66-D-a, C-48-66-D-b
Kênh xáng Giữa	TV	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời			09° 14' 41"	104° 50' 31"	09° 11' 09"	104° 50' 33"	C-48-66-D-a
kênh xáng Minh Hà	TV	xã Khánh Bình Tây Bắc	H. Trần Văn Thời			09° 12' 18"	105° 05' 02"	09° 12' 25"	104° 50' 38"	C-48-66-D-a, C-48-66-D-b
ấp Bãi Ghe	DC	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời	09° 04' 54"	104° 49' 51"					C-48-66-D-c
ấp Chủ Mía	DC	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời	09° 09' 02"	104° 51' 12"					C-48-66-D-a
ấp Đường Ranh	DC	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời	09° 07' 41"	104° 49' 40"					C-48-66-D-a
ấp Kênh Giữa	DC	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời	09° 05' 01"	104° 51' 57"					C-48-66-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Kênh Mới	DC	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời	09° 09' 02"	104° 49' 51"					C-48-66-D-a
ấp Khánh Hưng A	DC	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời	09° 07' 10"	104° 48' 48"					C-48-66-D-c
ấp Liên Hòa	DC	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời	09° 09' 09"	104° 51' 39"					C-48-66-D-a
ấp Lung Tràm	DC	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời	09° 06' 42"	104° 50' 29"					C-48-66-D-c
ấp Trùm Thuật	DC	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời	09° 05' 43"	104° 49' 25"					C-48-66-D-c
ấp Trùm Thuật A	DC	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời	09° 05' 21"	104° 51' 28"					C-48-66-D-c
ấp Trùm Thuật B	DC	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời	09° 06' 10"	104° 51' 13"					C-48-66-D-c
Di tích lịch sử Khu lưu niệm Nghệ nhân dân gian Nguyễn Long Phi (Bác Ba Phi)	KX	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời	09° 07' 17"	104° 50' 49"					C-48-66-D-c
kênh Ấp Huề	TV	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời			09° 03' 36"	104° 48' 11"	09° 04' 57"	104° 51' 31"	C-48-66-D-c
kênh Bãi Ghe	TV	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời			09° 05' 35"	104° 51' 23"	09° 05' 03"	104° 48' 58"	C-48-66-D-c
kênh Bờ 2 Kênh	TV	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời			09° 04' 49"	104° 48' 59"	09° 04' 57"	104° 50' 41"	C-48-66-D-c
kênh Cây Gừa	TV	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời			09° 06' 03"	104° 51' 14"	09° 05' 36"	104° 48' 55"	C-48-66-D-c
kênh Cây Sộp	TV	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời			09° 05' 47"	104° 48' 55"	09° 06' 30"	104° 51' 21"	C-48-66-D-c
kênh Chín Bộ	TV	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời			09° 09' 10"	104° 51' 29"	09° 09' 14"	104° 51' 56"	C-48-66-D-a
kênh Cựa Gà	TV	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời			09° 05' 17"	104° 51' 27"	09° 05' 03"	104° 50' 32"	C-48-66-D-c
kênh Đê Biển Tây	TV	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời			09° 32' 00"	104° 50' 07"	08° 51' 47"	104° 48' 38"	C-48-66-D-a, C-48-66-D-c
kênh Đường Ranh Lớn	TV	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời			09° 08' 20"	104° 51' 31"	09° 07' 43"	104° 48' 44"	C-48-66-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh Giữa	TV	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời			09° 03' 16"	104° 52' 19"	09° 05' 47"	104° 51' 45"	C-48-66-D-c
kênh Giữa Bìa	TV	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời			09° 03' 17"	104° 52' 30"	09° 08' 14"	104° 51' 02"	C-48-66-D-a, C-48-66-D-c
kênh Lộ Xe	TV	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời			09° 02' 35"	104° 49' 50"	09° 12' 17"	105° 04' 50"	C-48-66-D-c
kênh Lung Tràm	TV	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời			09° 06' 42"	104° 48' 50"	09° 07' 16"	104° 50' 51"	C-48-66-D-c
Kênh Mới	TV	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời			09° 08' 18"	104° 48' 32"	09° 09' 09"	104° 51' 28"	C-48-66-D-a
Kênh Ngang	TV	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời			09° 08' 12"	104° 50' 48"	09° 05' 47"	104° 51' 45"	C-48-66-D-a, C-48-66-D-c
kênh Rạch Lùm	TV	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời			09° 09' 32"	104° 51' 21"	09° 03' 12"	104° 52' 44"	C-48-66-D-a
Kênh Ranh	TV	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời			09° 02' 54"	104° 51' 25"	09° 04' 45"	104° 51' 04"	C-48-66-D-c
kênh Tám Khệnh	TV	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời			09° 09' 14"	104° 51' 56"	09° 10' 50"	104° 51' 38"	C-48-66-D-a
kênh Trùm Thẻ	TV	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời			09° 05' 35"	104° 51' 23"	09° 05' 47"	104° 51' 45"	C-48-66-D-c
kênh Trùm Thuật	TV	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời			09° 03' 04"	104° 51' 54"	09° 05' 35"	104° 51' 23"	C-48-66-D-c
Kênh Tư	TV	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời			09° 06' 11"	104° 48' 52"	09° 06' 51"	104° 51' 08"	C-48-66-D-c
sông Ông Đốc	TV	xã Khánh Hải	H. Trần Văn Thời			09° 14' 26"	105° 04' 06"	09° 02' 00"	104° 48' 49"	C-48-66-D-c
ấp Bình Minh 2	DC	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời	09° 08' 21"	104° 54' 24"					C-48-66-D-b
ấp Công Nghiệp A	DC	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời	09° 04' 46"	104° 54' 30"					C-48-66-D-d
ấp Công Nghiệp B	DC	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời	09° 07' 03"	104° 53' 55"					C-48-66-D-d
ấp Công Nghiệp C	DC	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời	09° 05' 45"	104° 54' 10"					C-48-66-D-d
ấp Kinh Đứng A	DC	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời	09° 08' 55"	104° 54' 09"					C-48-66-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Kinh Đứng B	DC	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời	09° 09' 26"	104° 54' 12"					C-48-66-D-b
ấp Kinh Hảng A	DC	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời	09° 05' 23"	104° 53' 52"					C-48-66-D-d
ấp Kinh Hảng B	DC	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời	09° 06' 46"	104° 53' 08"					C-48-66-D-d
ấp Kinh Hảng C	DC	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời	09° 04' 10"	104° 53' 21"					C-48-66-D-d
ấp Nhà Máy A	DC	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời	09° 08' 20"	104° 53' 21"					C-48-66-D-b
ấp Nhà Máy B	DC	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời	09° 09' 08"	104° 52' 56"					C-48-66-D-b
ấp Nhà Máy C	DC	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời	09° 09' 55"	104° 52' 35"					C-48-66-D-b
ấp Rạch Lùm A	DC	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời	09° 05' 51"	104° 52' 22"					C-48-66-D-d
ấp Rạch Lùm B	DC	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời	09° 07' 39"	104° 51' 39"					C-48-66-D-c
ấp Rạch Lùm C	DC	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời	09° 07' 23"	104° 52' 13"					C-48-66-D-c
kênh Cống Đá	TV	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời			09° 06' 15"	104° 53' 16"	09° 03' 18"	104° 53' 57"	C-48-66-D-b, C-48-66-D-d
kênh Công Nghiệp	TV	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời			09° 03' 28"	104° 54' 41"	09° 07' 14"	104° 53' 59"	C-48-66-D-d
kênh Cơi Ba	TV	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời			09° 09' 24"	104° 54' 42"	09° 09' 54"	104° 52' 07"	C-48-66-D-a, C-48-66-D-b
kênh Cơi Nhì	TV	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời			09° 09' 14"	104° 51' 57"	09° 08' 58"	104° 54' 41"	C-48-66-D-a, C-48-66-D-b
kênh Cơi Tư	TV	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời			09° 09' 57"	104° 54' 42"	09° 10' 20"	104° 52' 07"	C-48-66-D-a, C-48-66-D-b
kênh Cua Le Le	TV	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời			09° 03' 32"	104° 54' 17"	09° 07' 33"	104° 53' 19"	C-48-66-D-b, C-48-66-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Đòn Dong	TV	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời			09° 07' 19"	104° 54' 30"	09° 06' 23"	104° 54' 38"	C-48-66-D-d
Kênh Đứng	TV	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời			09° 08' 22"	104° 54' 42"	09° 14' 27"	104° 54' 46"	C-48-66-D-b
kênh Giữa Bìa	TV	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời			09° 03' 17"	104° 52' 30"	09° 08' 14"	104° 51' 02"	C-48-66-D-a, C-48-66-D-c
Kênh Hảng	TV	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời			09° 03' 11"	104° 53' 32"	09° 05' 01"	104° 53' 07"	C-48-66-D-d
kênh Hảng B	TV	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời			09° 07' 32"	104° 52' 59"	09° 05' 01"	104° 53' 07"	C-48-66-D-d
kênh Hào Sai	TV	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời			09° 07' 26"	104° 55' 05"	09° 06' 48"	104° 55' 26"	C-48-66-D-d
kênh Lộ Xe	TV	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời			09° 02' 35"	104° 49' 50"	09° 12' 17"	105° 04' 50"	C-48-66-D-a, C-48-66-D-c
Kênh Ngang	TV	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời			09° 08' 17"	104° 53' 45"	09° 07' 33"	104° 55' 41"	C-48-66-D-b, C-48-66-D-d
kênh Nhà Máy	TV	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời			09° 09' 14"	104° 51' 56"	09° 08' 22"	104° 54' 42"	C-48-66-D-a, C-48-66-D-b
kênh Rạch Lùm	TV	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời			09° 09' 32"	104° 51' 21"	09° 03' 12"	104° 52' 44"	C-48-66-D-a, C-48-66-D-c, C-48-66-D-d
kênh Tám Khệnh	TV	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời			09° 09' 14"	104° 51' 56"	09° 10' 50"	104° 51' 38"	C-48-66-D-a
sông Ông Đốc	TV	xã Khánh Hưng	H. Trần Văn Thời			09° 14' 26"	105° 04' 06"	09° 02' 00"	104° 48' 49"	C-48-66-D-c, C-48-66-D-d
ấp Đòn Dong	DC	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời	09° 06' 36"	104° 55' 27"					C-48-66-D-d
ấp Độc Lập	DC	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời	09° 06' 44"	104° 56' 10"					C-48-66-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Kinh Ngang	DC	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời	09° 07' 07"	104° 55' 17"					C-48-66-D-d
ấp Kinh Tư	DC	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời	09° 05' 53"	104° 54' 53"					C-48-66-D-d
ấp Rạch Ruộng A	DC	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời	09° 04' 05"	104° 56' 23"					C-48-66-D-d
ấp Rạch Ruộng B	DC	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời	09° 05' 31"	104° 56' 15"					C-48-66-D-d
ấp Rạch Ruộng C	DC	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời	09° 05' 47"	104° 55' 40"					C-48-66-D-d
ấp Trảng Cò	DC	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời	09° 06' 46"	104° 56' 41"					C-48-66-D-d
ấp Vườn Tre	DC	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời	09° 04' 27"	104° 55' 10"					C-48-66-D-d
Di tích lịch sử Các Địa điểm thuộc Xứ ủy Nam Bộ - Trung ương Cục miền Nam (giai đoạn từ cuối năm 1949 đến đầu năm 1955) tỉnh Cà Mau	KX	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời	09° 06' 46"	104° 55' 25"					C-48-66-D-d
kênh 6 Thước	TV	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời			09° 04' 05"	104° 55' 39"	09° 06' 36"	104° 55' 04"	C-48-66-D-d
kênh 6 Thước Cùng	TV	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời			09° 04' 18"	104° 56' 15"	09° 05' 46"	104° 55' 57"	C-48-66-D-d
kênh Chống Mỹ	TV	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời			09° 07' 04"	104° 55' 57"	09° 06' 48"	104° 55' 26"	C-48-66-D-d
kênh Cống Đá	TV	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời			09° 04' 59"	104° 56' 31"	09° 05' 55"	104° 55' 58"	C-48-66-D-d
kênh Đòn Dong	TV	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời			09° 07' 19"	104° 54' 30"	09° 06' 23"	104° 54' 38"	C-48-66-D-d
kênh Độc Lập	TV	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời			09° 08' 15"	104° 55' 20"	09° 06' 02"	104° 56' 31"	C-48-66-D-b, C-48-66-D-d
kênh Hào Sai	TV	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời			09° 07' 26"	104° 55' 05"	09° 06' 48"	104° 55' 26"	C-48-66-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Lộ Xe	TV	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời			09° 02' 35"	104° 49' 50"	09° 12' 17"	105° 04' 50"	C-48-66-D-d
Kênh Ngang	TV	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời			09° 08' 17"	104° 53' 45"	09° 07' 33"	104° 55' 41"	C-48-66-D-b, C-48-66-D-d
kênh Ngọn Cái	TV	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời			09° 06' 02"	104° 56' 31"	09° 04' 59"	104° 56' 32"	C-48-66-D-d
kênh Số 2	TV	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời			09° 04' 10"	104° 55' 59"	09° 06' 48"	104° 55' 26"	C-48-66-D-d
kênh Trảng Cò	TV	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời			09° 04' 06"	104° 57' 19"	09° 08' 08"	104° 56' 00"	C-48-66-D-b, C-48-66-D-d
Kênh Tư	TV	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời			09° 04' 00"	104° 55' 17"	09° 06' 26"	104° 54' 44"	C-48-66-D-d
Rạch Ruộng	TV	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời			09° 04' 59"	104° 56' 31"	09° 03' 41"	104° 56' 22"	C-48-66-D-d
sông Ông Đốc	TV	xã Khánh Lộc	H. Trần Văn Thời			09° 14' 26"	105° 04' 06"	09° 02' 00"	104° 48' 49"	C-48-66-D-d
ấp Cái Bát	DC	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời	09° 08' 20"	105° 03' 48"					C-48-67-C-a
ấp Cỏ Xước	DC	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời	09° 09' 31"	105° 04' 44"					C-48-67-C-a
ấp Công Nghiệp	DC	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời	09° 04' 26"	104° 58' 51"					C-48-66-D-d
ấp Đường Cuốc	DC	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời	09° 07' 36"	105° 03' 02"					C-48-67-C-a
ấp Giao Vàm	DC	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời	09° 10' 42"	105° 05' 54"					C-48-67-C-a
ấp Lung Thuộc	DC	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời	09° 06' 23"	105° 01' 42"					C-48-67-C-c
ấp Ông Tự	DC	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời	09° 05' 14"	105° 00' 09"					C-48-67-C-c
ấp Rạch Lăng	DC	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời	09° 03' 55"	104° 59' 18"					C-48-66-D-d
ấp Tắc Thủ	DC	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời	09° 12' 22"	105° 06' 11"					C-48-67-C-a
ấp Tân Hiệp	DC	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời	09° 05' 37"	105° 01' 37"					C-48-67-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tân Phong	DC	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời	09° 04' 56"	104° 59' 41"					C-48-66-D-d
ấp Tân Thành	DC	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời	09° 05' 13"	105° 01' 24"					C-48-67-C-c
kênh Ba Ngàn	TV	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời			09° 05' 18"	105° 01' 00"	09° 05' 16"	105° 02' 34"	C-48-67-C-c
kênh Biện Đề	TV	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời			09° 05' 16"	105° 00' 16"	09° 04' 31"	105° 00' 28"	C-48-67-C-c
kênh Chống Mỹ	TV	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời			09° 04' 34"	105° 00' 52"	09° 03' 21"	105° 02' 00"	C-48-67-C-c
kênh Chủ Ến	TV	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời			09° 03' 57"	104° 57' 16"	09° 03' 36"	104° 59' 07"	C-48-66-D-d
kênh Cỏ Xước	TV	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời			09° 09' 33"	105° 04' 36"	09° 09' 15"	105° 05' 32"	C-48-67-C-a
kênh Cô Ba	TV	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời			09° 04' 57"	105° 01' 10"	09° 03' 46"	105° 02' 21"	C-48-67-C-c
kênh Đìa Trâm	TV	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời			09° 04' 20"	105° 00' 59"	09° 04' 43"	105° 01' 24"	C-48-67-C-c
kênh Đường Cuốc	TV	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời			09° 07' 06"	105° 02' 25"	09° 08' 36"	105° 05' 16"	C-48-67-C-a
kênh Lộ Xe	TV	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời			09° 04' 12"	104° 58' 06"	09° 03' 46"	105° 00' 15"	C-48-66-D-d, C-48-67-C-c
kênh Lung Ráng	TV	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời			09° 05' 31"	105° 02' 31"	09° 05' 18"	105° 01' 00"	C-48-67-C-c
kênh Ông Tự	TV	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời			09° 05' 19"	105° 00' 02"	09° 05' 18"	105° 01' 00"	C-48-67-C-c
kênh Phát Thạnh	TV	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời			09° 05' 02"	104° 59' 34"	09° 03' 55"	104° 59' 51"	C-48-66-D-d
kênh Rạch Rẫy	TV	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời			09° 07' 22"	105° 06' 16"	09° 10' 09"	105° 05' 05"	C-48-67-C-a
kênh xáng Lương Thế Trân	TV	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời			09° 10' 17"	105° 05' 07"	09° 06' 53"	105° 09' 18"	C-48-67-C-a
rạch Ba Vinh	TV	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời			09° 03' 55"	104° 59' 51"	09° 02' 42"	104° 59' 43"	C-48-66-D-d
rạch Giao Vàm	TV	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời			09° 09' 27"	105° 06' 05"	09° 11' 00"	105° 05' 10"	C-48-67-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Lung Thuộc	TV	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời			09° 06' 03"	105° 02' 17"	09° 06' 28"	105° 01' 42"	C-48-67-C-c
rạch Rạch Lăng	TV	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời			09° 04' 04"	104° 59' 33"	09° 04' 11"	104° 57' 43"	C-48-66-D-d
sông Ông Đốc	TV	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời			09° 14' 26"	105° 04' 06"	09° 02' 00"	104° 48' 49"	C-48-67-C-a, C-48-67-C-c, C-48-66-D-d
sông Tắc Thủ	TV	xã Lợi An	H. Trần Văn Thời			09° 12' 21"	105° 07' 19"	09° 12' 09"	105° 05' 08"	C-48-67-C-a
ấp Công Điền	DC	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời	09° 02' 46"	104° 54' 42"					C-48-66-D-d
ấp Đất Biển	DC	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời	09° 00' 39"	104° 49' 14"					C-48-66-D-c
ấp Đất Mới	DC	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời	08° 59' 04"	104° 49' 31"					C-48-78-B-a
ấp Mỹ Bình	DC	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời	09° 00' 09"	104° 50' 41"					C-48-66-D-c
ấp Rẫy Mới	DC	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời	08° 59' 49"	104° 52' 21"					C-48-78-B-a
ấp Tân Điền	DC	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời	09° 02' 53"	104° 53' 38"					C-48-66-D-d
ấp Tân Hòa	DC	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời	09° 00' 59"	104° 50' 53"					C-48-66-D-c
ấp Tân Phong	DC	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời	09° 01' 08"	104° 54' 40"					C-48-66-D-d
ấp Tân Phú	DC	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời	09° 00' 44"	104° 50' 19"					C-48-66-D-c
ấp Tân Thành	DC	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời	09° 01' 17"	104° 52' 02"					C-48-66-D-c
ấp Tân Thuận	DC	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời	09° 00' 38"	104° 53' 38"					C-48-66-D-d
ấp Tân Tiến	DC	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời	09° 01' 50"	104° 54' 19"					C-48-66-D-d
ấp Thị Kẹo	DC	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời	09° 02' 16"	104° 53' 33"					C-48-66-D-d
ấp Vàm Xáng	DC	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời	09° 03' 04"	104° 53' 15"					C-48-66-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đầm Thị Tường	TV	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời	08° 59' 47"	104° 56' 10"					C-48-78-B-b
Kênh Cái	TV	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời			09° 01' 54"	104° 53' 34"	09° 01' 27"	104° 51' 24"	C-48-66-D-c, C-48-66-D-d
kênh Chệch Xiếu	TV	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời			09° 01' 19"	104° 53' 38"	09° 00' 35"	104° 51' 30"	C-48-66-D-c, C-48-66-D-d
kênh Chống Mỹ	TV	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời			09° 03' 32"	104° 55' 30"	09° 02' 09"	104° 55' 26"	C-48-66-D-d
kênh Công Điền Bìa	TV	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời			09° 02' 56"	104° 53' 35"	09° 03' 17"	104° 55' 28"	C-48-66-D-d
kênh Công Điền Giữa	TV	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời			09° 02' 37"	104° 53' 38"	09° 03' 00"	104° 55' 30"	C-48-66-D-d
kênh Dần Xây	TV	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời			09° 02' 31"	104° 53' 33"	09° 02' 23"	104° 51' 48"	C-48-66-D-c, C-48-66-D-d
kênh Đê Biển Tây	TV	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời			09° 32' 00"	104° 50' 07"	08° 51' 47"	104° 48' 38"	C-48-66-D-c, C-48-78-B-a
kênh Huyện Uỷ	TV	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời			09° 01' 14"	104° 49' 07"	09° 01' 09"	104° 48' 29"	C-48-66-D-c
kênh Lâm Phú	TV	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời			09° 01' 28"	104° 50' 20"	09° 00' 49"	104° 49' 37"	C-48-66-D-c
kênh Lung Trường	TV	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời			09° 01' 42"	104° 53' 40"	09° 02' 48"	104° 56' 54"	C-48-66-D-d
kênh Mặt Tiền	TV	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời			09° 00' 01"	104° 57' 59"	09° 00' 27"	104° 53' 46"	C-48-66-D-d
kênh Rạch Dinh	TV	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời			09° 02' 51"	104° 51' 36"	09° 01' 51"	104° 51' 57"	C-48-66-D-c
kênh Tư Mầu	TV	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời			08° 59' 48"	104° 52' 41"	08° 59' 49"	104° 51' 32"	C-48-66-D-c, C-48-66-D-d, C-48-78-B-a, C-48-78-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh xáng Bà Kẹo	TV	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời			09° 00' 25"	104° 53' 43"	09° 03' 04"	104° 53' 33"	C-48-66-D-d
kênh Xẻo Đước	TV	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời			09° 00' 17"	104° 49' 43"	09° 01' 18"	104° 50' 20"	C-48-66-D-c
Kênh xáng Cùng	TV	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời			09° 02' 12"	104° 49' 18"	08° 59' 58"	104° 49' 49"	C-48-66-D-c, C-48-78-B-a
rạch Bảy Thanh	TV	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời			09° 00' 11"	104° 50' 42"	09° 02' 40"	104° 51' 02"	C-48-66-D-c
rạch Cây Điệp	TV	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời			09° 01' 28"	104° 50' 24"	09° 00' 55"	104° 51' 20"	C-48-66-D-c
rạch Dinh Lớn	TV	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời			08° 59' 32"	104° 50' 44"	09° 02' 28"	104° 50' 11"	C-48-66-D-c, C-48-78-B-a
rạch Xẻo Láng	TV	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời			09° 01' 46"	104° 51' 20"	09° 01' 51"	104° 50' 29"	C-48-66-D-c
rạch Xẻo Quao	TV	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời			08° 59' 01"	104° 49' 30"	09° 02' 02"	104° 49' 07"	C-48-66-D-c, C-48-78-B-a
sông Mỹ Bình	TV	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời			09° 00' 21"	104° 53' 43"	08° 58' 52"	104° 48' 10"	C-48-66-D-d, C-48-78-B-c, C-48-78-B-b
sông Ông Đốc	TV	xã Phong Điền	H. Trần Văn Thời			09° 14' 26"	105° 04' 06"	09° 02' 00"	104° 48' 49"	C-48-66-D-c, C-48-66-D-d
ấp Công Bình	DC	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời	09° 03' 01"	104° 56' 04"					C-48-66-D-d
ấp Đất Cháy	DC	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời	09° 00' 37"	104° 56' 01"					C-48-66-D-d
ấp Lung Dòng	DC	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời	09° 03' 10"	104° 57' 51"					C-48-66-D-d
ấp Lung Trường	DC	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời	09° 02' 08"	104° 55' 44"					C-48-66-D-d
ấp Rạch Bần	DC	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời	09° 03' 21"	104° 56' 35"					C-48-66-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Rạch Bần B	DC	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời	09° 02' 59"	104° 56' 37"					C-48-66-D-d
ấp Tân Bằng	DC	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời	09° 03' 13"	104° 58' 21"					C-48-66-D-d
ấp Tân Lập	DC	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời	09° 00' 38"	104° 56' 53"					C-48-66-D-d
ấp Tân Lợi	DC	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời	09° 00' 17"	104° 56' 19"					C-48-66-D-d
ấp Tân Thành	DC	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời	09° 01' 58"	104° 56' 59"					C-48-66-D-d
miếu Thần Hoàng	KX	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời	09° 02' 48"	104° 56' 55"					C-48-66-D-d
đầm Thị Tường	TV	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời	08° 59' 47"	104° 56' 10"					C-48-78-B-b
Kênh Ba	TV	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời			09° 00' 31"	104° 56' 00"	09° 01' 57"	104° 56' 29"	C-48-66-D-d
kênh Chống Mỹ	TV	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời			09° 03' 32"	104° 55' 30"	09° 02' 09"	104° 55' 26"	C-48-66-D-d
kênh Chủ Ến	TV	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời			09° 03' 57"	104° 57' 16"	09° 03' 36"	104° 59' 07"	C-48-66-D-d
kênh Công Bình	TV	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời			09° 03' 03"	104° 56' 41"	09° 03' 00"	104° 55' 30"	C-48-66-D-d
Kênh Đê	TV	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời			09° 03' 23"	104° 56' 23"	09° 03' 17"	104° 55' 28"	C-48-66-D-d
kênh Điền Ba Xuyên	TV	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời			09° 02' 10"	104° 56' 21"	09° 01' 37"	104° 58' 24"	C-48-66-D-d
kênh Lung Trường	TV	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời			09° 01' 42"	104° 53' 40"	09° 02' 48"	104° 56' 54"	C-48-66-D-d
kênh Mặt Tiền	TV	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời			09° 00' 01"	104° 57' 59"	09° 00' 27"	104° 53' 46"	C-48-66-D-d
Kênh Tư	TV	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời			09° 00' 11"	104° 56' 40"	09° 01' 48"	104° 57' 17"	C-48-66-D-d
Lung Dòng	TV	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời			09° 03' 29"	104° 58' 14"	09° 03' 01"	104° 56' 50"	C-48-66-D-d
rạch Sân Trâu	TV	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời			09° 01' 52"	104° 56' 57"	09° 02' 29"	104° 56' 53"	C-48-66-D-d
sông Ông Đốc	TV	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời			09° 14' 26"	105° 04' 06"	09° 02' 00"	104° 48' 49"	C-48-66-D-d
sông Rạch Bần	TV	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời			09° 01' 39"	104° 59' 11"	09° 03' 35"	104° 56' 22"	C-48-66-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Thị Tường	TV	xã Phong Lạc	H. Trần Văn Thời			09° 01' 39"	104° 59' 11"	08° 59' 58"	104° 57' 59"	C-48-66-D-d, C-48-78-B-b
Ấp 1	DC	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời	09° 09' 41"	104° 54' 44"					C-48-66-D-b
Ấp 2	DC	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời	09° 11' 19"	104° 54' 45"					C-48-66-D-b
Ấp 3	DC	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời	09° 10' 51"	104° 55' 50"					C-48-66-D-b
Ấp 4	DC	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời	09° 11' 59"	104° 55' 47"					C-48-66-D-b
Ấp 5	DC	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời	09° 11' 19"	104° 57' 27"					C-48-66-D-b
Ấp 6	DC	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời	09° 10' 23"	104° 56' 26"					C-48-66-D-b
ấp 10A	DC	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời	09° 08' 45"	104° 56' 19"					C-48-66-D-b
ấp 10B	DC	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời	09° 10' 04"	104° 57' 37"					C-48-66-D-b
ấp 10C	DC	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời	09° 09' 54"	104° 58' 22"					C-48-66-D-b
ấp Bình Minh 1	DC	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời	09° 08' 23"	104° 55' 05"					C-48-66-D-b
ấp Bình Minh 2	DC	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời	09° 07' 46"	104° 55' 45"					C-48-66-D-b
ấp Kinh Chùa	DC	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời	09° 07' 48"	104° 57' 49"					C-48-66-D-b
ấp Kinh Cũ	DC	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời	09° 07' 59"	104° 56' 42"					C-48-66-D-b
ấp Vồ Dơi	DC	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời	09° 11' 55"	104° 57' 01"					C-48-66-D-b
Ban quản lý Rừng Đặc dụng Vồ Dơi	KX	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời	09° 11' 55"	104° 57' 14"					C-48-66-D-b
rừng Đặc dụng Vồ Dơi	KX	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời	09° 13' 23"	104° 56' 59"					C-48-66-D-b
kênh Bạch Đàn	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 12' 16"	104° 54' 28"	09° 14' 27"	104° 54' 28"	C-48-66-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh Chùa	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 05' 38"	104° 58' 08"	09° 09' 04"	104° 56' 50"	C-48-66-D-b, C-48-66-D-d
kênh Cơi Ba	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 08' 22"	104° 54' 42"	09° 10' 02"	104° 58' 32"	C-48-66-D-b
kênh Cơi Nhất	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 08' 25"	104° 54' 42"	09° 10' 24"	104° 58' 13"	C-48-66-D-b
kênh Cơi Nhì	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 08' 19"	104° 55' 01"	09° 10' 13"	104° 58' 23"	C-48-66-D-b
kênh Cơi Tư	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 08' 48"	104° 57' 02"	09° 10' 47"	105° 00' 48"	C-48-66-D-b
Kênh Cùng	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 08' 16"	104° 56' 30"	09° 09' 30"	104° 59' 01"	C-48-66-D-b
Kênh Cũ	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 08' 44"	104° 56' 14"	09° 05' 38"	104° 58' 08"	C-48-66-D-b, C-48-66-D-d
kênh Dinh Điền	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 08' 47"	104° 56' 18"	09° 09' 36"	104° 56' 20"	C-48-66-D-b
kênh Độc Lập	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 08' 15"	104° 55' 20"	09° 06' 02"	104° 56' 31"	C-48-66-D-b
Kênh Đứng	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 08' 22"	104° 54' 42"	09° 14' 27"	104° 54' 46"	C-48-66-D-b
kênh Già Dong	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 09' 16"	104° 59' 14"	09° 08' 23"	104° 57' 21"	C-48-66-D-b
Kênh Giữa	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 13' 32"	104° 55' 04"	09° 13' 28"	104° 59' 09"	C-48-66-D-b
kênh Kiểm Lâm	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 08' 42"	104° 54' 43"	09° 11' 12"	104° 59' 08"	C-48-66-D-b
kênh Kiểm Lâm Trong	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 08' 44"	104° 54' 42"	09° 09' 41"	104° 56' 26"	C-48-66-D-b
Kênh Ngay	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 10' 35"	104° 58' 04"	09° 08' 18"	105° 00' 06"	C-48-66-D-b
kênh Quảng Hảo	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 08' 16"	104° 56' 29"	09° 08' 06"	104° 55' 23"	C-48-66-D-b
kênh So Đũa	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 11' 53"	104° 57' 27"	09° 10' 16"	104° 57' 30"	C-48-66-D-b
kênh T19	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 11' 57"	104° 59' 34"	09° 14' 25"	104° 59' 24"	C-48-66-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh T30	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 12' 12"	104° 56' 21"	09° 09' 41"	104° 56' 26"	C-48-66-D-b
kênh T32	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 12' 15"	104° 55' 49"	09° 09' 22"	104° 55' 53"	C-48-66-D-b
kênh T34	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 12' 16"	104° 55' 15"	09° 09' 03"	104° 55' 18"	C-48-66-D-b
kênh Trảng Cò	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 04' 06"	104° 57' 19"	09° 08' 08"	104° 56' 00"	C-48-66-D-b
kênh Tuyến 21	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 14' 25"	105° 04' 05"	09° 14' 29"	104° 49' 25"	C-48-66-D-b
kênh xáng Minh Hà	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 12' 18"	105° 05' 02"	09° 12' 25"	104° 50' 38"	C-48-66-D-b
lung Xã Tiểu	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời			09° 08' 30"	104° 57' 52"	09° 06' 47"	104° 59' 37"	C-48-66-D-b
ngã tư So Le	TV	xã Trần Hợi	H. Trần Văn Thời	09° 10' 02"	104° 58' 32"					C-48-66-D-b
Khóm 1	DC	TT. U Minh	H. U Minh	09° 24' 16"	104° 58' 43"					C-48-66-B-b
Khóm 2	DC	TT. U Minh	H. U Minh	09° 24' 33"	104° 58' 20"					C-48-66-B-b
Khóm 3	DC	TT. U Minh	H. U Minh	09° 24' 28"	104° 57' 57"					C-48-66-B-b
Khóm 4	DC	TT. U Minh	H. U Minh	09° 24' 45"	104° 57' 59"					C-48-66-B-b
cầu Biện Nhị	KX	TT. U Minh	H. U Minh	09° 24' 38"	104° 58' 05"					C-48-66-B-b
cầu Hai Chu	KX	TT. U Minh	H. U Minh	09° 23' 42"	104° 58' 25"					C-48-66-B-b
cầu Thị trấn U Minh	KX	TT. U Minh	H. U Minh	09° 24' 17"	104° 58' 34"					C-48-66-B-b
Kênh 12	TV	TT. U Minh	H. U Minh			09° 28' 07"	105° 02' 20"	09° 24' 40"	104° 58' 02"	C-48-66-B-b
Kênh 16	TV	TT. U Minh	H. U Minh			09° 25' 21"	104° 57' 01"	09° 26' 04"	104° 57' 39"	C-48-66-B-b
kênh 30 tháng 4	TV	TT. U Minh	H. U Minh			09° 23' 49"	104° 56' 33"	09° 24' 35"	104° 55' 46"	C-48-66-B-b
kênh Biện Nhị	TV	TT. U Minh	H. U Minh			09° 20' 40"	104° 49' 28"	09° 24' 40"	104° 58' 02"	C-48-66-B-b
kênh Bờ Bao	TV	TT. U Minh	H. U Minh			09° 19' 19"	104° 50' 49"	09° 23' 43"	104° 58' 22"	C-48-66-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Cây Bàng	TV	TT. U Minh	H. U Minh			09° 23' 49"	104° 56' 34"	09° 23' 22"	104° 56' 43"	C-48-66-B-b
kênh Chệt Buối	TV	TT. U Minh	H. U Minh			09° 25' 10"	104° 57' 11"	09° 24' 17"	104° 56' 05"	C-48-66-B-b
kênh Sáu Nhiễu	TV	TT. U Minh	H. U Minh			09° 25' 24"	104° 56' 54"	09° 24' 35"	104° 55' 46"	C-48-66-B-b
kênh Tràm Soái	TV	TT. U Minh	H. U Minh			09° 24' 04"	104° 56' 18"	09° 24' 48"	104° 57' 45"	C-48-66-B-b
Kênh Tư	TV	TT. U Minh	H. U Minh			09° 19' 26"	105° 01' 59"	09° 26' 04"	104° 57' 39"	C-48-66-B-b
rạch Cây Khô	TV	TT. U Minh	H. U Minh			09° 24' 24"	104° 59' 33"	09° 23' 56"	104° 59' 03"	C-48-66-B-b
Rạch Làng	TV	TT. U Minh	H. U Minh			09° 24' 46"	104° 59' 08"	09° 24' 16"	104° 58' 37"	C-48-66-B-b
sông Cái Tàu	TV	TT. U Minh	H. U Minh			09° 32' 00"	104° 50' 08"	09° 14' 26"	105° 04' 06"	C-48-66-B-b
ấp An Phú	DC	xã Khánh An	H. U Minh	09° 15' 23"	104° 59' 25"					C-48-66-B-d
Ấp 1	DC	xã Khánh An	H. U Minh	09° 15' 43"	105° 02' 51"					C-48-67-A-c
Ấp 2	DC	xã Khánh An	H. U Minh	09° 16' 52"	105° 02' 40"					C-48-67-A-c
Ấp 3	DC	xã Khánh An	H. U Minh	09° 16' 30"	105° 03' 25"					C-48-67-A-c
Ấp 4	DC	xã Khánh An	H. U Minh	09° 14' 34"	105° 04' 08"					C-48-67-C-a
Ấp 5	DC	xã Khánh An	H. U Minh	09° 16' 05"	105° 04' 56"					C-48-67-A-c
Ấp 6	DC	xã Khánh An	H. U Minh	09° 13' 47"	105° 04' 11"					C-48-67-C-a
Ấp 7	DC	xã Khánh An	H. U Minh	09° 12' 48"	105° 04' 27"					C-48-67-C-a
Ấp 8	DC	xã Khánh An	H. U Minh	09° 12' 03"	105° 04' 30"					C-48-67-C-a
Ấp 9	DC	xã Khánh An	H. U Minh	09° 12' 01"	105° 01' 32"					C-48-67-C-a
Ấp 10	DC	xã Khánh An	H. U Minh	09° 13' 14"	105° 02' 00"					C-48-67-C-a
Ấp 11	DC	xã Khánh An	H. U Minh	09° 12' 06"	105° 01' 04"					C-48-67-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 12	DC	xã Khánh An	H. U Minh	09° 12' 43"	105° 00' 37"					C-48-67-C-a
Ấp 13	DC	xã Khánh An	H. U Minh	09° 13' 11"	104° 59' 32"					C-48-66-D-b
Ấp 14	DC	xã Khánh An	H. U Minh	09° 16' 49"	104° 59' 15"					C-48-66-B-d
Ấp 15	DC	xã Khánh An	H. U Minh	09° 16' 31"	105° 00' 30"					C-48-67-A-c
Ấp 16	DC	xã Khánh An	H. U Minh	09° 18' 43"	104° 59' 21"					C-48-66-B-d
Ấp 17	DC	xã Khánh An	H. U Minh	09° 18' 41"	104° 56' 22"					C-48-66-B-d
cầu Khánh An	KX	xã Khánh An	H. U Minh	09° 12' 39"	105° 04' 58"					C-48-67-C-a
miếu Vàm Tắc Thủ	KX	xã Khánh An	H. U Minh	09° 12' 10"	105° 05' 03"					C-48-67-C-a
Nhà máy Khí Điện Đạm Khánh An	KX	xã Khánh An	H. U Minh	09° 14' 19"	105° 03' 46"					C-48-67-C-a
thánh thất Cửu Linh Châu	KX	xã Khánh An	H. U Minh	09° 15' 57"	105° 01' 46"					C-48-67-A-c
trại giam K1 Cái Tàu	KX	xã Khánh An	H. U Minh	09° 14' 15"	105° 02' 47"					C-48-67-C-a
Kênh 23	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 15' 55"	105° 01' 48"	09° 15' 46"	104° 57' 13"	C-48-66-B-d, C-48-67-A-c
Kênh 25	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 16' 36"	105° 01' 22"	09° 16' 32"	104° 59' 14"	C-48-66-B-d, C-48-67-A-c
Kênh 27	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 17' 39"	105° 00' 38"	09° 17' 39"	104° 55' 46"	C-48-66-B-d, C-48-67-A-c
Kênh 29	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 18' 45"	105° 00' 18"	09° 18' 49"	104° 50' 48"	C-48-66-B-d, C-48-67-A-c
Kênh 93	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 22' 49"	104° 55' 54"	09° 14' 27"	104° 55' 43"	C-48-66-D-b, C-48-66-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 96	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 18' 46"	104° 57' 18"	09° 14' 26"	104° 57' 11"	C-48-66-B-d, C-48-66-D-b
kênh Lộ Xe	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 02' 35"	104° 49' 50"	09° 12' 17"	105° 04' 50"	C-48-67-C-a
kênh Năm Dương	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 15' 48"	105° 02' 54"	09° 15' 20"	105° 01' 51"	C-48-67-A-c
kênh Ông Thiệu	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 12' 02"	105° 00' 57"	09° 10' 49"	105° 01' 02"	C-48-67-C-a
Kênh Ranh	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 11' 14"	105° 01' 01"	09° 11' 25"	105° 03' 22"	C-48-67-C-a
kênh T19	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 11' 57"	104° 59' 34"	09° 14' 25"	104° 59' 24"	C-48-66-D-b
kênh Tuyến 13	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 12' 07"	105° 02' 03"	09° 14' 24"	105° 01' 53"	C-48-67-C-a
kênh Tuyến 15	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 12' 02"	105° 00' 43"	09° 14' 24"	105° 00' 32"	C-48-67-C-a
kênh Tuyến 17	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 11' 59"	105° 00' 07"	09° 14' 24"	104° 59' 57"	C-48-67-C-a, C-48-66-D-b
kênh Tuyến 21	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 14' 25"	105° 04' 05"	09° 14' 29"	104° 49' 25"	C-48-67-C-a, C-48-66-D-b
kênh xáng Bình Minh	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 15' 10"	105° 04' 45"	09° 19' 41"	105° 02' 38"	C-48-67-A-c
kênh xáng Lộ Xe	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 15' 55"	105° 01' 48"	09° 23' 35"	104° 58' 31"	C-48-67-A-c, C-48-67-C-a
kênh xáng Minh Hà	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 12' 18"	105° 05' 02"	09° 12' 25"	104° 50' 38"	C-48-67-C-a
ngã ba Cái Tàu	TV	xã Khánh An	H. U Minh	09° 14' 26"	105° 04' 06"					C-48-67-C-a
rạch Cây Phú	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 16' 12"	105° 04' 23"	09° 16' 12"	105° 05' 04"	C-48-67-A-c
Rạch Cui	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 15' 42"	105° 01' 50"	09° 16' 00"	105° 02' 43"	C-48-67-A-c
Rạch Gián	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 13' 54"	105° 03' 27"	09° 14' 12"	105° 04' 08"	C-48-67-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Rạch Giếng	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 11' 48"	105° 03' 51"	09° 12' 09"	105° 05' 04"	C-48-67-C-a
Rạch Nhum	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 11' 22"	105° 02' 25"	09° 13' 07"	105° 04' 50"	C-48-67-C-a
rạch Ông Điểm	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 16' 24"	105° 01' 31"	09° 16' 35"	105° 02' 17"	C-48-67-A-c
Rạch Rô	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 14' 37"	105° 02' 15"	09° 15' 28"	105° 03' 08"	C-48-67-A-c, C-48-67-C-a
sông Cái Tàu	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 32' 00"	104° 50' 08"	09° 14' 26"	105° 04' 06"	C-48-67-A-c, C-48-67-C-a
sông Ông Đốc	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 14' 26"	105° 04' 06"	09° 02' 00"	104° 48' 49"	C-48-67-C-a
Sông Trẹm	TV	xã Khánh An	H. U Minh			09° 33' 25"	104° 57' 41"	09° 14' 26"	105° 04' 06"	C-48-67-A-c, C-48-67-C-a
Ấp 2	DC	xã Khánh Hòa	H. U Minh	09° 27' 09"	104° 52' 40"					C-48-66-B-b
Ấp 5	DC	xã Khánh Hòa	H. U Minh	09° 25' 19"	104° 52' 51"					C-48-66-B-b
Ấp 6	DC	xã Khánh Hòa	H. U Minh	09° 24' 16"	104° 52' 05"					C-48-66-B-a
Ấp 7	DC	xã Khánh Hòa	H. U Minh	09° 23' 19"	104° 52' 51"					C-48-66-B-b
Ấp 8	DC	xã Khánh Hòa	H. U Minh	09° 23' 52"	104° 53' 47"					C-48-66-B-b
Ấp 14	DC	xã Khánh Hòa	H. U Minh	09° 25' 56"	104° 55' 07"					C-48-66-B-b
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ	KX	xã Khánh Hòa	H. U Minh	09° 23' 11"	104° 57' 56"					C-48-66-B-a
Di tích lịch sử Nơi ở và làm việc của đồng chí Võ Văn Kiệt	KX	xã Khánh Hòa	H. U Minh	09° 24' 30"	104° 52' 30"					C-48-66-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 29	TV	xã Khánh Hòa	H. U Minh			09° 33' 27"	104° 55' 08"	09° 28' 15"	104° 51' 14"	C-48-66-B-a, C-48-66-B-b
kênh 30 tháng 4	TV	xã Khánh Hòa	H. U Minh			09° 23' 49"	104° 56' 33"	09° 24' 35"	104° 55' 46"	C-48-66-B-b
kênh Bộ Bích	TV	xã Khánh Hòa	H. U Minh			09° 23' 37"	104° 52' 28"	09° 24' 04"	104° 56' 18"	C-48-66-B-a, C-48-66-B-b
kênh Bờ Bao	TV	xã Khánh Hòa	H. U Minh			09° 28' 43"	104° 50' 32"	09° 26' 51"	104° 53' 09"	C-48-66-B-a, C-48-66-B-b
kênh Chánh Bảy	TV	xã Khánh Hòa	H. U Minh			09° 23' 49"	104° 54' 40"	09° 23' 27"	104° 53' 31"	C-48-66-B-b
kênh Chủ Đinh	TV	xã Khánh Hòa	H. U Minh			09° 23' 53"	104° 54' 39"	09° 23' 53"	104° 53' 37"	C-48-66-B-b
kênh Công Nghiệp	TV	xã Khánh Hòa	H. U Minh			09° 24' 15"	104° 51' 03"	09° 23' 37"	104° 52' 28"	C-48-66-B-a
Kênh Giữa	TV	xã Khánh Hòa	H. U Minh			09° 30' 06"	104° 50' 51"	09° 25' 59"	104° 54' 53"	C-48-66-B-a, C-48-66-B-b
kênh Hai Huỳnh	TV	xã Khánh Hòa	H. U Minh			09° 23' 19"	104° 54' 47"	09° 24' 54"	104° 54' 28"	C-48-66-B-b
kênh Hương Mai	TV	xã Khánh Hòa	H. U Minh			09° 24' 54"	104° 49' 43"	09° 25' 09"	104° 53' 00"	C-48-66-B-a, C-48-66-B-b
kênh Kim Đài	TV	xã Khánh Hòa	H. U Minh			09° 25' 14"	104° 52' 55"	09° 22' 38"	104° 52' 59"	C-48-66-B-b
kênh Lung Ngang	TV	xã Khánh Hòa	H. U Minh			09° 24' 35"	104° 55' 46"	09° 28' 44"	104° 50' 20"	C-48-66-B-a, C-48-66-B-b
kênh Mũi Chùi	TV	xã Khánh Hòa	H. U Minh			09° 23' 06"	104° 51' 40"	09° 23' 53"	104° 52' 54"	C-48-66-B-a, C-48-66-B-b
kênh Rạch Nai	TV	xã Khánh Hòa	H. U Minh			09° 28' 15"	104° 53' 31"	09° 27' 34"	104° 52' 17"	C-48-66-B-a, C-48-66-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Sáu Nhiễu	TV	xã Khánh Hòa	H. U Minh			09° 25' 24"	104° 56' 54"	09° 24' 35"	104° 55' 46"	C-48-66-B-b
kênh Tuổi Trẻ	TV	xã Khánh Hòa	H. U Minh			09° 26' 26"	104° 53' 24"	09° 26' 09"	104° 50' 41"	C-48-66-B-a, C-48-66-B-b
kênh Xã Thìn	TV	xã Khánh Hòa	H. U Minh			09° 26' 15"	104° 55' 47"	09° 25' 10"	104° 53' 00"	C-48-66-B-b
Kênh xáng Đứng	TV	xã Khánh Hòa	H. U Minh			09° 25' 09"	104° 51' 58"	09° 28' 01"	104° 51' 36"	C-48-66-B-a
rạch Lung Vườn	TV	xã Khánh Hòa	H. U Minh			09° 23' 53"	104° 53' 37"	09° 25' 09"	104° 53' 00"	C-48-66-B-b
Ấp 1	DC	xã Khánh Hội	H. U Minh	09° 21' 55"	104° 50' 00"					C-48-66-B-c
Ấp 2	DC	xã Khánh Hội	H. U Minh	09° 22' 04"	104° 50' 34"					C-48-66-B-c
Ấp 3	DC	xã Khánh Hội	H. U Minh	09° 20' 33"	104° 50' 14"					C-48-66-B-c
Ấp 4	DC	xã Khánh Hội	H. U Minh	09° 21' 06"	104° 50' 47"					C-48-66-B-c
Ấp 5	DC	xã Khánh Hội	H. U Minh	09° 20' 39"	104° 51' 23"					C-48-66-B-c
Ấp 6	DC	xã Khánh Hội	H. U Minh	09° 19' 45"	104° 50' 08"					C-48-66-B-c
Ấp 7	DC	xã Khánh Hội	H. U Minh	09° 19' 27"	104° 50' 09"					C-48-66-B-c
Ấp 8	DC	xã Khánh Hội	H. U Minh	09° 17' 34"	104° 49' 55"					C-48-66-B-c
Ấp 9	DC	xã Khánh Hội	H. U Minh	09° 17' 33"	104° 50' 43"					C-48-66-B-c
Kênh 25	TV	xã Khánh Hội	H. U Minh			09° 16' 42"	104° 55' 44"	09° 16' 31"	104° 49' 22"	C-48-66-B-c
kênh Biện Nhị	TV	xã Khánh Hội	H. U Minh			09° 20' 40"	104° 49' 28"	09° 24' 40"	104° 58' 02"	C-48-66-B-c
kênh Cầu Ván	TV	xã Khánh Hội	H. U Minh			09° 21' 32"	104° 51' 06"	09° 22' 36"	104° 50' 56"	C-48-66-B-c, C-48-66-B-a
kênh Chèn Bèn	TV	xã Khánh Hội	H. U Minh			09° 20' 53"	104° 51' 18"	09° 21' 08"	104° 50' 26"	C-48-66-B-c, C-48-66-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Chệt Tửng	TV	xã Khánh Hội	H. U Minh			09° 21' 27"	104° 50' 58"	09° 20' 16"	104° 51' 41"	C-48-66-B-c
kênh Đê Biển Tây	TV	xã Khánh Hội	H. U Minh			09° 32' 00"	104° 50' 07"	08° 51' 47"	104° 48' 38"	C-48-66-B-c, C-48-66-B-a
kênh Giữa 500	TV	xã Khánh Hội	H. U Minh			09° 20' 08"	104° 50' 29"	09° 16' 31"	104° 50' 26"	C-48-66-B-c
kênh Lâm Trường	TV	xã Khánh Hội	H. U Minh			09° 16' 32"	104° 50' 51"	09° 19' 19"	104° 50' 49"	C-48-66-B-c
kênh Lung Lá	TV	xã Khánh Hội	H. U Minh			09° 21' 09"	104° 50' 26"	09° 22' 35"	104° 50' 07"	C-48-66-B-c, C-48-66-B-a
kênh Lung Ranh	TV	xã Khánh Hội	H. U Minh			09° 22' 29"	104° 52' 15"	09° 22' 36"	104° 49' 38"	C-48-66-B-a
kênh Tư Đại	TV	xã Khánh Hội	H. U Minh			09° 20' 51"	104° 50' 55"	09° 21' 17"	104° 51' 04"	C-48-66-B-c
Kênh xáng Mới	TV	xã Khánh Hội	H. U Minh			09° 21' 03"	104° 50' 17"	09° 16' 28"	104° 49' 55"	C-48-66-B-c
Ấp 1	DC	xã Khánh Lâm	H. U Minh	09° 23' 25"	104° 55' 07"					C-48-66-B-b
Ấp 2	DC	xã Khánh Lâm	H. U Minh	09° 23' 09"	104° 56' 09"					C-48-66-B-b
Ấp 3	DC	xã Khánh Lâm	H. U Minh	09° 21' 50"	104° 52' 38"					C-48-66-B-d
Ấp 4	DC	xã Khánh Lâm	H. U Minh	09° 22' 44"	104° 53' 12"					C-48-66-B-d
Ấp 5	DC	xã Khánh Lâm	H. U Minh	09° 21' 39"	104° 53' 15"					C-48-66-B-d
Ấp 6	DC	xã Khánh Lâm	H. U Minh	09° 20' 52"	104° 51' 42"					C-48-66-B-c
Ấp 7	DC	xã Khánh Lâm	H. U Minh	09° 20' 39"	104° 52' 23"					C-48-66-B-c
Ấp 9	DC	xã Khánh Lâm	H. U Minh	09° 22' 03"	104° 51' 08"					C-48-66-B-c
Ấp 10	DC	xã Khánh Lâm	H. U Minh	09° 22' 35"	104° 51' 15"					C-48-66-B-a
Ấp 11	DC	xã Khánh Lâm	H. U Minh	09° 18' 04"	104° 53' 05"					C-48-66-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 12	DC	xã Khánh Lâm	H. U Minh	09° 16' 59"	104° 50' 50"					C-48-66-B-c
Ấp 13	DC	xã Khánh Lâm	H. U Minh	09° 22' 22"	104° 55' 08"					C-48-66-B-d
Ấp 14	DC	xã Khánh Lâm	H. U Minh	09° 20' 56"	104° 54' 08"					C-48-66-B-d
Ấp 15	DC	xã Khánh Lâm	H. U Minh	09° 18' 50"	104° 54' 33"					C-48-66-B-d
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ	KX	xã Khánh Lâm	H. U Minh	09° 23' 11"	104° 57' 56"					C-48-66-B-d
phân trường Trần Văn Thời	KX	xã Khánh Lâm	H. U Minh	09° 16' 51"	104° 54' 29"					C-48-66-B-d
Kênh 25	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 16' 42"	104° 55' 44"	09° 16' 31"	104° 49' 22"	C-48-66-B-d, C-48-66-B-c
Kênh 29	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 18' 45"	105° 00' 18"	09° 18' 49"	104° 50' 48"	C-48-66-B-d, C-48-66-B-c
Kênh 30	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 19' 17"	104° 59' 45"	09° 19' 19"	104° 54' 02"	C-48-66-B-d
Kênh 31	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 19' 53"	105° 00' 07"	09° 19' 47"	104° 52' 24"	C-48-66-B-d, C-48-66-B-c
Kênh 33	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 20' 55"	104° 59' 57"	09° 20' 56"	104° 53' 41"	C-48-66-B-d
Kênh 35	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 22' 05"	104° 59' 46"	09° 21' 57"	104° 54' 15"	C-48-66-B-d
Kênh 93	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 22' 49"	104° 55' 54"	09° 14' 27"	104° 55' 43"	C-48-66-B-b, C-48-66-B-d
kênh 30 tháng 4	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 23' 49"	104° 56' 33"	09° 24' 35"	104° 55' 46"	C-48-66-B-b
kênh Ba Liệt	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 22' 44"	104° 52' 06"	09° 22' 27"	104° 51' 37"	C-48-66-B-c, C-48-66-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bà Mụ	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 23' 18"	104° 54' 47"	09° 22' 44"	104° 54' 51"	C-48-66-B-b
kênh Ba Thước	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 23' 31"	104° 51' 03"	09° 22' 16"	104° 52' 22"	C-48-66-B-c
kênh Biện Nhị	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 20' 40"	104° 49' 28"	09° 24' 40"	104° 58' 02"	C-48-66-B-c, C-48-66-B-b, C-48-66-B-d
kênh Bộ Bích	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 23' 37"	104° 52' 28"	09° 24' 04"	104° 56' 18"	C-48-66-B-b
kênh Bờ Bao	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 19' 19"	104° 50' 49"	09° 23' 43"	104° 58' 22"	C-48-66-B-c, C-48-66-B-b, C-48-66-B-d
kênh Cầu Ván	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 21' 32"	104° 51' 06"	09° 22' 36"	104° 50' 56"	C-48-66-B-c, C-48-66-B-a
kênh Cây Bàng	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 23' 49"	104° 56' 34"	09° 23' 22"	104° 56' 43"	C-48-66-B-b
kênh Chệt Tửng	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 21' 27"	104° 50' 58"	09° 20' 16"	104° 51' 41"	C-48-66-B-c
kênh Dân Quân	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 21' 43"	104° 51' 25"	09° 21' 49"	104° 50' 56"	C-48-66-B-c
kênh Dớn Hàng Gòn	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 22' 30"	104° 52' 48"	09° 22' 53"	104° 55' 13"	C-48-66-B-b, C-48-66-B-d
kênh Hai Huỳnh	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 23' 19"	104° 54' 47"	09° 24' 54"	104° 54' 28"	C-48-66-B-b
kênh Kim Đài	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 25' 14"	104° 52' 55"	09° 22' 38"	104° 52' 59"	C-48-66-B-b
kênh Lâm Trường	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 16' 32"	104° 50' 51"	09° 19' 19"	104° 50' 49"	C-48-66-B-c
kênh Lâm Trường 2	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 18' 49"	104° 53' 15"	09° 16' 36"	104° 52' 40"	C-48-66-B-d
kênh Lung Ranh	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 22' 29"	104° 52' 15"	09° 22' 36"	104° 49' 38"	C-48-66-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Mười Quân	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 23' 22"	104° 55' 04"	09° 22' 48"	104° 55' 20"	C-48-66-B-b
kênh Nước Phèn	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 22' 53"	104° 55' 13"	09° 23' 22"	104° 56' 43"	C-48-66-B-d
kênh Sáu Thước	TV	xã Khánh Lâm	H. U Minh			09° 21' 59"	104° 51' 54"	09° 22' 54"	104° 51' 22"	C-48-66-B-a, C-48-66-B-c
Ấp 1	DC	xã Khánh Thuận	H. U Minh	09° 25' 37"	104° 56' 22"					C-48-66-B-b
Ấp 3	DC	xã Khánh Thuận	H. U Minh	09° 27' 34"	104° 54' 44"					C-48-66-B-b
Ấp 4	DC	xã Khánh Thuận	H. U Minh	09° 32' 02"	104° 54' 01"					C-48-54-D-d
Ấp 9	DC	xã Khánh Thuận	H. U Minh	09° 32' 16"	104° 56' 20"					C-48-54-D-d
Ấp 10	DC	xã Khánh Thuận	H. U Minh	09° 31' 57"	104° 55' 16"					C-48-54-D-d
Ấp 11	DC	xã Khánh Thuận	H. U Minh	09° 31' 06"	104° 54' 55"					C-48-54-D-d
Ấp 12	DC	xã Khánh Thuận	H. U Minh	09° 27' 32"	104° 58' 20"					C-48-66-B-b
Ấp 13	DC	xã Khánh Thuận	H. U Minh	09° 25' 32"	104° 59' 15"					C-48-66-B-b
Ấp 15	DC	xã Khánh Thuận	H. U Minh	09° 26' 39"	105° 01' 24"					C-48-67-A-a
Ấp 16	DC	xã Khánh Thuận	H. U Minh	09° 27' 29"	104° 58' 29"					C-48-66-B-b
Ấp 17	DC	xã Khánh Thuận	H. U Minh	09° 28' 41"	104° 58' 32"					C-48-66-B-b
Ấp 18	DC	xã Khánh Thuận	H. U Minh	09° 29' 32"	104° 56' 29"					C-48-66-B-b
Ấp 19	DC	xã Khánh Thuận	H. U Minh	09° 32' 11"	104° 57' 35"					C-48-54-D-d
Ấp 20	DC	xã Khánh Thuận	H. U Minh	09° 30' 40"	104° 58' 24"					C-48-54-D-d
Ấp 21	DC	xã Khánh Thuận	H. U Minh	09° 28' 59"	105° 00' 54"					C-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ	KX	xã Khánh Thuận	H. U Minh	09° 23' 11"	104° 57' 56"					C-48-66-B-b
kênh 1 Kênh	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 30' 24"	104° 53' 08"	09° 26' 50"	104° 56' 35"	C-48-66-B-b, C-48-54-D-d
kênh 2 Kênh	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 30' 42"	104° 53' 17"	09° 27' 03"	104° 56' 49"	C-48-66-B-b, C-48-54-D-d
kênh 3 Kênh	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 30' 58"	104° 53' 26"	09° 27' 14"	104° 57' 01"	C-48-66-B-b, C-48-54-D-d
kênh 4 Kênh	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 31' 15"	104° 53' 35"	09° 27' 29"	104° 57' 17"	C-48-66-B-b, C-48-54-D-d
kênh 5 Đất Sét	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 29' 43"	104° 52' 46"	09° 33' 44"	104° 54' 52"	C-48-66-B-b, C-48-55-D-d
kênh 5 Kênh	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 31' 30"	104° 53' 43"	09° 27' 40"	104° 57' 29"	C-48-66-B-b, C-48-54-D-d
kênh 6 Kênh	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 31' 46"	104° 53' 51"	09° 27' 48"	104° 57' 37"	C-48-66-B-b, C-48-54-D-d
kênh 7 Kênh	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 32' 02"	104° 53' 59"	09° 25' 40"	105° 00' 13"	C-48-66-B-b, C-48-54-D-d, C-48-67-A-a
kênh 8 Kênh	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 32' 17"	104° 54' 07"	09° 28' 21"	104° 57' 55"	C-48-66-B-b, C-48-54-D-d,

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh 9 Kênh	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 32' 29"	104° 54' 13"	09° 28' 23"	104° 58' 16"	C-48-66-B-b, C-48-54-D-d
kênh 10 Kênh	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 32' 48"	104° 54' 23"	09° 28' 38"	104° 58' 31"	C-48-66-B-b, C-48-54-D-d
Kênh 11	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 27' 01"	105° 01' 56"	09° 24' 45"	104° 59' 09"	C-48-67-A-a, C-48-66-B-b
kênh 11 Kênh	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 33' 02"	104° 54' 30"	09° 28' 48"	104° 58' 42"	C-48-66-B-b, C-48-54-D-d
Kênh 12	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 28' 07"	105° 02' 20"	09° 24' 40"	104° 58' 02"	C-48-67-A-a, C-48-66-B-b
Kênh 13	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 28' 33"	105° 02' 01"	09° 25' 54"	104° 58' 53"	C-48-67-A-a, C-48-66-B-b
Kênh 14	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 28' 34"	105° 01' 13"	09° 25' 47"	104° 57' 58"	C-48-67-A-a, C-48-66-B-b
Kênh 15	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 29' 26"	105° 01' 26"	09° 26' 04"	104° 57' 39"	C-48-67-A-a, C-48-66-B-b
Kênh 16	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 29' 52"	105° 01' 13"	09° 25' 57"	104° 56' 54"	C-48-67-A-a, C-48-66-B-b
Kênh 17	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 30' 16"	105° 00' 59"	09° 26' 09"	104° 56' 38"	C-48-67-A-a, C-48-66-B-b
Kênh 18	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 30' 40"	105° 00' 43"	09° 26' 21"	104° 56' 04"	C-48-67-A-a, C-48-66-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 19	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 30' 03"	104° 59' 16"	09° 26' 43"	104° 56' 00"	C-48-66-B-b, C-48-55-D-d
Kênh 20	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 31' 35"	104° 59' 59"	09° 27' 03"	104° 55' 43"	C-48-66-B-b, C-48-55-D-d
Kênh 21	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 32' 02"	104° 59' 36"	09° 27' 01"	104° 55' 06"	C-48-66-B-b, C-48-55-D-d
Kênh 22	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 32' 28"	104° 59' 11"	09° 27' 39"	104° 55' 11"	C-48-66-B-b, C-48-55-D-d
Kênh 23	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 32' 40"	104° 58' 34"	09° 28' 02"	104° 54' 50"	C-48-66-B-b, C-48-55-D-d
Kênh 24	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 32' 57"	104° 58' 03"	09° 28' 20"	104° 54' 34"	C-48-66-B-b, C-48-55-D-d
Kênh 25	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 33' 24"	104° 57' 40"	09° 28' 42"	104° 54' 14"	C-48-66-B-b, C-48-55-D-d
Kênh 26	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 32' 20"	104° 56' 14"	09° 29' 04"	104° 53' 54"	C-48-66-B-b, C-48-55-D-d
Kênh 27	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 32' 45"	104° 55' 49"	09° 29' 26"	104° 53' 34"	C-48-66-B-b, C-48-55-D-d
Kênh 28	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 33' 09"	104° 55' 26"	09° 29' 50"	104° 53' 13"	C-48-66-B-b, C-48-55-D-d
Kênh 29	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 33' 27"	104° 55' 08"	09° 28' 15"	104° 51' 14"	C-48-54-D-d, C-48-66-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bờ Bao	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 20' 14"	105° 04' 02"	09° 33' 09"	104° 57' 29"	C-48-67-A-a, C-48-54-D-d, C-48-54-C-c
kênh Lô 2	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 32' 23"	104° 56' 56"	09° 30' 49"	104° 58' 30"	C-48-54-D-d
kênh Sáu Nhiễu	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 25' 24"	104° 56' 54"	09° 24' 35"	104° 55' 46"	C-48-66-B-b
kênh Số 10	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 26' 59"	105° 02' 51"	09° 24' 24"	104° 59' 33"	C-48-67-A-a, C-48-66-B-b
Kênh Tư	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 19' 26"	105° 01' 59"	09° 26' 04"	104° 57' 39"	C-48-66-B-b
kênh xáng Lô 2	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 30' 49"	104° 58' 30"	09° 28' 22"	105° 00' 16"	C-48-66-B-b, C-48-54-D-d, C-48-67-A-a
kênh Xã Thìn	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 26' 15"	104° 55' 47"	09° 25' 10"	104° 53' 00"	C-48-66-B-b
Kênh xáng Giữa	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 27' 13"	105° 00' 27"	09° 31' 45"	104° 56' 33"	C-48-66-B-b, C-48-54-D-d, C-48-67-A-a
Rạch Mới	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 28' 44"	104° 54' 10"	09° 28' 27"	104° 53' 53"	C-48-66-B-b
Rạch Nai	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 28' 18"	104° 53' 39"	09° 28' 23"	104° 53' 55"	C-48-66-B-b
sông Cái Tàu	TV	xã Khánh Thuận	H. U Minh			09° 32' 00"	104° 50' 08"	09° 14' 26"	105° 04' 06"	C-48-66-B-b
Ấp 1	DC	xã Khánh Tiến	H. U Minh	09° 23' 04"	104° 50' 21"					C-48-66-B-a
Ấp 2	DC	xã Khánh Tiến	H. U Minh	09° 23' 27"	104° 51' 00"					C-48-66-B-a
Ấp 3	DC	xã Khánh Tiến	H. U Minh	09° 24' 54"	104° 50' 34"					C-48-66-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 4	DC	xã Khánh Tiến	H. U Minh	09° 24' 57"	104° 51' 18"					C-48-66-B-a
Ấp 5	DC	xã Khánh Tiến	H. U Minh	09° 23' 29"	104° 51' 19"					C-48-66-B-a
Ấp 6	DC	xã Khánh Tiến	H. U Minh	09° 23' 04"	104° 51' 04"					C-48-66-B-a
Ấp 7	DC	xã Khánh Tiến	H. U Minh	09° 25' 03"	104° 50' 42"					C-48-66-B-a
Ấp 8	DC	xã Khánh Tiến	H. U Minh	09° 25' 37"	104° 50' 42"					C-48-66-B-a
Ấp 9	DC	xã Khánh Tiến	H. U Minh	09° 26' 45"	104° 50' 38"					C-48-66-B-a
Ấp 10	DC	xã Khánh Tiến	H. U Minh	09° 29' 13"	104° 50' 27"					C-48-66-B-a
Ấp 11	DC	xã Khánh Tiến	H. U Minh	09° 30' 48"	104° 50' 35"					C-48-54-D-c
Ấp 12	DC	xã Khánh Tiến	H. U Minh	09° 29' 58"	104° 52' 11"					C-48-66-B-a
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ	KX	xã Khánh Tiến	H. U Minh	09° 23' 11"	104° 57' 56"					C-48-66-B-a
cống Hương Mai	TV	xã Khánh Tiến	H. U Minh	09° 24' 53"	104° 49' 48"					C-48-66-B-a
Kênh 29	TV	xã Khánh Tiến	H. U Minh			09° 33' 27"	104° 55' 08"	09° 28' 15"	104° 51' 14"	C-48-66-B-a, C-48-66-B-b
kênh Ba Liệt	TV	xã Khánh Tiến	H. U Minh			09° 22' 44"	104° 52' 06"	09° 22' 27"	104° 51' 37"	C-48-66-B-a
kênh Ba Thước	TV	xã Khánh Tiến	H. U Minh			09° 23' 31"	104° 51' 03"	09° 22' 16"	104° 52' 22"	C-48-66-B-a, C-48-66-B-c
kênh Bờ Bao	TV	xã Khánh Tiến	H. U Minh			09° 28' 43"	104° 50' 32"	09° 26' 51"	104° 53' 09"	C-48-66-B-a
kênh Công Điền	TV	xã Khánh Tiến	H. U Minh			09° 25' 00"	104° 51' 16"	09° 24' 14"	104° 51' 03"	C-48-66-B-a
kênh Công Nghiệp	TV	xã Khánh Tiến	H. U Minh			09° 24' 15"	104° 51' 03"	09° 23' 37"	104° 52' 28"	C-48-66-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Dân Quân	TV	xã Khánh Tiến	H. U Minh			09° 22' 38"	104° 51' 10"	09° 23' 31"	104° 51' 03"	C-48-66-B-a
kênh Đê Biển Tây	TV	xã Khánh Tiến	H. U Minh			09° 32' 00"	104° 50' 07"	08° 51' 47"	104° 48' 38"	C-48-66-B-a, C-48-54-D-c
Kênh Giữa	TV	xã Khánh Tiến	H. U Minh			09° 30' 06"	104° 50' 51"	09° 25' 59"	104° 54' 53"	C-48-66-B-a
kênh Hương Mai	TV	xã Khánh Tiến	H. U Minh			09° 24' 54"	104° 49' 43"	09° 25' 09"	104° 53' 00"	C-48-66-B-a
kênh Lung Ngang	TV	xã Khánh Tiến	H. U Minh			09° 24' 35"	104° 55' 46"	09° 28' 44"	104° 50' 20"	C-48-66-B-a
kênh Lung Ranh	TV	xã Khánh Tiến	H. U Minh			09° 22' 29"	104° 52' 15"	09° 22' 36"	104° 49' 38"	C-48-66-B-a
kênh Mũi Chùi	TV	xã Khánh Tiến	H. U Minh			09° 23' 06"	104° 51' 40"	09° 23' 53"	104° 52' 54"	C-48-66-B-a
kênh Năm Kích	TV	xã Khánh Tiến	H. U Minh			09° 22' 46"	104° 51' 09"	09° 23' 06"	104° 51' 40"	C-48-66-B-a
kênh Rạch Đinh	TV	xã Khánh Tiến	H. U Minh			09° 23' 33"	104° 49' 38"	09° 23' 31"	104° 51' 03"	C-48-66-B-a
kênh Sáu Thước	TV	xã Khánh Tiến	H. U Minh			09° 21' 59"	104° 51' 54"	09° 22' 54"	104° 51' 22"	C-48-66-B-a
kênh Thống Nhất	TV	xã Khánh Tiến	H. U Minh			09° 25' 04"	104° 50' 52"	09° 31' 29"	104° 50' 51"	C-48-66-B-a, C-48-54-D-c
kênh Tuổi Trẻ	TV	xã Khánh Tiến	H. U Minh			09° 26' 26"	104° 53' 24"	09° 26' 09"	104° 50' 41"	C-48-66-B-a
Kênh xáng Đứng	TV	xã Khánh Tiến	H. U Minh			09° 25' 09"	104° 51' 58"	09° 28' 01"	104° 51' 36"	C-48-66-B-a
Rạch Trại	TV	xã Khánh Tiến	H. U Minh			09° 23' 31"	104° 51' 03"	09° 24' 09"	104° 49' 41"	C-48-66-B-a
sông Cái Tàu	TV	xã Khánh Tiến	H. U Minh			09° 32' 00"	104° 50' 08"	09° 14' 26"	105° 04' 06"	C-48-66-B-a, C-48-54-D-c, C-48-66-B-b
Ấp 1	DC	xã Nguyễn Phích	H. U Minh	09° 23' 40"	104° 59' 24"					C-48-66-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 2	DC	xã Nguyễn Phích	H. U Minh	09° 22' 55"	104° 59' 17"					C-48-66-B-b
Ấp 3	DC	xã Nguyễn Phích	H. U Minh	09° 22' 37"	105° 00' 17"					C-48-67-A-a
Ấp 4	DC	xã Nguyễn Phích	H. U Minh	09° 21' 04"	105° 00' 32"					C-48-67-A-c
Ấp 5	DC	xã Nguyễn Phích	H. U Minh	09° 20' 32"	105° 00' 38"					C-48-67-A-c
Ấp 6	DC	xã Nguyễn Phích	H. U Minh	09° 19' 51"	105° 01' 32"					C-48-67-A-c
Ấp 7	DC	xã Nguyễn Phích	H. U Minh	09° 18' 40"	105° 01' 11"					C-48-67-A-c
Ấp 8	DC	xã Nguyễn Phích	H. U Minh	09° 16' 51"	105° 02' 28"					C-48-67-A-c
Ấp 9	DC	xã Nguyễn Phích	H. U Minh	09° 18' 28"	105° 01' 09"					C-48-67-A-c
Ấp 10	DC	xã Nguyễn Phích	H. U Minh	09° 18' 48"	104° 59' 52"					C-48-66-B-d
Ấp 11	DC	xã Nguyễn Phích	H. U Minh	09° 18' 48"	104° 58' 27"					C-48-66-B-d
Ấp 12	DC	xã Nguyễn Phích	H. U Minh	09° 20' 52"	104° 58' 21"					C-48-66-B-d
Ấp 13	DC	xã Nguyễn Phích	H. U Minh	09° 21' 58"	104° 58' 35"					C-48-66-B-d
Ấp 14	DC	xã Nguyễn Phích	H. U Minh	09° 21' 45"	104° 55' 51"					C-48-66-B-d
Ấp 15	DC	xã Nguyễn Phích	H. U Minh	09° 22' 50"	104° 57' 25"					C-48-66-B-b
Ấp 16	DC	xã Nguyễn Phích	H. U Minh	09° 22' 27"	104° 55' 56"					C-48-66-B-d
Ấp 17	DC	xã Nguyễn Phích	H. U Minh	09° 20' 22"	105° 02' 36"					C-48-67-A-c
Ấp 18	DC	xã Nguyễn Phích	H. U Minh	09° 22' 05"	105° 02' 09"					C-48-67-A-c
Ấp 19	DC	xã Nguyễn Phích	H. U Minh	09° 22' 45"	105° 02' 01"					C-48-67-A-a
Ấp 20	DC	xã Nguyễn Phích	H. U Minh	09° 24' 37"	105° 01' 19"					C-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ	KX	xã Nguyễn Phích	H. U Minh	09° 23' 11"	104° 57' 56"					C-48-66-B-b
Di tích lịch sử Các Địa điểm thuộc Xứ ủy Nam Bộ - Trung ương Cục miền Nam (giai đoạn từ cuối năm 1949 đến đầu năm 1955) tỉnh Cà Mau	KX	xã Nguyễn Phích	H. U Minh	09° 22' 36"	105° 00' 11"					C-48-67-A-a
thánh thất Long Quang	KX	xã Nguyễn Phích	H. U Minh	09° 23' 12"	104° 59' 48"					C-48-66-B-b
thánh tịnh Bạch Vân Cung	KX	xã Nguyễn Phích	H. U Minh	09° 20' 03"	105° 00' 44"					C-48-67-A-c
Kênh 29	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 18' 45"	105° 00' 18"	09° 18' 49"	104° 50' 48"	C-48-66-B-d, C-48-67-A-c
Kênh 30	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 19' 17"	104° 59' 45"	09° 19' 19"	104° 54' 02"	C-48-66-B-d
Kênh 31	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 19' 53"	105° 00' 07"	09° 19' 47"	104° 52' 24"	C-48-66-B-d, C-48-67-A-c
Kênh 33	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 20' 55"	104° 59' 57"	09° 20' 56"	104° 53' 41"	C-48-66-B-d
Kênh 35	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 22' 05"	104° 59' 46"	09° 21' 57"	104° 54' 15"	C-48-66-B-d
Kênh 93	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 22' 49"	104° 55' 54"	09° 14' 27"	104° 55' 43"	C-48-66-B-b, C-48-66-B-d
kênh Ba Quý	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 25' 27"	105° 00' 54"	09° 20' 12"	105° 03' 10"	C-48-67-A-c, C-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Ba Tỉnh	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 17' 12"	105° 01' 55"	09° 17' 49"	105° 03' 17"	C-48-67-A-c
kênh Bờ Bao	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 20' 14"	105° 04' 02"	09° 33' 09"	104° 57' 29"	C-48-67-A-a
kênh Cá Bông	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 17' 36"	105° 01' 40"	09° 17' 22"	105° 00' 50"	C-48-67-A-c
kênh Cây Nhơn	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 18' 09"	105° 01' 21"	09° 17' 42"	105° 00' 36"	C-48-67-A-c
kênh Chệt Tái	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 21' 12"	105° 00' 23"	09° 21' 08"	104° 59' 55"	C-48-66-B-b, C-48-67-A-c
kênh Hàng Lớn	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 22' 20"	104° 59' 43"	09° 22' 21"	105° 00' 12"	C-48-66-B-b, C-48-67-A-c
kênh Khai Hoang	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 11' 01"	105° 01' 00"	09° 18' 45"	105° 00' 18"	C-48-67-A-c
kênh Số 1	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 21' 22"	105° 05' 03"	09° 20' 00"	105° 01' 51"	C-48-67-A-c
kênh Số 2	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 21' 57"	105° 04' 43"	09° 20' 33"	105° 01' 43"	C-48-67-A-c
kênh Số 3	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 22' 30"	105° 04' 16"	09° 21' 06"	105° 01' 35"	C-48-67-A-c, C-48-67-A-a
kênh Số 4	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 23' 07"	105° 04' 01"	09° 21' 40"	105° 01' 26"	C-48-67-A-c, C-48-67-A-a
kênh Số 5	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 23' 49"	105° 03' 55"	09° 22' 14"	105° 01' 18"	C-48-67-A-c, C-48-67-A-a
kênh Số 6	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 24' 24"	105° 03' 37"	09° 22' 49"	105° 01' 09"	C-48-67-A-a
kênh Số 7	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 24' 58"	105° 03' 18"	09° 23' 16"	105° 00' 49"	C-48-67-A-a
kênh Số 8	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 25' 36"	105° 03' 05"	09° 23' 13"	104° 59' 46"	C-48-67-A-a, C-48-66-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Số 8 Rưỡi	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 25' 30"	105° 02' 26"	09° 24' 38"	105° 01' 16"	C-48-67-A-a
kênh Số 9	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 26' 17"	105° 02' 57"	09° 24' 01"	104° 59' 59"	C-48-67-A-a
kênh Số 10	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 26' 59"	105° 02' 51"	09° 24' 24"	104° 59' 33"	C-48-67-A-a, C-48-66-B-d
Kênh Tư	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 19' 26"	105° 01' 59"	09° 26' 04"	104° 57' 39"	C-48-67-A-c, C-48-67-A-a, C-48-66-B-b
kênh xáng Bình Minh	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 15' 10"	105° 04' 45"	09° 19' 41"	105° 02' 38"	C-48-67-A-c
kênh xáng Lộ Xe	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 15' 55"	105° 01' 48"	09° 23' 35"	104° 58' 31"	C-48-67-A-c, C-48-66-B-b
kênh Zê Rô	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 20' 40"	105° 05' 09"	09° 19' 02"	105° 01' 00"	C-48-67-A-c
rạch Bà Thầy	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 24' 07"	104° 59' 52"	09° 23' 44"	104° 59' 17"	C-48-66-B-b
rạch Cây Khô	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 24' 24"	104° 59' 33"	09° 23' 56"	104° 59' 03"	C-48-66-B-b
rạch Giồng Ông	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 22' 28"	105° 01' 14"	09° 21' 53"	105° 00' 19"	C-48-67-A-c
rạch Ông Điểm	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 16' 24"	105° 01' 31"	09° 16' 35"	105° 02' 17"	C-48-67-A-c
rạch Ông Sâu	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 20' 45"	105° 01' 40"	09° 20' 25"	105° 00' 35"	C-48-67-A-c
rạch Phó Nguyên	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 22' 55"	104° 59' 13"	09° 22' 57"	104° 59' 55"	C-48-66-B-b
rạch Phó Quẻm	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 23' 50"	105° 00' 12"	09° 23' 21"	104° 59' 39"	C-48-67-A-a, C-48-66-B-b
rạch Xóm Mới	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 21' 23"	105° 00' 58"	09° 22' 05"	105° 00' 40"	C-48-67-A-c
Rạch Chệt	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 22' 41"	105° 01' 11"	09° 22' 31"	105° 00' 12"	C-48-67-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Rạch Chuôi	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 23' 29"	105° 00' 35"	09° 23' 01"	104° 59' 55"	C-48-67-A-a, C-48-66-B-b
Rạch Sộp	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 22' 34"	105° 01' 13"	09° 22' 15"	105° 00' 16"	C-48-67-A-c, C-48-67-A-a
Rạch Tắc	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 23' 11"	105° 00' 56"	09° 22' 51"	105° 00' 02"	C-48-67-A-a
Rạch Tềnh	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 21' 23"	105° 01' 31"	09° 20' 58"	105° 00' 27"	C-48-67-A-c
sông Cái Tàu	TV	xã Nguyễn Phích	H. U Minh			09° 32' 00"	104° 50' 08"	09° 14' 26"	105° 04' 06"	C-48-67-A-c, C-48-66-B-b, C-48-67-A-a

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng